NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM

Thanh Hoá, Tháng 10/2026

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SỔ TAY QUẢN LÝ NHÓM

Chủ đầu tư
Công ty CP Phát triển rừng bền vững VN
Giám đốc

Đơn vị Tư vấn
TT Nghiên cứu và Tư vấn QLTN
Giám đốc

Thanh Hoá, Tháng 10/2026

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG *1*

1.1. Tên gọi, biểu tượng 1

1.2. Tôn chỉ, mục đích 1

1.3. Địa vị pháp lý 1

1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm CCR Phát triển bền vững 1

1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động 4

1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động 4

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM *4*

2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng) 4

2.2. Quyền và trách nhiệm của Ban Quản lý Nhóm (Chủ thể nhóm) 5

2.3. Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững 6

III. QUY TRÌNH MỞ RỘNG NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG *7*

3.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của từng phân nhóm đã có chứng chỉ 7

3.2. Kết nạp Thôn và xã mới 8

IV. QUY TRÌNH GIÁM SÁT NỘI BỘ *9*

4.1. Phân cấp giám sát, đánh giá trong tổ chức Nhóm 9

4.2. Phương pháp chọn biểu giám sát 10

4.3. Giám sát quản lý nhóm 11

4.4. Xác định các hoạt động cần giám sát đánh giá 11

4.5. Báo cáo kết quả giám sát 12

4.6. Họp nhóm thường niên 13

4.7. Yêu cầu cho các hành động khắc phục 13

V. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM *14*

VI. HOẠCH TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO *14*

VII. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG THEO PHÂN NHÓM *15*

7.1. Qui trình lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm 15

7.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng 15

PHỤ LỤC *17*

PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM 18

PHỤ LỤC A-1. QUY ĐỊNH VÀ ĐIỀU LỆ THAM GIA NHÓM CCR PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 18

PHỤ LỤC A-2: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM 20

PHỤ LỤC A-3: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI 22

PHỤ LỤC A-4: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM CoC 26

PHỤ LỤC A-5: HỢP ĐỒNG KHAI THÁC RỪNG 30

PHỤ LỤC A-6: THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN 35

PHỤ LỤC A-7: DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC 38
PHỤ LỤC A-8: QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG FSC 40
PHỤ LỤC A-9: CÁC ĐỊNH NGHĨA 41
PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, BÁO CÁO, GIÁM SÁT 43
PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG 82
QT 1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG 83
QT 2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG 85
QT 3. QUY TRÌNH TỈA THƯA RỪNG TRỒNG KEO KINH DOANH GỖ LỚN 86
QT 4. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG 88
QT 5. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG 90
QT 6. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG 91
QT 7. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI 95
QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG 97
QT 9. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI 99
QT 10. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 100
QT 11. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG 102
QT 12. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV VÀ PHÂN BÓN AN TOÀN HIỆU QUẢ 107
QT 13. QUẢN LÝ HÀNH LANG VEN SÔNG SUỐI 110
QT14. QUY TRÌNH MỞ ĐƯỜNG KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG 112
QT15. QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC THEO TIÊU CHUẨN FSC-STD-500-01-V2-1 115

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Phân cấp quản lý trong đánh giá giám sát.....10
Bảng 2. Các hoạt động cần đánh giá giám sát.....11
Bảng 3. Tổng hợp các nội dung và tiến độ báo cáo kết quả đánh giá giám sát 12
Bảng 4. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu 36

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Tên gọi: Nhóm chứng chỉ rừng Phát triển bền vững

1.2. Tôn chỉ, mục đích

Nhóm chứng chỉ rừng Phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Nhóm) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người trồng rừng và những người hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp trên địa bàn thành tỉnh Thanh Hoá. Thành viên Nhóm không phân biệt tuổi tác, dân tộc, tôn giáo, nam, nữ, tự nguyện tham gia vì mục đích trồng rừng có chứng chỉ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC.

1.3. Địa vị pháp lý

Ban Quản lý Nhóm chứng chỉ rừng FSC/FM cho các nhóm hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-PTRBV ngày 10 tháng 09 năm 2026 của Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam. Ban Quản lý Nhóm là đầu mối hỗ trợ nhóm chứng chỉ rừng. Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam là đại diện tư cách pháp nhân xin cấp chứng chỉ FSC/FM cho nhóm.

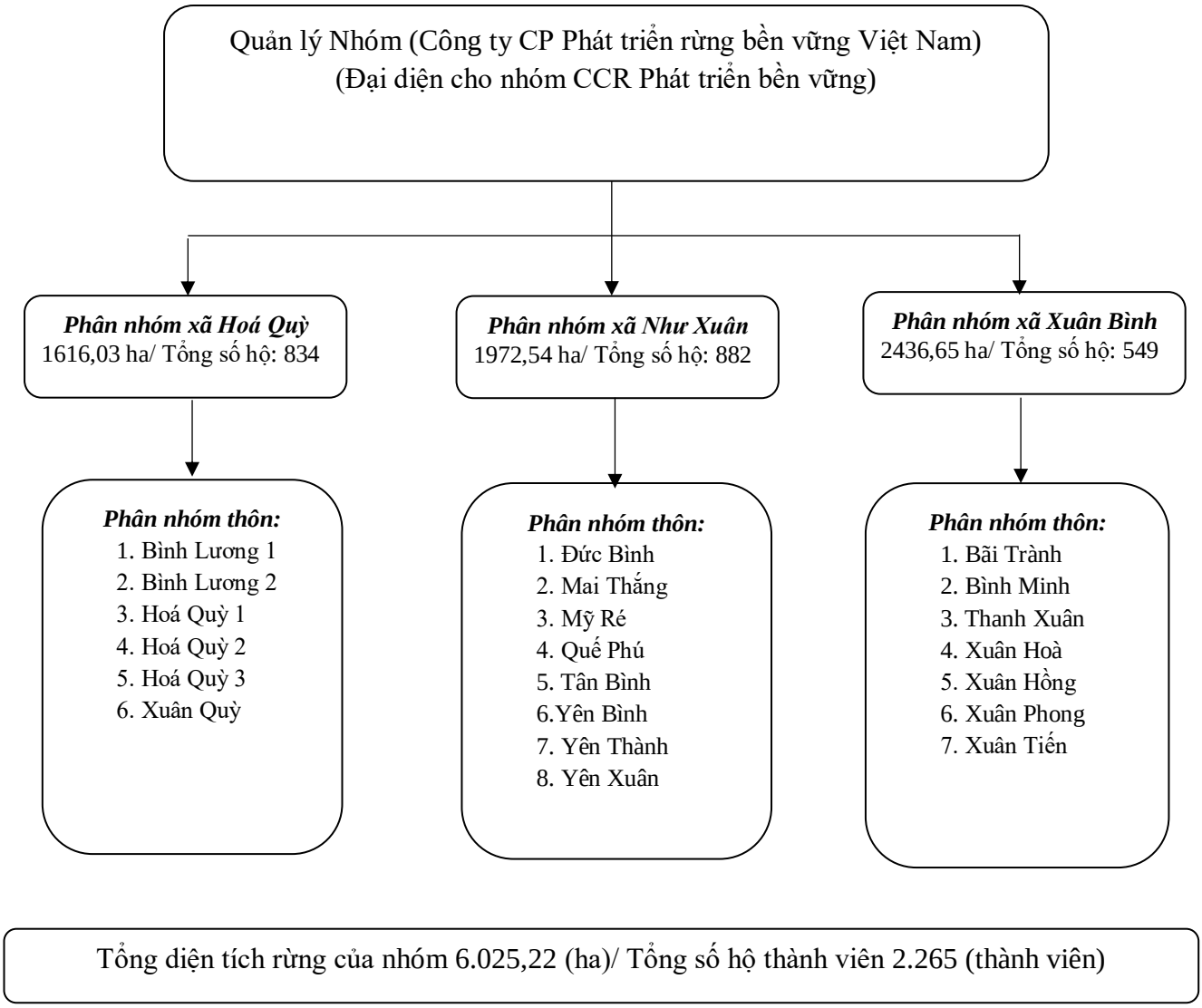
Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam đại diện cho các thành viên trong nhóm giữ chứng chỉ và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng.

Nhóm CCR Phát triển bền vững thực hiện việc duy trì chứng chỉ trên địa bàn các xã/phường thuộc tỉnh Thanh Hoá. Hàng năm tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn còn lại thuộc tỉnh Thanh Hoá - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy. Dự kiến, trong giai đoạn 2026-2030, nhóm sẽ tăng thêm số lượng thành viên đến khoảng 3.500 – 5.000 hộ gia đình và diện tích rừng khoảng 9.000 - 10.000 ha trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá.

1.4. Cơ cấu tổ chức nhóm CCR Phát triển bền vững

Để phù hợp trong công tác tổ chức quản lý nhóm và triển khai các hoạt động trong quản lý rừng, Nhóm CCR Phát triển bền vững xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý nhóm bao gồm các cấp:

- Cấp TP = Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững
- Cấp xã = Các thôn tham gia trong một xã
- Cấp Thôn = Các hộ dân trong thôn liên kết với nhau
- Chủ rừng = Thành viên nhóm cấp thôn (hộ gia đình)



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhóm CCR Phát triển bền vững

1.5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Nhóm hoạt động trong phạm vi tỉnh Thanh Hoá, trong lĩnh vực lâm nghiệp.

2. Nhóm chịu sự quản lý nhà nước của UBND tỉnh Thanh Hoá và các cơ quan có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Nhóm theo quy định của pháp luật.

1.6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ nhóm.

II. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM

2.1. Quyền và trách nhiệm của thành viên nhóm chứng chỉ rừng (chủ rừng)

Tham gia nhóm chứng chỉ rừng là sự tự nguyện của các chủ rừng, để đảm bảo công tác tổ chức nhóm được ổn định và chặt chẽ, tất cả thành viên nhóm chứng chỉ rừng đều phải có trách nhiệm đối với sự tồn tại và phát triển của nhóm.

- *Quyền của thành viên:*

- Được lựa chọn mục tiêu kinh doanh rừng, tham gia đàm phán giá cả khi bán gỗ;
- Được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm từ rừng, sau khi đã hoàn thành đóng góp các khoản phí theo thỏa thuận giữa thành viên với nhóm (nếu có);
- Được tham gia chia sẻ thông tin trong xây dựng kế hoạch giám sát, giám sát chéo các thành viên khác trong công tác quản lý rừng;
- Được bầu và bãi nhiệm Trưởng nhóm cấp thôn.

- *Trách nhiệm của thành viên:*

- Tuân thủ theo Tiêu chuẩn Quản lý rừng hiện hành và điều lệ thành viên nhóm;
- Cam kết các diện tích rừng của thành viên được đưa vào nhóm, sẽ không được đưa vào một chứng chỉ FSC nào khác;
- Đồng ý cho phép Quản lý nhóm, cơ quan cấp chứng chỉ FSC và ASI được thực hiện công việc kiểm tra và trách nhiệm của họ;
- Đồng ý rằng Quản lý nhóm sẽ thay mặt làm người liên hệ với cơ quan cấp chứng chỉ;

- Thực hiện đúng, đủ các hoạt động trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
- *Lưu trữ hồ sơ:* Sổ đỏ hoặc hợp đồng thuê đất lâm nghiệp hoặc các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất; các chứng từ mua bán (nếu có) đối với cây giống, phân bón, thuốc BVTV. Thời gian lưu trữ ít nhất 05 năm.

2.2. Quyền và trách nhiệm của Ban Quản lý Nhóm (Chủ thể nhóm)

Ban Quản lý Nhóm (BQLN) là một đơn vị, tổ chức có tư cách pháp nhân. BQLN được chính quyền địa phương và các thành viên trong nhóm tin cậy. Các thành viên Nhóm ủy quyền Công ty đứng ra xin cấp chứng chỉ rừng cho nhóm. Hiện tại, Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam là đại diện của Nhóm CCR Phát triển bền vững.

- *Quyền của Ban Quản lý nhóm:*

- Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cấp chứng chỉ rừng và ký hợp đồng đánh giá cấp chứng chỉ rừng;
- Giữ bản gốc chứng chỉ rừng của nhóm;
- Kết nạp thành viên mới, mở rộng nhóm và khai trừ thành viên ra khỏi nhóm.

- *Trách nhiệm Ban Quản lý Nhóm:*

- Thực hiện kiểm tra điều kiện ban đầu khi chủ rừng gia nhập nhóm chứng chỉ ***(Biểu 3)*** với tỷ lệ kiểm tra năm đầu tiên 20-30% số thành viên.
- Cung cấp các thông tin về nhóm cho đơn vị cấp chứng chỉ tiến hành các thủ tục để đánh giá chính cấp chứng chỉ rừng và đánh giá định kỳ;
- Cập nhật danh sách thành viên, bản đồ nhóm chứng chỉ theo năm và thảo luận để điều chỉnh kế hoạch quản lý rừng của nhóm phù hợp, ổn định và bền vững;
- Chính thức chấp nhận thành viên mới vào nhóm chứng chỉ hoặc ủy quyền cho Trưởng nhóm cấp xã ký xác nhận vào ***Biểu 1B***;
- Tổng hợp số liệu về chi phí, doanh thu và lợi nhuận của nhóm liên quan trực tiếp đến kinh doanh rừng;
- Tổng hợp các khoản thu từ đóng góp phí thành viên (nếu có) và các chi phí hoạt động nhóm để báo cáo tài chính trong cuộc họp thường niên (1 lần/ năm);
- Thông báo kế hoạch giám sát nội bộ, kế hoạch đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ rừng đến các nhóm cấp xã và thông báo kế hoạch khắc phục lỗi sau đánh giá nội bộ và đánh giá của Tổ chức cấp chứng chỉ đến các nhóm cấp xã;
- Tổ chức giám sát nội bộ hàng năm *với biểu theo công thức chọn biểu là X = 0,6 * √y đối với các lô rừng có diện ra hoạt động trong nhóm* và X=0,1*√*y đối với các lô rừng không diễn ra các hoạt động (chăm sóc, lập ô đo đếm trữ lượng…)*;
- Thực hiện *Giám sát công tác quản lý rừng* trên địa bàn quản lý

- Phổ biến thông tin về thị trường giá cả lâm sản, khách hàng cho các nhóm thôn. Phối hợp cùng Trưởng thôn, chủ rừng đàm phán giá bán gỗ;
- Lưu trữ ngân hàng dữ liệu: tài liệu, số liệu của nhóm trên hệ thống máy tính, bản cứng nếu cần;

Trong trường hợp cần phát sinh để sửa đổi Sổ tay hoặc Điều lệ nhóm, Ban Quản lý nhóm sẽ tổ chức một quá trình sửa đổi một cách minh bạch. Các sửa đổi cần được đồng thuận của ít nhất 2/3 số các thành viên của nhóm.

- *Lưu trữ hồ sơ:* Ban Quản lý nhóm lưu giữ hồ sơ cập nhật về tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn này và Tiêu chuẩn quản lý rừng hiện hành. Thời gian lưu trữ hồ sơ Nhóm tối thiểu là 05 năm, bao gồm:

a) Danh sách tất cả thành viên của nhóm, chi tiết cho từng thành viên:
- Họ tên và thông tin liên lạc;
- Ngày tham gia nhóm và ngày rời khỏi nhóm (nếu có) và lý do rời nhóm;
- Số lượng và diện tích các lô rừng tham gia trong nhóm;
- Vị trí của từng lô rừng trong nhóm, được hồ trợ với bản đồ hoặc dữ liệu;
- Loại hình sở hữu (tư nhân, đơn vị nhà nước quản lý; cộng đồng quản lý…);
- Lâm sản khai thác chính;
- Mã chứng chỉ phụ do Ban Quản lý cấp.

b) Tất cả hồ sơ đào tạo cho cán bộ quản lý nhóm và các thành viên nhóm

c) Cam kết đồng ý tuân thủ chứng chỉ của tất cả các thành viên, thể hiện trong Đơn đăng ký tham gia nhóm CCR Phát triển bền vững

d) Tài liệu và hồ sơ hướng dẫn về thực hành quản lý rừng

e) Hồ sơ giám sát nội bộ nhóm, các lỗi không tuân thủ và các hành động khắc phục để đóng các lỗi không tuân thủ đã phát hiện

f) Hồ sơ về điều tra trữ lượng hoặc ước tính hàng năm của nhóm và sản lượng bán có khai báo FSC thực tế hàng năm của nhóm.

2.3. Ban Quản lý nhóm Chứng chỉ rừng Phát triển bền vững

Ban Quản lý CCR Phát triển bền vững được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ về chủ trương và chính sách liên quan đến việc thành lập, duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá. Chính vì vậy, trong Sổ tay này chỉ đề cập đến vai trò của Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững đang trong tầm kiểm soát nhóm chứng chỉ trong địa bàn Tỉnh:

- Phối hợp các xã tham gia cấp chứng chỉ rừng thực hiện vai trò quản lý nhà nước hỗ trợ hoạt động nhóm chứng chỉ rừng;

- Hỗ trợ, phê duyệt các đề xuất, báo cáo của nhóm chứng chỉ rừng;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan đến công tác quản lý đất lâm nghiệp, quản lý rừng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm hoạt động;

III. QUY TRÌNH MỞ RỘNG NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG

Căn cứ vào nhu cầu của thị trường và quy mô của nhà máy, hiện tại nhóm CCR Phát triển bền vững xác định quy mô mở rộng nhóm đến năm 2030, nhóm sẽ tăng thêm số lượng thành viên đến khoảng 3.500 – 5.000 hộ gia đình và diện tích rừng khoảng 9.000 - 10.000 ha trên địa bàn Tỉnh Thanh Hoá.

3.1. Kết nạp thành viên mới/ lô rừng mới của từng phân nhóm đã có chứng chỉ

Ban Quản lý nhóm sẽ xem xét/ phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt các đơn xin gia nhập nhóm của các hộ dân trong các nhóm Thôn đã tồn tại cho các lô rừng mới vào nhóm, tập trung mỗi năm một lần (Có thể thực hiện các trường hợp ngoại lệ, ví dụ cho một diện tích lớn). Cần tuân thủ qui trình sau đây:

- Các hộ dân nhận biểu đơn, điền thông tin và nộp đơn ***(Biểu 1)*** đến Ban Quản lý Nhóm. Ban Quản lý hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền sẽ hỗ trợ người nộp đơn điền thông tin vào Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng ***(Biểu 2)*** và thực hiện một cuộc kiểm tra các điều kiện ban đầu gia nhập nhóm theo biểu ***(Biểu 3)***. Nếu trong quá trình kiểm tra, phát hiện các lỗi chưa tuân thủ theo Tiêu chuẩn QLRBV FSC thì người kiểm tra thông báo cho người nộp đơn biết các lỗi, giải thích các biện pháp khắc phục và thông nhất thời hạn để thực hiện các hành động khắc phục;

- Sau khi các chủ rừng hoàn thành hành động khắc phục lỗi và được Ban Quản lý Nhóm kiểm tra. Ban Quản lý Nhóm sẽ đưa vào danh sách thành viên và cập nhật các lô rừng đó vào kế hoạch quản lý của Nhóm. Các thành viên mới này sẽ được tiếp tục hướng dẫn hoàn thành các công việc tiếp theo, thông báo kế hoạch quản lý lô rừng, biểu giám sát, điều tra tình hình kinh tế xã hội,..;

- Trước khi có phê duyệt cuối cùng cho các thành viên mới, Quản lý nhóm cần thông báo cho tổ chức cấp chứng chỉ danh sách thành viên mới được cập nhật, bao gồm cả những thành viên mới kết nạp và bị khai trừ. Những thành viên mới cần phải được đánh giá và công nhận "đạt yêu cầu" từ tổ chức cấp chứng chỉ;

- Ban Quản lý nhóm cần cập nhật hàng năm toàn bộ danh sách nhóm bao gồm: gia nhập mới và rời bỏ nhóm của các thành viên.

Ban Quản lý Nhóm hoặc người nông dân chủ chốt được ủy quyền cần phát các tài liệu liên quan đến QLRBV FSC và tổ chức tập huấn cho các thành viên mới.

3.2. Kết nạp Thôn và xã mới

3.2.1. Thôn/ xã mới đã được đánh giá tiềm năng về cấp chứng chỉ rừng

Nếu các thôn trong xã mới hoặc xã mới có nhu cầu tham gia Nhóm chứng chỉ đã được đánh giá tiềm năng thì QLN cần có các hoạt động hỗ trợ về công tác tổ chức và hướng dẫn kỹ thuật QLRBV FSC thông qua các hoạt động theo Quy trình sau:

- *Tổ chức Hội nghị Giới thiệu về Chứng chỉ rừng triển khai kế hoạch cấp chứng chỉ rừng cho xã, thành phần bao gồm:*

- Lãnh đạo UBND xã, cán bộ nông lâm, kiểm lâm địa bàn;
- Đại diện Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,...
- Các Trưởng thôn, nhóm trưởng;
- Toàn bộ các chủ rừng trong xã có nhu cầu tham gia nhóm chứng chỉ.

Sau thời gian hội nghị, có thể 2 tuần hoặc 4 tuần Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững xã sẽ tổng hợp đơn xin gia nhập nhóm chứng chỉ rừng của các chủ rừng. Ban QL nhóm sẽ phối hợp cùng các Trưởng thôn tiến hành tổ chức các lớp tập huấn về Công tác tổ chức quản lý nhóm và hướng dẫn kỹ thuật quản lý rừng.

- *Các lớp tập huấn về Tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng, bao gồm:*

- Chứng chỉ rừng và Cơ cấu tổ chức nhóm;
- Kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng chứng chỉ;
- An toàn lao động trong hoạt động lâm nghiệp;
- Phòng trừ sâu bệnh hại và phòng chống cháy rừng;
- Khai thác tác động thấp và Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm;
- Xây dựng kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, cấp xã;
- Giám sát đánh giá nội bộ công tác quản lý nhóm và quản lý rừng.

- *Hoàn thiện hồ sơ thành viên*

- Hồ sơ thành viên bao gồm: sổ đỏ (hoặc lâm bạ, hợp đồng thuê đất hoặc các giấy tờ chứng minh nguồn gốc liên quan); đơn xin tham gia nhóm chứng chỉ ***(Biểu 1)***; Phiếu thu thập thông tin diện tích rừng trồng ***(Biểu 2)***; kiểm tra điều kiện ban đầu ***(Biểu 3)***; các chứng từ mua cây giống, phân bón, thuốc BVTV (nếu có);
- Hồ sơ nhóm cập nhật theo dữ liệu, điều tra, báo cáo theo số liệu mới nhất của các thành viên Nhóm.

3.2.2. Đối với các xã chưa được đánh giá tiềm năng cấp chứng chỉ rừng

Đánh giá tiềm năng cho cấp chứng chỉ rừng là hoạt động rà soát tất cả các lĩnh vực về tình hình kinh tế - xã hội - môi trường dựa trên Bộ tiêu chuẩn QLRBV FSC để lựa chọn. Từ kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng sẽ được lập kế hoạch sát với thực tế và hiệu quả.

Sau khi có kết quả đánh giá tiềm năng, các hoạt động hỗ trợ sẽ được thực hiện tương tự như phần trên. Có thể dựa vào thực tế, các hoạt động được chi tiết hơn hoặc đơn giản hơn.

IV. QUY TRÌNH GIÁM SÁT NỘI BỘ

4.1. Phân cấp giám sát, đánh giá trong tổ chức Nhóm

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng hàng năm của nhóm và được tổng hợp bởi Quản lý nhóm, kế hoạch giám sát nội bộ được xây dựng cho từng hoạt động, từng cấp quản lý thực hiện. Những nội dung chính trong giám sát nội bộ, bao gồm:

- Giám sát hoạt động trồng rừng ***(Biểu 9A)***;
- Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng ***(Biểu 9B)***;
- Giám sát hoạt động quản lý, bảo vệ rừng ***(Biểu 9C)***;
- Giám sát hoạt động khai thác rừng ***(Biểu 9D)***.

Để đảm bảo việc xây dựng kế hoạch giám sát nội bộ phù hợp cho từng hoạt động, quản lý nhóm các cấp phải tổ chức tham vấn thành viên nhóm, các bên liên quan của địa phương.

- *Các lô rừng đang hoạt động (active) là các lô rừng có diễn ra các hoạt động sau:*

  - Các hoạt động cho khai thác, ví dụ như bài cây, phân định vùng đệm ven sông, xác định các khu vực nhạy cảm về môi trường và văn hoá;

  - Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ (tất cả các phương pháp khai thác/ khai thác gỗ thương mại);

  - Phát triển cơ sở hạ tầng (xây dựng đường lâm nghiệp);

  - Các hoạt động cho trồng rừng: làm đất, trồng, xử lý thực bì theo quy định, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

  - Các biện pháp lâm sinh: tỉa cành, tỉa thưa, chăm sóc làm cỏ vun gốc.

- *Các lô rừng không hoạt động (non-active) là các lô rừng:*

  - Các hoạt động giám sát, bảo vệ rừng (tuần tra phòng cháy chữa cháy, giám sát các hoạt động trái phép;

  - Thiết lập và giám sát các ô mẫu định vị theo dõi trữ lượng lâu dài;

  - Vệ sinh rừng, bảo dưỡng/cắt cỏ các đường ranh lô;

- Phân giới và bảo trì đường ranh giới;

- Xây dựng, cập nhật kế hoạch quản lý rừng;…

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, việc giám sát, đánh giá sẽ được phân công cụ thể cho từng cấp quản lý.

Bảng 1. Phân cấp quản lý trong đánh giá giám sát

Cấp quản lý	Nội dung đánh giá	Loại đánh giá	Tần suất thực hiện
BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững	-Đánh giá sự phù hợp và hiệu quả thực hiện quản lý nhóm nhằm thực hiện QLRBV và duy trì CCR theo bộ tiêu chuẩn Nhóm của FSC -Đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn QLRBV theo Bộ tiêu chuẩn FSC trong các hoạt động SXKD của các thành viên	Nội bộ	1 lần/năm
Cán bộ giám sát Công ty phối hợp với Trưởng thôn hoặc nông dân chủ chốt	Giám sát tính tuân thủ của các hoạt động SXKD rừng của các thành viên nhóm cấp xã. Xác minh sự phù hợp và chính xác trong giải pháp khắc phục của các chủ rừng	Thường xuyên	1 tháng/lần

4.2. Phương pháp chọn biểu giám sát

Căn cứ kế hoạch quản lý rừng của Nhóm, kế hoạch giám sát đánh giá được xây dựng cho năm hoạt động. Ban Quản lý nhóm phải sử dụng lịch giám sát hàng năm để lập kế hoạch giám sát đánh giá các lô rừng.

Căn cứ kế hoạch kinh doanh rừng theo lô, kế hoạch giám sát lô được quản lý nhóm tổng hợp theo cấp tuổi để lập cho từng hoạt động giám sát cấp thôn (kế hoạch giám sát quản lý rừng – ***Biểu 8***)

Căn cứ tính thời vụ trong kinh doanh rừng của địa phương, Quản lý nhóm hoặc người được ủy quyền của Ban Quản lý nhóm sẽ lựa chọn thời điểm cần giám sát các hoạt động trong năm, số biểu giám sát của Quản lý nhóm $X = 0,6 * \sqrt{y}$ (x = số lượng các ĐVQLR cần đánh giá, y = tổng số ĐVQLR) đối với các lô rừng đang hoạt động và $X= 0,1*\sqrt{y}$ đối với các lô rừng không có hoạt động.

4.3. Giám sát quản lý nhóm

- Kiểm tra thủ tục kết nạp/khai trừ thanh viên
- Kiểm tra sự tuân thủ theo các quy trình của nhóm
- Kiểm tra kế hoạch và kết quả giám sát và biện pháp khắc phục.

4.4. Xác định các hoạt động cần giám sát đánh giá

Tất cả các hoạt động thực hiện trong quá trình quản lý rừng đều phải được giám sát đánh giá nhằm đảm bảo việc tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí của FSC. Đồng thời quá trình đánh giá giám sát giúp phát hiện các vấn đề nảy sinh khi thực hiện quản lý rừng, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế và khắc phục các vấn đề yếu kém và các hoạt động chưa tuân thủ. Kế hoạch quản lý rừng và Phương án QLRBV cần được cập nhật hằng năm dựa trên phân tích các kết quả đánh giá giám sát. Các hoạt động giám sát và mẫu phiếu giám sát được trổng hợp trong Bảng 2

Bảng 2. Các hoạt động cần đánh giá giám sát

TT	Hoạt động	Yêu cầu kỹ thuật	Mẫu phiếu giám sát
I.	**Giám sát các hoạt động SXKD của thành viên nhóm (Tổ FSC Công ty phối hợp với trưởng thôn và cán bộ chuyên trách bảo vệ rừng của xã thực hiện)**		
1)	Giám sát trồng rừng	- Sử dụng quy trình kỹ thuật trồng rừng đực xây dựng cho Nhóm làm căn cứ đánh giá giám sát. - Giám sát tất cả các lô rừng trồng mới	Mẫu 9A: Mẫu giám sát hoạt động trồng rừng
2)	Giám sát chăm sóc rừng	- Sử dụng quy trình kỹ thuật chăm sóc rừng làm căn cứ đánh giá - Giám sát theo hình thức bốc mẫu	Mẫu 9B: Mẫu giám sát hoạt động chăm sóc rừng
3)	Giám sát hoạt động bảo vệ và phòng chống cháy rừng	- Sử dụng quy trình chăm sóc bảo vệ và quy trình phòng chống cháy rừng làm căn cứ cho đánh giá - Giám sát theo hình thức bốc mẫu	Mẫu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ và phòng chống cháy rừng
4)	Giám sát hoạt động khai thác (bao gồm cả mở đường vận xuất,…)	- Sử dụng quy trình khai thác để làm cơ sở đánh giá giám sát - Giám sát cho tất cả các lô rừng khai thác	Mẫu 9D: Mẫu giám sát hoạt động khai thác Mẫu 9F: Biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất
5)	Giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng	- Sử dụng quy trình đánh giá tăng trưởng và trữ lượng rừng để làm căn cứ giám sát - Tần suất giám sát là 5 năm 1 lần, thực hiện cho cấp tuổi 3 trở lên.	Mẫu 9E: Phiếu giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng
6)	Giám sát đa dạng sinh học, tác động môi trường, xã hội và an toàn lao động	Lồng ghép vào việc giám sát các hoạt động sxkd của nhóm	Lồng ghép vào các mẫu giám sát trên

		Sử dụng các quy trình kỹ thuật lâm sinh, an toàn lao động, tác động môi trường xã hội,… để làm căn cứ giám sát	
II.	**Đánh giá nội bộ tổ chức nhóm (Do BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững thực hiện)**		
1)	Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm	- Sử dụng các quy trình quản lý và kỹ thuật đã được xây dựng và đang áp dụng cho Nhóm để làm căn cứ đánh giá. - Đánh giá cho bộ máy BQL CCR và thành viên - Ban Quản lý nhóm sẽ bầu ra một tổ giám sát nội bộ, bao gồm cả thành viên trong ban quản lý nhóm và có thể mời thêm chuyên gia bên ngoài để tăng tính khách quan cho việc đánh giá - Bốc mẫu đánh giá hiện trường như phần 4.2	Mẫu 18. Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm.
2)	Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản lý nhóm		Mẫu 19. Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản lý nhóm.
3)	Đánh giá sự phù hợp của các quy trình quản lý nhóm và quy trình kỹ thuật QLRBV đang áp dụng cho tổ chức Nhóm		Mẫu 20. Đánh giá sự phù hợp của các quy trình quản lý nhóm và quy trình kỹ thuật QLRBV đang áp dụng cho tổ chức Nhóm.
4)	Giám sát nội bộ: trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý/bảo vệ rừng, khai thác.		Sử dụng các mẫu Giám sát hiện trường – mục I của Bảng này.

4.5. Báo cáo kết quả giám sát

Sau khi đánh giá giám sát, người đánh giá và chủ rừng ký xác nhận vào phiếu đánh giá. Hai bên thống nhất thời gian để hoàn thiện các hoạt động khắc phục lỗi không tuân thủ của chủ rừng. Trong thời gian này, BQL Nhóm liên lạc với chủ rừng để hướng dẫn và chỉ đạo việc khắc phục lỗi. Hết thời gian khắc phục lỗi, BQL CCR cấp xã phải kiểm tra hiện trường vào phê chuẩn vào phần phê duyệt ở cuối mỗi phiếu giám sát.

BQL CCR cấp xã phải tổng hợp một báo cáo theo mẫu (Mẫu 8) nộp lên cho BQL CCR cấp TP 3 tháng 1 lần.

Bảng 3. Tổng hợp các nội dung và tiến độ báo cáo kết quả đánh giá giám sát

Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Mẫu phiếu	Hạn nộp báo cáo
BQL Nhóm CC	Thực hiện đánh giá giám sát các hoạt động Quản lý rừng và khắc phục điểm chưa tuân thủ (nếu có) của thành viên và lưu các phiếu giám sát tại văn phòng Công ty	Các biểu mẫu giám sát 9A, 9B, 9C, 9D, 9F, và toàn bộ hồ sơ khai thác, kê khai CoC	Hoàn thành theo thực tế các hoạt động SXKD của chủ rừng
		Mẫu 13	3 tháng 1 lần; vào ngày cuối cùng của mỗi quý.

	Kết quả đánh giá nội bộ lưu tại Công ty CP Phát triển rừng bền vững VN	Các biểu 11A, 11B,18, 19, 20	Hoàn thành trước lúc đánh giá chính

4.6. Họp nhóm thường niên

Các cuộc họp nhóm thường niên là nơi để các thành viên nhóm trao đổi thông tin, thảo luận và đưa ra quyết định. Ban Quản lý Nhóm CCR sẽ tổ chức các cuộc họp ở thôn hoặc xã và có sự tham gia của đại diện lãnh đạo xã, phòng ban liên quan, trưởng thôn và các thành viên Nhóm. Mọi quyết định đều cần có sự đồng thuận. Trong trường hợp không đạt được sự đồng thuận thì sẽ có một cuộc bỏ phiếu, yêu cầu có ít nhất 2/3 số phiếu đồng ý của những Thành viên có mặt trong cuộc họp.

Ngoài ra, các cuộc họp thường niên đáp ứng chức năng giám sát ở cấp cảnh quan:

- Giám sát tác động môi trường: giám sát các vấn đề xung quanh tác động môi trường của quản lý rừng trong năm, các biện pháp đã sử dụng cần được thảo luận hàng năm và tài liệu hóa bằng biên bản, báo cáo họp định kỳ hàng năm. Các kết quả sẽ được đưa lên bảng thông tin nhóm thôn/xã và lưu trong hồ sơ;
- Giám sát tác động xã hội: Ban Quản lý nhóm lập một đánh giá tình hình kinh tế xã hội của các thành viên và những người nộp đơn. Nội dung đánh giá cần so sánh các chỉ số của năm trước với năm đánh giá, nắm bắt được những thay đổi theo thời gian trong khoảng 5 năm, phân tích những yếu tố tích cực và tiêu cực để có những giải pháp thực hiện.

Một bản dự thảo chương trình họp thường niên đính kèm trong cuốn sổ tay quản lý nhóm sẽ được sử dụng như một bản hướng dẫn danh mục kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các khía cạnh quan trọng đều được thảo luận.

4.7. Yêu cầu cho các hành động khắc phục

Những người có trách nhiệm cần giám sát kỹ lưỡng việc thực hiện các yêu cầu cho hành động khắc phục đã được đưa ra trong thời gian giám sát nội bộ tại các lô rừng **(Yêu cầu hành động khắc phục nội bộ)** cho đến trước lần giám sát nội bộ kỳ sau. Điều này sẽ được thực hiện qua các biểu giám sát, báo cáo và các cuộc họp thường niên.

Các yêu cầu hành động khắc phục lỗi do các đánh giá viên của tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra trong các cuộc đánh giá định kỳ hoặc đánh giá lại cần được quan tâm đặc biệt:

- Ban Quản lý nhóm ghi lại tất cả các yêu cầu hành động khắc phục cần đưa vào danh mục các yêu cầu hành động khắc phục;
- Ban Quản lý nhóm phối hợp với chủ rừng thực hiện biểu yêu cầu hành động khắc phục ***(Biểu 12)*** với mô tả rõ ràng về lỗi và thời hạn thực hiện hành động khắc phục;

- Trong trường hợp chủ rừng đã nhiều lần thất bại trong việc hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục nội bộ, hay các yêu cầu hành động khắc phục do tổ chức cấp chứng chỉ nêu ra thì Ban Quản lý Nhóm phải xem xét lại tư cách tham gia nhóm của chủ rừng, để ra quyết định khai trừ thành viên ra khỏi nhóm chứng chỉ.

V. CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÓM

Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững phải xây dựng, thực hiện và cập nhật các quy định để quản lý nhóm bằng văn bản, bao gồm các yêu cầu của Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC, theo quy mô và sự phức tạp của nhóm:

- Quy định về điều kiện để trở thành thành viên của nhóm ***(Phụ lục A-1)***;
- Quy định về kết nạp các thành viên mới vào nhóm ***(Phụ lục A-1; mục 3.1)***;
- Các quy định về khai trừ hoặc đình chỉ thành viên ra khỏi nhóm ***(Phụ lục A-2)***;
- Hệ thống giám sát nội bộ của nhóm ***(Mục IV)***;
- Quy trình khắc phục lỗi không tuân thủ được phát hiện trong đánh giá nội bộ và đánh giá bởi tổ chức cấp chứng chỉ, bao gồm thời hạn khắc phục và hậu quả nếu lỗi không được khắc phục ***(Mục 4.5)***;
- Quy trình giải quyết khiếu nại từ các bên liên quan đến các thành viên trong nhóm ***(Phụ lục A-3)***;
- Hệ thống theo dõi và truy xuất các lâm sản có chứng chỉ FSC do thành viên nhóm khai thác và vận chuyển (CoC) ***(Biểu 15, 16)***;
- Các quy định về sử dụng các nhãn hiệu FSC và mã số FSC

VI. HOẠCH TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO

Kế hoạch tấp huấn sẽ được xây dựng trên cơ sở đánh giá nhu cầu của các chủ rừng (thành viên), khi các lớp tập huấn đã được thống nhất với đối tượng, số lượng tham gia, địa điểm tổ chức thực hiện thì Ban Quản lý nhóm sẽ chuẩn bị các nội dung tài liệu phù hợp và lập dự toán cho các lớp trong năm thực hiện.

Hoạt động tập huấn có thể linh hoạt theo từng nội dung và đối tượng tác động: nếu các chủ rừng mới hoàn toàn cần phải thực hiện tập huấn toàn bộ các nội dung liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và QLRBV FSC, nếu là các thành viên cũ của nhóm thì có thể tiến hành 2 năm/ lần cho việc tập huấn lại. Trong trường hợp có thay đổi chính về cấu trúc nhóm hoặc qui định kỹ thuật, Ban Quản lý nhóm có thông báo và hướng dẫn tập huấn bổ sung trong các cuộc họp định kỳ tại xã/thôn.

Sau mỗi lớp tập huấn, Ban Quản lý nhóm cần có báo cáo đánh giá chất lượng, danh sách người tham gia tập huấn để lưu lại làm bằng chứng thực hiện.

VII. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG THEO PHÂN NHÓM

7.1. Qui trình lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm

Trên cơ sở tổng hợp các lô rừng của thành viên tham gia nhóm chứng chỉ, BQL Nhóm tổ chức cuộc họp nhóm với mục đích thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng theo lô cho tất cả thành viên trong nhóm, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác trắng với diện tích lớn liền kề không vượt quá 15 ha – đối với địa hình có độ dốc lớn và có hành lang ven suối, đồng thời điều tiết diện tích rừng nhiều cấp tuổi trong nhóm để hạn chế rủi ro trong kinh doanh. Lập kế hoạch quản lý rừng theo nhóm xã được thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Rà soát, thảo luận với thành viên nhóm để thống nhất mục tiêu kinh doanh rừng của họ;

Bước 2: Phân loại các lô rừng theo từng cấp tuổi hoặc nhóm cấp tuổi, loài cây để làm cơ sở lập kế hoạch quản lý rừng của nhóm;

Bước 3: Lập kế hoạch các hoạt động quản lý rừng của nhóm nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh và đảm bảo tuân thủ các tiêu chí về kỹ thuật, môi trường và đạt hiệu quả kinh tế, như: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng trừ sâu bệnh hại, phòng chống cháy rừng và khai thác rừng. Kế hoạch sẽ được xác định rõ cho từng hoạt động đối với từng diện tích và thời gian thực hiện, người chịu trách nhiệm thực hiện.

Bước 4*:* Mô tả kế hoạch quản lý rừng theo cấp cảnh quan và dự báo về khả năng phát triển mở rộng diện tích rừng/ tiềm năng sẵn có.

BQL Nhóm tổng hợp kế hoạch kinh doanh các lô rừng các hộ từ các thành viên vào bảng kế hoạch quản lý rừng. Kế hoạch này phục vụ cho việc xây dựng, cập nhật bản đồ hiện trạng rừng của nhóm.

Kết quả tóm tắt kế hoạch quản lý rừng cấp và bản đồ hiện trạng nhóm chứng chỉ rừng sẽ được công bố trên bảng tin của Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam hoặc uỷ ban xã, hội trường thôn, để tất cả thành viên nhóm và các bên liên quan nắm bắt thông tin về hoạt động chứng chỉ rừng.

Căn cứ vào kế hoạch quản lý rừng của Nhóm, Ban Quản lý nhóm lập kế hoạch giám sát hàng năm và thông báo lịch giám sát hàng năm cho các cấp quản lý trong nhóm để thực hiện.

7.2. Cập nhật và sửa đổi kế hoạch quản lý rừng

Kế hoạch quản lý rừng là kim chỉ nam của mọi hoạt động. Tất cả các lô rừng mới tham gia, các lô được khai thác và trồng lại mới cũng như các lô bị thay đổi hiện trạng mà không được báo trước (dịch bệnh, bão đổ) cần được tổng hợp cập nhật vào kế hoạch quản

lý rừng hàng năm. Ban Quản lý nhóm sẽ phê duyệt bất kỳ thay đổi quan trọng trong quản lý lô rừng. Lý do cho sự thay đổi này cần được giải thích rõ ràng trong sổ nhật ký quản lý lô rừng và cập nhật trong kế hoạch quản lý rừng của Nhóm.

Các thay đổi quan trọng cho kế hoạch quản lý rừng của Nhóm cần phải được tham vấn với các bên liên quan theo cách phù hợp.

Ban Quản lý nhóm có trách nhiệm thường xuyên tìm hiểu, cập nhật những văn bản Pháp quy về hướng dẫn thực hiện trong công tác QLRBV của Việt Nam và của Hội đồng quản trị rừng quốc tế FSC. Ban Quản lý nhóm cần thông báo các văn bản đó, tập huấn cho các thành viên và cập nhật vào kế hoạch quản lý rừng hoặc vào kế hoạch sửa đổi.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM

A1: Quy định về kết nạp thành viên vào nhóm

A2: Quy xin ra khỏi nhóm và khai trừ nhóm

A3: Quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại

A4: Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm CoC

A5: Hợp đồng mua bán và thanh lý hợp đồng gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC

A6: Tham vấn các bên liên quan

PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, GIÁM SÁT, BÁO CÁO

PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH LÂM SINH

QT1. Quy trình xử lý thực bì và trồng rừng

QT2. Quy trình chăm sóc và bảo vệ rừng trồng

QT3. Quy trình tỉa thưa rừng trồng keo kinh doanh gỗ lớn

QT4. Quy trình phòng chống cháy rừng/quản lý lửa rừng

QT5. Quy trình điều tra tăng trưởng rừng

QT6. Quy trình khai thác gỗ rừng trồng

QT7. Quy trình quản lý và xử lý rác thải

QT8. Quy trình quản lý sâu bệnh hại rừng trồng

QT9. Đánh giá tác động môi trường, xã hội

QT10. Quy trình an toàn lao động trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp

QT11. Sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động

QT12. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc bvtv An toàn hiệu quả

QT13. Quản lý hành lang ven sông suối

PHỤ LỤC A: CÁC QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH CỦA NHÓM

PHỤ LỤC A-1. QUY ĐỊNH VÀ ĐIỀU LỆ THAM GIA NHÓM CCR PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Điều 1: Điều kiện tham gia nhóm

Để đảm bảo tính thống nhất khi kết nạp thành viên vào nhóm CCR Phát triển bền vững, tất cả chủ rừng có nhu cầu tham gia nhóm phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chủ rừng trồng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc sửu dụng đất ổn định, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
2. Tự nguyện tham gia và có tinh thần đoàn kết, tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau;
3. Tất cả các lô rừng đăng ký tham gia nhóm phải được kiểm tra điều kiện ban đầu và hoàn thành khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo yêu cầu của nhóm;
4. Phải đáp ứng yêu cầu quản lý rừng theo "Danh mục kiểm tra sự tuân thủ FSC" và phù hợp với kế hoạch quản lý rừng của nhóm ít nhất là 5 năm;
5. Các thành viên đồng ý để Quản lý nhóm (Công ty CP Phát triển rừng bền vững VN) là đơn vị đại diện xin cấp chứng chỉ FSC, chịu sự kiểm tra giám sát hàng năm của quản lý nhóm các cấp;
6. Khi có những mâu thuẫn, các thành viên cùng nhau bàn bạc tìm giải pháp giải quyết mang tính xây dựng đối với những người có liên quan;
7. Phải tham gia sinh hoạt và đóng góp đầy đủ các khoản phí (nếu có) theo quy định của nhóm.

Điều 2: Kết nạp thành viên mới vào nhóm *(Mục 3.1)*

Điều 3: Xin ra khỏi nhóm

Những thành viên đã cam kết tham gia nhóm lâu dài nên chỉ có thể xin ra khỏi nhóm với những trường hợp ngoại lệ sau:

1. Khi tham gia vào nhóm chứng chỉ khác hoặc làm chứng chỉ riêng;
2. Khi rừng trồng thay đổi chủ sở hữu;
3. Khi rừng trồng bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ diện tích.

Thành viên xin ra khỏi nhóm phải thông báo và nêu lý do bằng văn bản cho Trưởng nhóm Thôn/trạm và không được hoàn lại bất kỳ khoản đóng góp từ trước-nếu có (trừ trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh phá hủy toàn bộ rừng trồng).

Điều 4: Khai trừ thành viên ra khỏi nhóm

Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm CCR Phát triển bền vững bởi lý do:

1. Không chấp hành Điều lệ nhóm;

2. Không cho Quản lý nhóm, đại diện tổ chức cấp chứng chỉ hoặc tổ chức FSC vào rừng trồng để giám sát và đánh giá;
3. Không khắc phục những điểm chưa tuân thủ theo Nguyên tắc và tiêu chí FSC trong thời hạn được thỏa thuận;
4. Các thành viên khiếu kiện sai, sử dụng sai tên hoặc biểu tượng FSC của nhóm;
5. Làm thiệt hại đến quyền lợi chung của nhóm hoặc của một thành viên trong nhóm mà không bồi thường đầy đủ thiệt hại sẽ bị khai trừ và bị truy tố theo pháp luật;
6. Không tham gia họp nhóm định kỳ và đóng góp các khoản phí hội viên hoặc những khoản khác mà đã thống nhất trong nhóm.

   Thành viên bị khai trừ khỏi nhóm không được hoàn lại bất kỳ các khoản đóng góp.

PHỤ LỤC A-2: QUY TRÌNH XIN RA KHỎI NHÓM VÀ KHAI TRỪ KHỎI NHÓM

1. Xin ra khỏi nhóm

Một thành viên có thể rời khỏi nhóm nếu người đó gặp phải điều kiện đặc biệt rời khỏi nhóm có nêu trong điều lệ thành viên. Thành viên này phải thông báo cho BQL nhóm về quyết định xin ra khỏi nhóm và nêu rõ lý do cho việc đó.

Ban Quản lý nhóm phải trả lời bằng thư cho thành viên đó về ngày chấm dứt tư cách thành viên của họ. Thời gian không quá 1 tháng kể từ ngày nhận được đơn/thông báo xin ra khỏi nhóm.

Khi thành viên đã thông báo cho BQL Nhóm về ý định xin ra khỏi nhóm thì thành viên này không được tiếp thị sản phẩm đã được chứng chỉ hoặc có các đòi hỏi liên quan đến chứng chỉ. Ngày Ban Quản lý nhóm thông báo cho thành viên ra khỏi nhóm thì Trưởng nhóm đưa thành viên đó ra khỏi danh sách hội viên.

Ban Quản lý nhóm sẽ:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ;
- Cập nhật danh sách thành viên kể cả ngày rời khỏi nhóm;
- Gửi thông tin cập nhật đó cho Tổ chức cấp chứng chỉ;
- Đưa thành viên đó ra khỏi lịch giám sát.

2. Khai trừ khỏi nhóm

Một thành viên có thời gian 3 tháng để hoàn thành các yêu cầu hành động khắc phục lỗi lớn (đã được định nghĩa trong **phụ lục A-9**). Trong trường hợp khắc phục lỗi lớn được xác định trong khoảng thời gian ít hơn 3 tháng trước khi đánh giá FSC, Ban Quản lý nhóm sẽ gửi văn bản đến thành viên để thông báo chi tiết về phương pháp và thời hạn khắc phục cần được hoàn thành. Nếu thành viên không thực hiện các hoạt động yêu cầu khắc phục trong thời hạn đã thỏa thuận trước thì một quy trình khai trừ đối với thành viên đó sẽ phải triển khai.

Trưởng nhóm sẽ gửi cho thành viên này thư khai trừ theo biểu và nêu rõ lý do khai trừ và các thủ tục tiếp theo.

Khi thủ tục khai trừ bắt đầu triển khai thì thành viên này không được tiếp thị hoặc bán bất kỳ sản phẩm nào có chứng chỉ hoặc đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào về quản lý rừng trồng được cấp chứng chỉ.

Thành viên này có 30 ngày để phản đối quyết định khai trừ. Nếu Trưởng nhóm không nhận được đơn kháng cáo trong vòng 30 ngày thì thành viên đó bị khai trừ. Nếu

thành viên nộp đơn kháng cáo thì qui trình kháng cáo được thực hiện theo quy trình được trình bày trong Thủ tục khiếu nại và kháng cáo.

Khi thành viên bị khai trừ thì Trưởng nhóm phải ghi vào hồ sơ hội viên rằng thành viên đó không còn trong nhóm và ghi ngày hiệu lực cho việc này

Ban Quản lý nhóm phải:

- Chuyển hồ sơ của thành viên đó sang hồ sơ lưu trữ và;
- Cập nhật danh sách hội viên và đưa tên của thành viên đó khỏi danh sách các thành viên và bổ sung vào danh sách những thành viên bị khai trừ.

PHỤ LỤC A-3: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI

I. MỤC ĐÍCH

Kịp thời tiếp nhận và xử lý các tranh chấp quyền sử dụng và lấn, chiếm rừng và đất rừng. Từ đó có các phản hồi, phương án giải quyết minh bạch, khách quan.

Hướng dẫn thực hiện các bước công việc, thủ tục cần thiết để giải quyết các vấn đề tranh chấp về quyền sử dụng đất trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích đơn vị được giao quản lý.

Quy trình được xây dựng dựa vào các quy định của Pháp luật Việt Nam, các tiêu chuẩn của FSC. Đảm bảo lợi ích của Nhóm CCR Phát triển bền vững và các bên liên quan (người dân địa phương, các cơ quan, tổ chức khác...) về quyền sử dụng đất không bị xâm hại đúng theo quy định của Pháp luật.

Hướng dẫn đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo cán bộ các Phòng, các đơn vị trực thuộc, hộ nhận khoán và người dân có thể đọc hiểu và khai thác sử dụng có hiệu quả.

II. CĂN CỨ

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Luật đất đai năm 2024.

- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;

- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

- Tình hình quản lý sử dụng đất tại Nhóm CCR Phát triển bền vững và tập quán canh tác của nhân dân trên địa bàn.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

- Tranh chấp đất đai: Tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong lĩnh vực sử dụng đất đai.

- Lấn đất: Là việc tổ chức hoặc cộng đồng dân cư đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

- Chiếm đất: Là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc chủ sử dụng đất cho phép sử dụng hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước tạm giao hoặc mượn đất nhưng hết thời hạn tạm giao, mượn đất nhưng không trả lại đất.

IV. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ LẤN CHIẾM RỪNG VÀ ĐẤT RỪNG:

a. Về tranh chấp quyền sử dụng đất:

- Tổ chức và cộng đồng dân cư có đơn thư khiếu nại về quyền sử dụng đất hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai thì bên được coi là bị lấn chiếm yêu cầu bên được coi là lấn chiếm tạm ngừng mọi hoạt động trên diện tích đất tranh chấp.

- Nhóm chứng chỉ rừng phối hợp cùng với chính quyền địa phương và tổ chức hoặc cá nhân tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra ngoài thực địa những diện tích đất tranh chấp.

- Sau khi có biên bản kiểm tra, các bên liên quan (bao gồm chính quyền địa phương, đại diện nhóm chứng chỉ, các cá nhân liên quan) họp và giải quyết như sau:

+ Trường hợp thứ nhất: Một trong hai bên tranh chấp đồng thuận về trách nhiệm và sai phạm đã được xác minh: Bên sai phạm thỏa thuận bồi thường cho hộ gia đình bị sai phạm.

+ Trường hợp thứ hai: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì khởi kiện ra tòa án dân sự. Quyết định của tòa án là cơ sở để các bên giải quyết tranh chấp.

Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

b. Lấn, chiếm đất rừng:

1. Đối với tổ chức hoặc cá nhân không có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi xảy ra vụ việc: Ban Quản lý nhóm CCR lập hồ sơ giải quyết tranh chấp theo mức độ.

- Mức độ vi phạm hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý theo Nghị định 91/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai hoặc Nghị định 41/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thuỷ sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

- Mức độ hình sự: Theo qui định hiện hành của pháp luật.

2. Đối với cộng đồng dân cư địa phương sống ven rừng các thành viên nhóm Chứng chỉ rừng.

+ Đại diện nhóm chứng chỉ, chính quyền địa phương tiến hành điều tra xác minh và lập biên bản trên diện tích đất bị lấn chiếm.

+ Yêu cầu cá nhân, tổ chức làm cam kết không được mở rộng diện tích. Không tiếp tục ảnh hưởng đến tài nguyên rừng của thành viên nhóm chứng chỉ.

+ Đại diện Nhóm cùng mời chính quyền địa phương tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại, ảnh hưởng kinh tế đến nhóm viên, triển khai giải quyết tranh chấp theo luật định. Tổ chức hòa giải giữa các hộ gia đình

- Nhóm chứng chỉ rừng kết hợp với chính quyền địa phương, thôn/bản tuyên truyền vận động người dân không xâm phạm, lấn chiếm rừng rừng trái phép.

- Nếu quá trình tranh chấp làm thiệt hại đến rừng và đất rừng tự nhiên thì tổ chức hoặc cá nhân nào sai phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành.

V. CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH VỀ KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Chính sách của Việt Nam: Hoạt động khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp 2013, Luật Khiếu nại 02/2011/QH13, Luật Đất đai 2024 và các văn bản hướng dẫn luật, là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Việc thực hiện quyền khiếu nại của công dân thể hiện mối quan hệ Nhà nước và công dân trong đó người khiếu nại đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của chính bản thân người đi khiếu nại.

* *Khiếu nại* là việc công dân đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

**Giải quyết khiếu nại* là việc thụ lý, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại.

Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân được pháp luật quy định trong Hiến pháp, Luật Khiếu nại, Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn luật, đó là cơ sở pháp lý để công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình, đảm bảo thực thi tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Luật Khiếu nại quy định người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện việc khiếu nại. Người khiếu nại phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (người đủ 18 tuổi và không bị mắc các bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không thể nhận thức hoặc điều khiển được hành vi của mình hoặc bị hạn chế năng lực hành vi do nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác).

Trường hợp không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc vì lý do khách quan, công dân phải có người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ để thực hiện khiếu nại.

Theo quy định của pháp luật, công dân đủ năng lực hành vi dân sự đều có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người dân có quyền khiếu nại về những vấn đề liên quan đến:

(1) Công tác giao đất: quy trình giao đất, quy trình - thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác quản lý đất đai,…
(2) Công tác giao và khoán rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao khoán,…
(3) Công tác quản lý và bảo vệ rừng: quy trình giao, cách thức giao, hợp đồng giao quản lý bảo vệ,…
(4) Chi trả dịch vụ môi trường rừng: đối tượng, mục đích, cách thức chi trả,…
(5) Công tác tăng cường luật pháp và quản lý lâm sản: tuân thủ lâm luật, quản lý tài nguyên rừng,
(6) Quyền lợi của người dân địa phương, cộng đồng (người dân tộc, bản địa) trong việc sử dụng rừng và khai thác lâm đặc sản phục vụ cho nhu cầu của họ trong quá trình tham gia quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại các công ty lâm nghiệp,…
(7) Vấn đề bình đẳng giới trong tham gia thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững

Trên đây là quy trình giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất và các hành vi lấn, chiếm rừng

Quá trình thực hiện nếu có xảy ra bất cập nhóm chứng chỉ rừng cùng cộng đồng dân cư cùng địa phương, bàn bạc giải quyết. Nhóm chứng chỉ rừng cam kết thực hiện đúng qui trình đã ban hành trong quá trình giải quyết tranh chấp về đất, quyền sử dụng đất (nếu có xảy ra).

PHỤ LỤC A-4: QUY TRÌNH KÊ KHAI HỒ SƠ LÂM SẢN VÀ CHUỖI HÀNH TRÌNH SẢN PHẨM CoC

I. Quy định chung

- Toàn bộ sản phẩm khai thác (gỗ xẻ, gỗ dăm,…) phải được kê khai chi tiết cho từng lô khai thác
- Hồ sơ khai thác bao gồm: Hợp đồng khai thác, Phiếu kê khai chuỗi hành trình sản phẩm và hóa đơn bán hàng phải được lưu lại ở cả bên mua và bên bán để giải trình cho chỗi hành trình sản phẩm CoC của sản phẩm gỗ có chứng chỉ

II. Quy trình kê khai hồ sơ lâm sản và chỗi hành trình sản phẩm CoC

a. Chuỗi hành trình sản phẩm của gỗ keo trong các lô rừng thanh viên Nhóm sẽ như sau:

Rừng Hộ gia đình - Trạm cân Trung gian của Công ty tại các xã - Trạm cân Nhà máy

b. Một số rủi ro và biện pháp giảm thiểu

Các điểm trong chuỗi	Rủi ro tiềm ẩn	Biện pháp giảm thiểu
Rừng hộ gia đình	- Khai thác không đúng lô rừng được cấp FSC; - Khai thác vượt quá diện tích được cấp chứng chỉ FSC - Kê khai sản lượng vượt quá mức trung bình của lô rừng	- Ban QL Nhóm CC phối hợp chủ rừng khảo sát lô rừng và đo đếm trữ lượng. - BQL Nhóm chỉ cấp mã số khai thác khi đảm bảo lô rừng kê khai theo đơn đăng ký khai thác đã được cấp chứng chỉ FSC
Trạm cân trung gian của Công ty	- Bị trộn lẫn với gỗ không FSC	- Trạm cân trung gian của Công ty theo dõi tập hợp và lưu Bảng kê lâm sản từ chủ rừng và Thực hiên ghi chép hồ sơ kê khai chi tiết quá trình vận xuất gỗ từ lô rừng đến trạm cân;

		- Tách vật lý khu vực kho bãi tập kết gỗ riêng biệt FSC và không FSC. - Phiếu cân thể hiện thông tin trọng lượng thực tế của từng xe gỗ tương ứng của lô rừng.
Trạm cân nhà máy	Bị trộn lẫn gỗ không FSC	- Bộ phận thu mua nhà máy sẽ tập hợp, lưu trữ và đối chiếu giữa Bảng kê lâm sản, Phiếu bán hàng và phiếu cân tại Trạm cân trung gian hoặc trực tiếp tại nhà máy để đảm bảo gỗ từ cửa rừng đến cổng nhà máy được giám sát theo chuỗi, truy xuất được nguồn gốc và không bị trộn lẫn.

III. Quy trình kê khai và các biểu mẫu liên quan:

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Người thực hiện
Đơn đăng ký khai thác	- ***Biểu 14*** – Đơn đăng ký khai thác rừng trồng có chứng chỉ FSC - Mã số gồm: Ký hiệu lô rừng/FSC-tháng khai thác (02 chữ số) năm khai thác(04 chữ số)	- Chủ rừng - Tổ FSC đo đếm trữ lượng - Ban Quản lý Nhóm duyệt và cấp Mã số đăng ký khai thác
Hợp đồng mua bán gỗ nguyên liệu	- Hợp đồng mua bán được biên soạn theo biểu ***(Phụ lục A-5)*** - Hợp đồng phải đầy đủ thông tin: Tên chủ rừng, Địa chỉ, Lô khai thác, thời gian khai thác;	- Chủ rừng phối hợp với Ban Quản lý Nhóm CCR
Bảng kê lâm sản	- Biểu kê lâm sản ***(Biểu 15)*** đầy đủ các thông tin tương ứng với mã số đăng ký khai thác và thông tin vận chuyển gỗ từ lô rừng đến trạm cân Trung gian/Công ty. *Mẫu theo TT số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ NN&MT ngày 31/12/2025*	- Chủ rừng

Phiếu Bán hàng	- Phiếu bán hàng ***(Biểu 16)*** phải thể hiện được các thông tin bao gồm: o Mã số đăng ký khai thác; o Mã số Chứng chỉ; o Trữ lượng gỗ khai thác thực tế thông qua phiếu cân từng xe tại trạm cân - Giữa Bảng kê lâm sản và Phiếu bán hàng đều có liên hệ với nhau thông qua Mã đăng ký khai thác do Ban đại diện Nhóm CCR huyện Cam Lộ cấp khi nhận được đơn đăng ký khai thác từ chủ rừng.	- Trạm cân trung gian của Công ty/Trực tiếp Công ty
Mẫu Phiếu cân	Sau khi gỗ FSC được tập kết tại Trạm cân, sẽ được đưa lên xe vận chuyển về nhà máy. Phiếu cân sẽ thể hiện thông tin vận chuyển (thời gian di chuyển, nơi đi-nơi đến) và trọng lượng thực tế của các lô rừng được cấp chứng chỉ FSC tại trạm cân trung gian.	- Trạm cân trung gian - Hoặc trực tiếp của Công ty
Bán gỗ	Chủ rừng có thể tự bán gỗ hoặc uỷ quyền cho Ban Quản lý Nhóm Để đảo bảo sự tuân thủ các yêu cầu chứng chỉ FSC/CoC, hóa đơn phải bao gồm các thông tin sau: * Tên và địa chỉ của người bán ; * Tên và địa chỉ của người mua; * Ngày xuất hóa đơn; * Miêu tả sản phẩm *(Loại, tên phổ thông, tên thương mại và tên khoa học);* * Khối lượng sản phẩm được bán; * Yêu cầu FSC *(FSC 100%)* cho các sản phẩm; * Tham chiếu đến số phiếu vận chuyển CoC * Số chứng chỉ FSC/FM của Nhóm hộ Nếu hoá đơn (*hoặc bản sao*) không được gửi cùng sản phẩm đến người mua thì người bán phải cung cấp một chứng từ vận tải bao gồm các thông tin như liệt kê ở trên cùng sản phẩm.	- Chủ rừng - Ban Quản lý Nhóm

Công thức quy đổi	***Công thức quy đổi đơn vị*** *(Theo TT số 26/2025/TT-BNNMTT quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thuỷ sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân)**:*** - 1000 kg quy đổi bằng 1 m^3 gỗ tròn - 01 ster quy đổi bằng 0,7 m^3 gỗ tròn

PHỤ LỤC A-5: HỢP ĐỒNG KHAI THÁC RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
MUA BÁN GỖ RỪNG TRỒNG
(Số:……../HĐKT/FSC-2026)

- Căn cứ vào Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực ngày 01/01/2017 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/06/2025 Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thuỷ sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
- Căn cứ nhu cầu khai thác rừng trồng của chủ rừng là thành viên Nhóm CCR Phát triển bền vững và nhu cầu thu mua nguyên liệu của Công ty CP Phát triển rừng bền vững VN

Hôm nay, ngày…..tháng …năm 20.....Tại ……, chúng tôi gồm:

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN (BÊN A)

Ông/ bà: .....chức vụ:……
Địa chỉ:……
Số CCCD:……, ngày cấp:……, cấp tại:……
Số tài khoản:……, tại ngân hàng :…….

ĐẠI DIỆN BÊN MUA (BÊN B):

Ông/ bà: .....chức vụ:……
Đơn vị thu mua: …….
Địa chỉ:……
MST:……
Số tài khoản:……, tại ngân hàng :……..

Qua bàn bạc 2 bên cùng thống nhất nội dung hợp đồng gồm các điều khoản sau :

Điều 1. Bên B bán gỗ cho bên A với các thông tin lô rừng như sau

- Khai thác rừng trồng lô……. năm ....., diện tích:…….ha, tại địa điểm thôn ……., xã ....., TP ……. (theo kế hoạch quản lý rừng năm ….. và kết quả điều tra trữ lượng rừng).
- Tổng khối lượng dự kiến khai thác:……..m^3, trong đó:
  + *Gỗ xẻ (W1.1):……m^3*
  + *Gỗ dăm (W1.3):……m^3*

Điều 2. Đơn giá mua bán

- Đơn giá khai thác: .....đ/ m^3 x ……m^3= ……đ
- Tổng giá trị hợp đồng:……..đ
- Tạm ứng ……..... % tổng giá trị hợp đồng trong thời gian ..... ngày làm việc;
- Thanh toán .....% còn lại tổng giá trị hợp đồng trong thời gian 07 ngày sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng;
- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 3. Thời hạn thực hiện hợp đồng

- Từ ngày:……/……./20..… đến hết ngày……/……./ 20……
- Nếu có phát sinh thêm thời gian thực hiện hợp đồng, đại diện nhà thầu phải thông báo cho chủ rừng và Trưởng nhóm thôn trước 2 ngày để có kế hoạch giám sát.

Điều 4. Các yêu cầu chính về kỹ thuật khai thác rừng trồng và an toàn lao động

- Phát thực bì, vệ sinh rừng trồng trước khai thác;
- Cắt hạ cây đứng đảm bảo đúng kỹ thuật: mở miệng, cắt gáy, chọn hướng đổ theo chiều thuận lợi của địa hình lô rừng và hướng gió;
- Cắt khúc theo quy cách hợp đồng từng loại sản phẩm với khách hàng mua gỗ;
- Phân loại gỗ theo cấp kính quy định (theo quy trình khai thác);
- Bóc vỏ (nếu có), bốc xếp lên xe tải và vận chuyển đến nhà máy;
- Sử dụng đúng, đủ bảo hộ lao động cho công nhân khai thác và công nhân bốc xếp;
- Phải trang bị túi cứu thương với đầy đủ dụng cụ sơ cứu, thuốc,….

Điều 5. Trách nhiệm Bên B

- Tổ chức khai thác theo các yêu cầu ở Điều 4
- Vận chuyển gỗ đến đúng địa điểm và thời gian thoả thuận
- Thực hiện Bảng kê lâm sản theo đúng quy định của Nhóm
- Phối hợp cùng bên A hoàn thành các thủ tục để nghiệm thu thanh lý hợp đồng theo đúng quy định.

Điều 6. Trách nhiệm Bên A

- Thanh toán số tiền còn lại cho bên B trong vòng 7 ngày sau khi bên B đã bàn giao gỗ đến địa điểm đã thoả thuận;

Điều 7. Điều khoản chung

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu bên nào vi phạm các điều khoản gây thiệt đến tài sản chung, phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên kia. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc và giải quyết trên tinh thần xây dựng, hợp tác.

Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được thanh lý khi hai bên thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ của mình hoặc hai bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng.

Hợp đồng được lập 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIÊN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG
(Số ***Ký hiệu lô rừng/Mã số FSC***/NTTL-VJC)

- Căn cứ Hợp đồng khai thác rừng trồng số……./HĐ-VJC ngày…… tháng….năm 20…giữa Ông/Bà……,Thôn……. Xã ……với Công ty .....
- Căn cứ khối lượng và giá trị thực hiện hợp đồng.

Hôm nay, ngày.....tháng .....năm 20…..Tại:……chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN BÊN A (Bên mua):

Ông/ bà: ..... chức vụ: …….

Đơn vị thu mua

Địa chỉ:……

Số CMND:……, ngày cấp:……, cấp tại:……

Số tài khoản:……, tại ngân hàng :……..

2. ĐẠI DIỆN BÊN B (Bên B):

Ông/ bà: .....chức vụ:……

Địa chỉ:……

Số CMND:……., ngày cấp:……, cấp tại:……..

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản/Tiền mặt

Số tài khoản:……, tại ngân hàng :…….

Hai bên thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số……./HĐ-VJC ngày…… tháng….năm 20…giữa Ông/Bà…….. với Công ty ……..…… với các nội dung sau :

Điều 1. Khối lượng thực hiện hợp đồng

Bên B đã thực hiện đầy đủ các hoạt động trong khai thác rừng theo đúng yêu cầu của bên A như : kỹ thuật khai thác và an toàn lao động. Khối lượng thực hiện cụ thể:

- Gỗ xẻ (W1.1) :……m^3
- Gỗ dăm (W1.3) :…….m^3

Điều 2. Giá trị thực hiện hợp đồng

- Đơn gia: .....đ/ m^3 x ……m^3= ……đ
- Tổng giá trị thực hiện: ……..……...đ
- Đã tạm ứng số tiền: ;
- Thanh toán còn lại tổng giá trị hợp đồng, bằng tiền …….. trong thời gian …….. ngày sau khi thanh lý hợp đồng;

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 3. Trách nhiệm các bên và hình thức thanh toán

- Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính (nếu có) hoặc làm giấy biên nhận theo giá trị nghiệm thu thanh lý hợp đồng cho Bên A;
- Bên A có trách nhiệm thanh toán giá trị thanh lý hợp đồng cho Bên B trong vòng 07 ngày sau khi thanh lý hợp đồng được ký;
- Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 4. Kết luận

Hai bên cùng ký biên bản nghiệm thu thanh lý Hợp đồng số……./HĐ-VJC ngày……tháng….năm 20…giữa Ông/bà với Công ty.....;

Biên bản thanh lý hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIÊN BÊN B	**ĐẠI DIỆN BÊN A**
Ký, ghi rõ họ tên	*Ký, ghi rõ họ tên*

PHỤ LỤC A-6: THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. MỤC ĐÍCH

- Chia sẻ, thông tin và trao đổi về các nội dung cần lấy ý kiến của các bên liên quan
- Ghi nhận phản hồi của các bên liên quan và chỉnh sửa các nội dung

II. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐƯỢC MỜI THAM VẤN:

- Các Ban ngành liên quan : Phòng NN-MT, Phòng văn hoá, Kiểm lâm khu vực, UBND xã vv….
- Các hộ gia đình, trưởng thôn sống gần rừng, bị ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của nhóm vv…

III. NỘI DUNG THAM VẤN CÁC BÊN LIÊN QUAN:

- Xây dựng, điều chỉnh và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững
- Đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao
- Bất kỳ thay đổi nào trong quy hoạch sử dụng đất bao gồm cả việc chuyển đổi diện tích rừng của các thành viên thuộc Nhóm CCR Phát triển bền vững
- Việc xác minh việc tuân thủ Tiêu chuẩn của FSC
- Các vấn đề khác như cơ chế chia sẻ lợi ích, cơ chế hợp tác với người dân, cộng đồng, phương án phòng chống cháy rừng, các hoạt động lâm nghiệp mà có tác động đến một hoặc nhiều bên liên quan cụ thể.

IV. CÁC HÌNH THỨC THAM VẤN:

Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững sẽ chọn một trong các hình thức sau (phù hợp với từng nội dung tham vấn cụ thể) để thực hiện tham vấn các bên liên quan:

- Tổ chức họp, hội thảo: Ban Quản lý Nhóm gửi giấy mời tham gia đến các bên liên quan ít nhất 07 ngày trước khi tổ chức họp, hội thảo tham vấn, lấy ý kiến.
- Công văn, thư điện tử: Ban Quản lý Nhóm gửi thư điện tử, thư tham vấn đến các bên liên quan về các vấn đề cụ thể và yêu cầu các bên liên quan gửi phản hồi trong khoảng thời gian xác định (02-03 tuần).
- Thông báo tuyên truyền trên loa phát thanh, hoặc giấy mời trực tiếp tới các hộ thành viên nhóm chứng chỉ hoặc gián tiếp qua Ban Quản lý các phân nhóm và các bên liên quan tại địa phương. Tổ chức các cuộc họp thảo luận lấy ý kiến góp ý vào những vấn đề cần tham vấn.
- Hàng năm ít nhất một lần Ban Quản lý nhóm chứng chỉ rừng tổ chức lấy ý kiến tham vấn gửi cho các bên liên quan đề nghị các bên liên quan góp ý phản hồi (nếu có thông tin thay đổi) và cập nhật những diễn biến, thay đổi về các quy định, tiêu chuẩn trong và ngoài nước về quản lý rừng bền vững. Hoạt động này được thực hiện qua email hoặc qua đường công văn thư tín.

- Khi có những thay đổi bất thường trong hoạt động quản lý rừng, Ban Quản lý nhóm cần có sự tham vấn đến các bên liên quan đảm bảo sự thay đổi phù hợp với mục tiêu quản lý rừng và tuân thủ nguyên tắc FSC
- Trên đây là nội dung cơ bản quy trình tham vấn các bên liên quan áp dụng cho nhóm CCR Phát triển bền vững.

V. XÁC ĐỊNH CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐÔNG THAM VẤN

Các bên liên quan chịu ảnh hưởng trực tiếp/gián tiếp, tích cực/tiêu cực bởi hoạt động của tổ chức nhóm được tổng hợp trong Bảng 4.

Bảng 4. Các bên liên quan chịu tác động và nhu cầu

Bên chịu ảnh hưởng	Trực tiếp	Gián tiếp	Tích cực	Tiêu cực	Nhu cầu của họ
Các cấp quản lý nhà nước liên quan	x	x	x	x	Các cấp quản lý nhà nước như UBND xã, thành phố; Phòng NN&MT; KL khu vực… mong muốn thúc đẩy sự phát triển và mở rộng của tổ chức nhóm và duy trì thực hiện QLRBV và chứng chỉ rừng
Cộng đồng địa phương	x	x	x	x	- Cộng đồng địa phương mong muốn học hỏi kinh nghiệm, kỹ thuật, giống tốt,... - Nhu cầu được tạo điều kiện công ăn việc làm từ các hoạt động SXKD của tổ chức nhóm - Được bồi thường thiệt hại nếu các hoạt động SXKD của nhóm gây ảnh hưởng đến họ
Các tổ đội vận xuất, khai thác, trồng rừng	x		x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với các HTX, chủ rừng để nhận khoán thực hiện các hoạt động - Được đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, an toàn lao động - Được chi trả tiền hợp đồng dịch vụ đúng thời hạn
Các doanh nghiệp buôn bán, sản xuất các sản phẩm từ gỗ; các xưởng xẻ	x	x	x	x	- Mong muốn được liên doanh liên kết với Nhóm để sản xuất theo mô hình chuỗi - Bao tiêu nguồn nguyên liệu có chứng chỉ thông qua hình thức ký cam kết với người trồng rừng

					- Hỗ trợ chi phái đánh giá duy trì chứng chỉ để độc quyền nguồn cung cấp nguyên liệu
Các nhà tri thức, các tổ chức bảo vệ môi trường, xã hội	x	x	x	x	- Theo dõi các hoạt động của tổ chức nhằm mục đích bảo vệ môi trường, quyền động vật, đa dạng sinh học, quyền của người lao động,...
Các thành viên là chủ rừng	x	x	x	x	- Mong muốn đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến chứng chỉ rừng (giám sát đánh giá, kê khai hồ sơ lâm sản,...) - Nhu cầu tập huấn, nâng cao năng lực - Nhu cầu về nguồn vốn để tái sản xuất

(Kết quả thảo luận tại một số đợt truyền thông/tập huấn nhóm năm 2026)

PHỤ LỤC A-7: DANH MỤC KIỂM TRA SỰ TUÂN THỦ FSC

I. Điều kiện tiên quyết để chủ rừng xin tham gia nhóm Chứng chỉ rừng

1. Có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng đất hợp pháp hoặc đất sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp và được chính quyền địa phương xác nhận, với thời hạn từ 10 năm trở lên (đảm bảo thời gian ít nhất 2 chu kỳ chứng chỉ);
2. Rừng trồng được thành lập trên đất trống hoặc không phải là rừng được chuyển đổi từ rừng tự nhiên trước năm 1994;
3. Kế hoạch trồng rừng của chủ rừng phải phù hợp với mục đích sử dụng đất được các cơ quan chức năng phê duyệt;

II. Các điều bắt buộc đối với quản lý rừng:

1. Ranh giới giữa đất rừng trồng sản xuất với đất lâm nghiệp sử dụng mục đích khác phải được thể hiện rõ trên hiện trường bằng các dấu mốc cây tự nhiên hoặc trụ bê tông. Và được khoanh vẽ trên bản đồ hiện trạng;
2. Nguồn gốc của cây giống trồng rừng cần tài liệu hóa cho tất cả các lô rừng được trồng sau khi tham gia nhóm (cây giống trồng rừng phải có phiếu xuất vườn, hoặc hóa đơn/ chứng từ mua cây giống để chứng minh nguồn gốc);
3. Không sử dụng các chất hóa học và phân bón đã bị cấm bởi FSC;
4. Các hoạt động trồng, chăm sóc, tỉa thưa nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ và khai thác rừng phải được xây dựng trong kế hoạch kinh doanh rừng theo lô;
5. Toàn bộ kế hoạch quản lý rừng cấp thôn, xã phải được lập từ việc tổng hợp kế hoạch kinh doanh rừng theo lô của các thành viên nhóm và được sự đồng ý Quản lý nhóm;
6. Trong trường hợp đất bị xói mòn, các hoạt động phục hồi đất cần được chú trọng;
7. Động, thực vật nguy cấp và có nguy cơ, không phân biệt là ở trong hay ngoài diện tích rừng quản lý, không được phép săn bắt và sưu tầm bởi các thành viên trong nhóm;
8. Thu gom rác thải phải được thực hiện thường xuyên qui định bảo vệ môi trường của địa phương và của nhóm Chứng chỉ rừng;
9. Việc đổ dầu, nhớt cần phải được ngăn chặn, đặc biệt nơi gần vùng nước. Theo đó, máy cưa và máy cắt cỏ phải được thay/đổ dầu bên ngoài vùng đệm;
10. Một vùng đệm dọc theo hai bên dòng sông, suối hoặc nguồn nước cố định cần phải được quản lý như sau:

- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;

- Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;
- Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;
- Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.
- Độ rộng hành lang ven suối tại các khu vực có thể thay đổi tuỳ theo hiện trạng khu vực cũng như phù hợp với văn hoá, thực trạng canh tác tại địa phương, mà vẫn đảm bảo sự ổn định của dòng chảy sông, suối và độ đa dạng loài của khu vực này.

III. Công nhân (người lao động) và điều lệ an toàn lao động

1. Phải đảm bảo đúng quy trình về an toàn trong lao động và sử dụng thiết bị an toàn lao động, đặc biệt trong trường hợp sử dụng cưa máy, người khai thác phải mặc bảo hộ lao động và mang theo đồ sơ cứu;
2. Không sử dung lao động đang bị quản thúc hay ở dạng khác của tổ chức bán lao động;
3. Không sử dụng trẻ em dưới 15 tuổi trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp của chủ rừng;
4. Chủ rừng phải hướng dẫn cho người làm thuê những yêu cầu liên quan đến FSC®;
5. Nam, nữ phải có bình đẳng giới về việc làm và thu nhập.

IV. Qui định về tài liệu và lưu trữ

Ngoài việc thực hiện trách nhiệm của thành viên nhóm, trong danh mục kiểm tra chủ rừng cần tuân thủ yêu cầu về tài liệu và lưu trữ như sau:

1. Tất cả hợp đồng bán gỗ, mua cây giống, phân bón cần phải được photo chuyển cho Trưởng nhóm thôn lưu trữ;
2. Trong trường hợp sử dụng thuốc BVTV cần được báo cáo cho Trưởng nhóm Thôn/trạm cụ thể về tên thuốc, liều lượng và ngày được sử dụng;
3. Các vụ tai nạn trong sản xuất lâm nghiệp cần được thông báo cho Trưởng nhóm Thôn/trạm;
4. Khai thác rừng phải báo trước cho Trưởng nhóm thôn ít nhất 10 ngày. Sau khai thác, kế hoạch trồng lại rừng được báo cho nhóm Trưởng nhóm Thôn/trạm chậm nhất 30 ngày;
5. Khai thác trắng liền kề lớn hơn 15 ha ở diện tích đất có độ dốc cao (>25%) phải được thống nhất bằng văn bản với Quản lý nhóm (liên quan đến các điều luật bảo vệ môi trường).

PHỤ LỤC A-8: QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ RỪNG FSC

Thông tin, dữ liệu cơ sở	• Thông tin về yêu cầu cấp chứng chỉ quản lý rừng tuân theo các tiêu chuẩn FSC® • Thu thập dữ liệu cần thiết về khách hàng để lập báo giá
↓	
Báo giá và Hợp đồng	• Xây dựng báo giá dựa trên các thông tin do khách hàng cung cấp • Chuẩn bị bản thảo hợp đồng • Ký kết hợp đồng và cam kết hai bên
↓	
Đánh giá sơ bộ	• Trong đánh giá sơ bộ: phân tích những điểm yếu hiện tại và tiềm năng cần phải cải thiện…
↓	
Tham vấn bên liên quan	• Tham vấn các bên liên quan
↓	
Đánh giá chính	• Một đoàn chuyên gia độc lập sẽ thẩm tra và đánh giá việc quản lý rừng tuân theo các tiêu chuẩn của FSC® • Xây dựng báo cáo đánh giá • Thẩm tra lại báo cáo do chuyên gia kỹ thuật của cơ quan cấp chứng chỉ thực hiện
↓	
Tham vấn ý kiến chuyên gia độc lập	• Báo cáo đánh giá lại được kiểm tra lại về chất lượng, hiệu chỉnh nội dung do các chuyên gia trong ngành đảm nhận
↓	
Cấp chứng chỉ	• Cơ quan cấp chứng chỉ là người ra quyết định cấp chứng chỉ • Cấp chứng chỉ FSC® • Chuyển chứng chỉ được cấp cho khách hàng
↓	
Thực thi các tiêu chuẩn theo quy định FSC™	• Khách hàng hay doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện các yêu cầu sửa lỗi đã chỉ ra
↓	
Đánh giá định kỳ	• Thực hiện các đánh giá giám sát hàng năm • Thẩm tra việc thực hiện quản lý rừng theo các tiêu chuẩn của FSC® thông qua các bằng chứng rõ ràng • Kết quả đánh giá được chuyên gia kỹ thuật kiểm tra lại • Cơ quan cấp chứng chỉ ra quyết định về việc gia hạn, tạm dừng hoặc thu hồi chứng chỉ tuỳ theo kết quả đánh giá
↓	
Cấp lại chứng chỉ	• Việc cấp lại chứng chỉ được thực hiện trước khi chứng chỉ cũ hết hiệu lực và sau khi đã ký kết lại một hợp đồng cấp chứng chỉ mới

PHỤ LỤC A-9: CÁC ĐỊNH NGHĨA

1. Lỗi không tuân thủ lớn (Major car)

Lỗi không tuân thủ lớn có thể là lỗi riêng biệt hay kết hợp với các lỗi không thuân thủ thuộc các chỉ số khác mà nó dẫn đến kết quả một thất bại cơ bản để đạt được các mục tiêu của Tiêu chuẩn FSC® tại một (hoặc nhiều) đơn vị quản lý rừng trong phạm vi nhóm. Lỗi không tuân thủ lớn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

Không ban hành các tài liệu hướng dẫn hoặc không có hồ sơ chứng minh theo đúng quy định và vi phạm nghiêm trọng yêu cầu bắt buộc của tiêu chuẩn FSC®;

Có ban hành tài liệu hướng dẫn theo đúng quy định, nhưng thực tế hầu hết các chủ rừng không thực hiện theo (Tức văn bản này không có hiệu lực tại chủ rừng);

Vi phạm các yêu cầu luật định (Liên quan đến phạm vi chứng nhận);

Lỗi nhỏ không được khắc phục của lần đánh giá trước sẽ tự động nâng lên lỗi lớn.

2. Lỗi không tuân thủ nhỏ (Minor car)

Lỗi không tuân thủ nhỏ xảy ra trong các trường hợp sau:

- Là các điểm không thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến tài liệu hoặc hồ sơ nhưng mang tính không hệ thống, tính liên kết có thể bị phá vỡ và chỉ xảy ra tại một hoạt động hoặc một số nơi;
- Lỗi quan sát không có giải pháp ngăn ngừa sẽ tự động lên lỗi nhỏ.

3. Lỗi quan sát (Observer)

Là các điểm không vi phạm bất cứ yêu cầu nào như luật định, hệ thống tài liệu hoặc hồ sơ hoặc các yêu cầu khách hàng nhưng nó cần thiết cho hoạt động quản lý rừng được cải thiện tốt hơn nhằm gia tăng hiệu quả áp dụng hệ thống.

4. Đa dạng sinh học

Sự đa dạng của tất cả các loài sinh vật thuộc về các hệ sinh thái trên mặt đất, biển và các hệ sinh thái dưới nước khác và các tổ hợp sinh thái mà các sinh vật là một thành phần; bao gồm sự đa dạng về loài và hệ sinh thái (Công ước Đa Dạng Sinh Hoc)

5. Rừng có giá trị bảo tồn cao

Rừng có giá trị bảo tồn cao là rừng có một hay nhiều thuộc tính sau:

1) Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu (ví dụ: các loài đặc hữu, bị đe dọa, loài di trú);
2) Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu, nằm trong, hoặc bao gồm đơn vị quản lý rừng, nơi mà nhiều quần xã của hầu hết nếu không phải là tất cả các loài xuất hiện tự nhiên tồn tại trong những biểu chuẩn tự nhiên;

3) Rừng thuộc về những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp;
4) Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên cơ bản trong những tình huống quan trọng (ví dụ: phòng hộ đầu nguồn, kiểm soát xói mòn);
5) Rừng đóng vai trò nền tảng trong việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương (ví dụ sinh kế, sức khỏe);
6) Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc nhận diện văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương (khu vực có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo được nhận biết qua hợp tác với các cộng đồng địa phương đó)

PHỤ LỤC B: CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP, BÁO CÁO, GIÁM SÁT

TT	Hộ gia đình	Ban Quản lý Nhóm	Ghi chú
I	**Hồ sơ đăng ký ban đầu**		
	Biểu 1A: Đơn xin gia nhập Nhóm	Biểu 5: Tổng hợp Danh sách các hộ gia đình đăng ký tham gia nhóm CCR tại các Thôn/trạm	
	Biểu 1B: Thư thông báo công nhận thành viên	Biểu 6: Tổng hợp các khu vực hành lang ven suối	
	Biểu 1C: Thư thông báo khai trừ nhóm viên		
	Biểu 2: Thu thập thông tin diện tích rừng trồng hộ gia đình	Biểu 7: Kế hoạch Khai thác rừng của xã theo năm	
	Biểu 3: Kiểm tra điều kiện ban đầu		
	Biểu 4: Mô tả hành lang-vùng đệm (nếu có)		
	Biểu 5: Tổng hợp Danh sách các hộ gia đình đăng ký tham gia nhóm CCR tại các Thôn/trạm		
II	**Hồ sơ Giám sát**		
	Biểu 8: Kế hoạch Giám sát của nhóm hộ CCR Phát triển bền vững	Biểu 8: Kế hoạch Giám sát của nhóm hộ CCR Phát triển bền vững	
	Biểu 9A: Giám sát hoạt động trồng rừng	Biểu 9A: Giám sát hoạt động trồng rừng	
	Biểu 9B: Giám sát hoạt động Chăm sóc rừng	Biểu 9B: Giám sát hoạt động Chăm sóc rừng	
	Biểu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ	Biểu 9C: Giám sát hoạt động bảo vệ	
	Biểu 9D: Phiếu giám sát hoạt động khai thác	Biểu 9D: Phiếu giám sát hoạt động khai thác	
	Biểu 9E: Phiếu giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng	Biểu 9E: Phiếu giám sát tăng trưởng và trữ lượng rừng trồng	

	Biểu 9F: Biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất	Biểu 9F: Biểu giám sát thi công bảo dưỡng, làm đường vận xuất	
		Biểu 10: Biên bản bàn giao trang thiết bị bảo hộ lao động	
	Biểu 11A: Biểu giám sát tác động môi trường	Biểu 11A: Biểu giám sát tác động môi trường	Dùng trong đánh giá nội bộ
	Biểu 11B: Biểu giám sát tác động xã hội	Biểu 11B: Biểu giám sát tác động xã hội	
	Biểu 12: Biểu giám sát các hoạt động khắc phục	Biểu 12: Biểu giám sát các hoạt động khắc phục	Báo cáo quý
III	**Biểu báo cáo**		
		Biểu 13: Biên bản họp tổng hợp kết quả giám sát theo quý	
		Biểu 18: Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm	Báo cáo đánh giá nội bộ
		Biểu 19: Đánh giá tính hiệu quả của bộ máy quản lý nhóm	
		Biểu 20: Đánh giá sự phù hợp của các quy trình quản lý nhóm và quy trình kỹ thuật QLRBV đang áp dụng cho tổ chức Nhóm	
IV	**Biểu phiếu CoC**		
	Biểu 15: Bảng kê lâm sản		
	Biểu 16: Phiếu bán hàng		
	Biểu 17: Phiếu cân		

BAN QUẢN LÝ NHÓM CCR PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Biểu số 1A – ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA NHÓM CCR PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thanh Hoá, ngày……tháng…..năm 202…

ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

VÀ CCR FSC

Kính gửi: BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững

Tôi tên là:……..…….. Sinh ngày: ……

Địa chỉ:……

Số CMND: ……..Số điện thoại: ……..……

Diện tích đăng ký tham gia CCR FSC: …….

Tôi tự nguyện đăng ký tham gia QLRBV và CCR FSC và cam kết như sau :

1. Tôi đã có sổ đỏ (hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương về quyền sử dụng đất) cho rừng trồng và cam kết quản lý rừng trồng của tôi lâu dài phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của FSC.

2. Cam kết các diện tích rừng của thành viên được đưa vào nhóm, sẽ không được đưa vào một chứng chỉ FSC khác.

3. Tôi đồng ý để người thuộc Ban Quản lý (BQL) nhóm CCR Phát triển bền vững, cơ quan cấp chứng chỉ FSC và ASI được phép vào rừng trồng của tôi và tham khảo kế hoạch quản lý rừng bất kỳ lúc nào với mục đích giám sát và kiểm tra.

4. Tôi sẵn sàng trình bày tóm tắt kế hoạch quản lý và kết quả giám sát rừng của tôi cho bất kỳ người nào được đơn vị quản lý chứng chỉ cho phép.

5. Tôi đồng ý để BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững đại diện xin cấp chứng chỉ QLRBV FSC.

6.Tôi đã nắm vững và nhất trí tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và chỉ số mà FSC quy định

Trân trọng./.

BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững
(ký, ghi rõ họ tên)

Người làm đơn
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1B: THƯ THÔNG BÁO CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ THÔNG BÁO
CÔNG NHẬN THÀNH VIÊN CHÍNH THỨC

Kính gửi: Quý Ông/Bà nhóm Chứng chỉ rừng xã……

(kèm theo danh sách thành viên)

Tôi rất vui mừng được thông báo với Quí Ông/ Bà rằng đơn xin tham gia nhóm CCR Phát triển bền vững của Ông /Bà chính thức được chấp nhận là thành viên của Nhóm, ông/ bà sẽ được hưởng các quyền lợi từ chứng chỉ rừng của nhóm. Tôi xin lưu ý với ông/ bà rằng thực hiện đúng những cam kết trách nhiệm của một thành viên như đã nêu trong đơn. Ngoài ra, kính mong ông/ bà phối hợp cùng thực hiện các nội dung sau để duy trì và phát triển nhóm chứng chỉ rừng ngày càng lớn mạnh:

1. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau;
2. Tham gia công tác quản lý, giám sát rừng và sinh hoạt nhóm theo đúng kế hoạch;
3. Sẵn sàng chia sẻ các thông tin liên quan đến quản lý rừng bền vững FSC cho các chủ rừng trong địa bàn thôn, xã nhằm mở rộng nhóm;

Trong quá trình hoạt động nhóm, mọi thắc mắc của ông/ bà liên quan đến chứng chỉ rừng FSC cần được giải đáp xin liên hệ với chúng tôi.

Trân trọng

Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững

……., ngày……tháng……năm 20……

Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1C: THƯ THÔNG BÁO KHAI TRỪ NHÓM VIÊN

Kính gửi: ……

Thay mặt cho Ban Quản lý Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững, sau khi cân nhắc kỹ, tôi rất tiếc phải thông báo rằng Ông/Bà đã bị khai trừ khỏi Nhóm Chứng chỉ. Việc khai trừ này là kết quả của việc không tuân thủ các quy định của nhóm, cụ thể:

<nêu lý do >

Việc khai trừ này có hiệu lực ngay lập tức và Ông/Bà không còn quyền lợi như là thành viên Nhóm hoặc được chứng chỉ hoặc có rừng trồng được quản lý phù hợp với yêu cầu của Nhóm và Tiêu chuẩn FSC nữa.

Nếu Ông/Bà muốn kháng nghị quyết định này thì viết đơn khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo này. Đơn khiếu nại của Ông/Bà sẽ gửi trực tiếp cho Ban Quản lý. Nếu mà Ông/Bà muốn có bản sao về thủ tục khiếu nại, Nhóm sẽ sẵn sàng cung cấp.

Nếu Ông/Bà có điều gì cần làm rõ, xin vui lòng liên hệ với Ban Quản lý Nhóm.

Trân trọng.

Thanh Hoá, ngày.....tháng.....năm 20

BQL Nhóm CCR Phát triển bền vững

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2: PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH	
Tổng số diện tích hiện có (ha)	
Diện tích đăng ký vào CCR/ FSC (ha)	

TT	Số hiệu lô	Diện tích đăng kí FSC (ha)	Năm trồng	Mật độ trồng (cây/ha)	Xử lý thực bì: đốt/ không đốt	Lâm sinh áp dụng: tỉa cành/ tỉa thưa/ làm cỏ/c.sóc	Tình trạng Sổ đỏ: Chưa/Có/Khác (ghi rõ)	Tên Chủ sổ đỏ (nếu khác với Chủ rừng)	Giáp khe suối Có/ không
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
8									
Tổng									

Biểu 3: KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU

1. Tên chủ rừng	
2. Địa chỉ	
3. Lô rừng	
4. Điện thoại số	
5. Cán bộ kiểm tra/giám sát	

6. Nội dung kiểm tra

STT	Nội dung chi tiết	Hiện trạng		Diễn giải/Bằng chứng
		Có	Không	
1	Tên người nộp đơn tham gia có cùng tên trong sổ đỏ hay trong giấy xác nhận của chính quyền địa phương về lô rừng xin tham gia đó không?			
2	Rừng trồng được thiết lập trên đất trống (Diện tích đất không phải thuộc rừng tự nhiên từ sau năm 1994)			
3	Kế hoạch trồng rừng có phù hợp với kế hoạch sử dụng đất ở địa phương?			
4	Diện tích rừng trồng có phát sinh mâu thuẫn với các hộ dân xung quanh?			
5	Ranh giới giữa các lô rừng: Rõ ràng và dễ nhận biết?			
6	Cây giống trồng rừng có nguồn gốc rõ ràng (nơi bán/ngày mua)			
7	Rừng trồng có sử dụng cây biến đổi gen hay không?			
8	Có sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật? Liều lượng từng loại?			
9	Có lưu trữ thông tin về các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật?			
10	Có kế hoạch quản lý kinh doanh rừng dài hạn không?			

11	Có áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh? (Chăm sóc, tỉa thưa, tỉa cành…)			
12	Có các biện pháp lâm sinh gì nhằm cải tạo đất thoái hóa, bạc màu?			
13	Có sử dụng, buôn bán động vật hoang dã làm thức ăn?			
14	Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đúng với quy định?			
15	Có giải pháp nhằm hạn chế nhiên liệu (xăng, dầu) vương vãi trong và diện tích liền kề rừng trồng?			
16	Diện tích rừng trồng có liền kề với khe suối? Vùng đai xanh? Vùng đệm?			
17	Có giải pháp gì để đảm bảo về an toàn lao động? (Bảo hộ lao động, thiết bị lao động an toàn...)			
18	Có sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi không?			
19	Phải có bình đẳng về thu nhập giữa Nam và Nữ hay không? (bao gồm cả giá cả thuê mướn lao động)			
20	Chủ hộ cần giải thích cho những người lao động có liên quan đến diện tích rừng đang thực hiện FSC?			
21	Có xảy ra tai nạn lao động? (Mức độ thế nào? Có tài liệu ghi chép nào không?)			
22	Đã có diện tích khai thác trắng nào lớn hơn 15 ha chưa? (diện tích liền vùng, liền khoảnh)			

7. Hoạt động khắc phục (nếu có)

TT	**Những điểm cần khắc phục và Giải pháp**	**Ngày hoàn thiện**

Một số giải pháp đề xuất		
		Ngày lập phiếu:……..

Cán bộ Kiểm soát
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu 4: MÔ TẢ HÀNH LANG – VÙNG ĐỆM (Nếu có)

1. Họ và tên chủ rừng	
2. Địa chỉ	
3. Vị trí Lô rừng/Khoảnh	
4. Mô tả đặc điểm:	
- Lô rừng có gần ao hồ, sông suối, khe nước hay không? - Ao hồ/sông suối, khe nước có diện tích (m2, ao hồ), chiều rộng (m, sông suối) là bao nhiêu? - Ao hồ/sông suối này cung cấp nước cho mục đích: tưới tiêu, nước uống, sinh hoạt? - Ao hồ/sông suối có thường xuyên có nước chảy hay chỉ có nước theo mùa (khô: cạn/ mưa: đầy)? - Ven hồ có các loài cây tự nhiên/hoang dại mọc hay không? Rộng hay hẹp? Là những loài cây gì? Đường kính cây lớn nhất? - Khu vực này có dấu hiệu bị xói mòn, sạt lở, trâu bò dẫm đạp, bị chặt phá lấy củi/gỗ hay không?	
5. Đề xuất bảo vệ/ phục hồi/ tăng cường: - Hiện trạng đang bị suy thoái → Cần làm gì để phục hồi/ tăng cường vùng đệm này? - Hiện trạng đang tốt → Cần làm gì để duy trì/bảo vệ vùng đệm này?	

Ngày lập phiếu: ……

Tên cán bộ kiểm tra …… Kí tên

Chủ rừng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 5: DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH ĐĂNG KÝ THAM GIA NHÓM CCR TẠI THÔN/XÃ…

- Trưởng Ban Quản lý nhóm CCR xã:……
- Thôn/trạm:…….
- Ngày tổng hợp: …….

TT	Hộ gia đình	Dân tộc		Ví trí		Ký hiệu lô	Diện tích (ha)	Năm trồng	Mật độ (cây/ha)	Loài cây	Sổ đỏ	Điện thoại	Gần suối/hồ
		Kinh	Khác/ ghi rõ	Khoảnh	Lô								
0	Nguyễn Văn A		Thái	15	3b	HQ12	0,5	2019	4.000	Keo lai	X	0368941367	2m
1													

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 6: TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC HÀNH LANG VEN SUỐI (THÔN/TRẠM/XÃ)

BAN QUẢN LÝ CCR XÃ:…… (THÔN/TRẠM:……..)					
Trưởng ban:			Số điện thoại:	Ngày lập: Địa chỉ:	
STT	**Họ và tên chủ rừng**	**Ký hiệu lô rừng**	**Diện tích lô (ha)**	**Mô tả hiện trạng (dài, rộng, thực bì, xói mòn, nước chảy hay ao tù/khe cạn)**	**Kế hoạch quản lý**

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 7: KẾ HOẠCH KHAI THÁC RỪNG CỦA NHÓM NĂM 202….

TT	Nhóm xã	Họ tên chủ rừng	Diện tích (ha)	Lô	Năm trồng	Loài cây	Trữ lượng đo đếm (m3)
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
Tổng							

Người tổng hợp

Biểu 8: KẾ HOẠCH GIÁM SÁT CỦA NHÓM HỘ CCR PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, NĂM…….

Nội dung giám sát	Tháng trong năm												Trách nhiệm và tần suất		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	1	11	12	Ban ĐD TP-đánh giá nội bộ	Ban ĐD TP-giám sát phúc kiểm	Ban ĐD cấp xã
1. Giám sát trồng rừng													1 lần/năm	3 tháng/lần	Bốc mẫu theo mục 4.2. Khi có hoạt động
2. Giám sát chăm sóc													1 lần/năm	3 tháng/lần	Bốc mẫu theo mục 4.2.
3. Giám sát bảo vệ rừng													1 lần/năm	3 tháng/lần	Bốc mẫu theo mục 4.2.
4. Giám sát tăng trưởng rừng													1 lần/năm		
5. Giám sát khai thác													1 lần/năm	3 tháng/lần	Bốc mẫu theo mục 4.2. Khi có hoạt động
6. Giám sát bảo dưỡng, làm đường lâm nghiệp													1 lần/năm	3 tháng/lần	Bốc mẫu theo mục 4.2. Khi có hoạt động

7. Giám sát tác động môi trường													1 lần/năm	3 tháng/lần	1 lần/năm-đánh giá nội bộ
8. Giám sát tác động xã hội													1 lần/năm	3 tháng/lần	
9. Giám sát các hoạt động khắc phục lỗi													1 lần/năm	3 tháng/lần	Theo thời gian khắc phục trong phiếu GS

Biểu 9A: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG TRỒNG RỪNG

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ): ……..

Tên chủ hộ:	Thôn-Trạm/Xã-Ban: ……./……
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

I	**Hiện trường trồng rừng**	
- Xử lý thực bì (Đốt/Không đốt)		- Loài (Keo lai, Keo TT..) …….....
- Mật độ (cây/ha)		- Giống cây (mô/hom/hạt) .....
- Đào hố (Đạt/ Không đạt)		- Mua giống ở đâu:…….
- Độ dốc (bao nhiêu Độ)		- Bón phân (Loại, lượng) .....g/hố.
- Rác bao bì (Có/ Không)		- Tỷ lệ cây sống (%) .....%
Nếu có tình trạng có người lấn chiếm đất một cách nghiêm trọng sẽ lập bản báo cáo riêng		
II	**Nhân công và cộng đồng (Tác động xã hội)**	
- Số người tham gia trồng (Người) ……..		- Được tập huấn (Có/ Không) ……
- Trồng xen cây nông nghiệp (Có/ Không) ……		- Có gia súc vào rừng (Có/ Không) ……
- Lao động dưới 16 tuổi (Có/ Không) ……		- Tai nạn lao động (Có/ Không)…… …
- Bảo hộ lao động phù hợp (Có/ Không) ……		*(Nếu có tai nạn cần lập riêng biên bản)*
III	**Môi trường (Tác động môi trường)**	
- Tình trạng xói mòn đất (Nhiều/ Ít/Không)		-Tình trạng đất (Khô/ẩm/khác)
- Khe suối có nước (Nhiều/ Ít/ Không)		- Rác thải trên hiện trường (Nhiều/ Ít/Không)
- Chất lượng nước (Trong/ Đục)		- Thực bì, rác đổ vào suối (Có/ Không)

Đề xuất của người giám sát:

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	**Chủ rừng ký:**	**Ngày:**

Phần phê duyệt của BQL CCR		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	**Chữ ký:**	**Ngày duyệt:**

Biểu 9B: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC RỪNG

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ):……..

Tên chủ hộ:	Thôn-Trạm/Xã-Ban: ……./……
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Kết quả *(tốt/chưa tốt… ghi rõ)*
I	**Tình trạng hiện trường trồng rừng**	
1	Loài cây	
2	Lần chăm sóc (lần … vào tháng/năm)	
3	Phát chăm sóc	
4	Xới vun gốc	
5	Phân bón, thuốc BVTV (Loại, số lượng)	
6	Số cây chết (cây/ha)/ mật độ ban đầu	
7	Công cụ, dụng cụ chăm sóc	
8	Có sự phát tán/xâm lấn keo lai ra khỏi diện tích đăng ký ban đầu không?	
II	**Nhân công lao động**	
1	Số người chăm sóc	
2	Tập huấn cho lao động	
3	Trang bị/sử dụng bảo hộ lao động	
4	Hộp cứu thương	
5	Chăn thả gia súc vào Lô	
6	Tai nạn lao động	
III	**Môi trường**	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Tác động đến đất (xói mòn, sạt lở)	
3	Tác động đến nguồn nước (đục/bẩn)	
4	Tác động đến cộng đồng dân cư	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	**Chủ rừng ký:**	**Ngày:**

Phần phê duyệt của BQL CCR		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	**Chữ ký:**	**Ngày duyệt:**

Biểu 9C: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ RỪNG

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ): ……

Tên chủ hộ:	Thôn-Trạm/Xã-Ban: ……./……
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả *(tốt/xấu… ghi cụ thể)*
1	Lấn, chiếm đất đai (diện tích/mức độ)	
2	Cháy rừng (diện tích, mức độ)	
3	Khai thác trái phép (số lượng, diện tích)	
4	Săn bắt động vật trái phép	
5	Sâu, bệnh hại rừng (tỷ lệ cây bị bệnh/mô tả)	
6	Rừng bị gia súc phá hoại (tỷ lệ, mức độ)	
7	Các loại biển nội quy/biển bảo bảo vệ	
8	Dấu hiệu xói mòn đất (nhiều/ít)	
9	Vùng đệm khe suối bị tác động	
10	Có gặp gia súc chăn thả trong lô?	
11	Có người vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ (Có/Không; Số lượng)	
12	Tai nạn lao động (Có/Không; số vụ)	
13	Rác thải trên rừng (Có/Không; Nhiều/Ít)	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	**Chủ rừng ký:**	**Ngày:**

Phần phê duyệt của BQL CCR		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	**Chữ ký:**	**Ngày duyệt:**

Biểu 9D: BIỂU GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ): ……

TT	Nội dung giám sát	Kết quả/ Tình trạng *(tốt/chưa tốt… ghi rõ)*
	Ngày giám sát:	Loài:
	Người giám sát:	Dự kiến sản lượng (Tấn):
	Lô khai thác:	Diện tích (ha):
I	**Hiện trường khai thác**	
1	Phát luống thực bì trước khai thác	
2	Đường vận xuất cắt ngang suối	
3	Xăng dầu bị đổ ra đất	
4	Chặt cây ven bờ suối, ao hồ	
5	Khai thác trắng diện tích lớn (ha)	
6	Gốc chặt, vết cưa đúng kỹ thuật?	
7	Rác thải trên hiện trường (nhiều/ít)	
II	**Nhân công lao động**	
1	Bảo hộ lao động (có/phù hợp)	
2	Hộp cứu thương/sơ cứu đầy đủ	
3	Điều kiện lán trại nghỉ trưa/đêm?	
4	Trả công/lương phù hợp/kịp thời	
5	Tai nạn lao động (có/không/nghiêm trọng – ghi biên bản nếu có)	
6	Có sử dụng lao động dưới 16 tuổi không?	
III	**Tác động môi trường**	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối	
3	Xăng, dầu đổ ra đất	
4	Xói mòn đất trên lô khai thác	
5	Dòng chảy bị tắc do cành nhánh	
6	Đốt/Đốt có kiểm soát/Không đốt	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	**Chủ rừng ký:**	**Ngày:**

Phần phê duyệt của BQL CCR		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	**Chữ ký:**	**Ngày duyệt:**

Biểu 9E: PHIẾU GIÁM SÁT TĂNG TRƯỞNG VÀ TRỮ LƯỢNG RỪNG TRỒNG

Tên chủ hộ:	Thôn/Xã: ……./……
Tên lô rừng:	Diện tích:
Tổ đo đếm:	Ngày giám sát:
Ô Tiêu chuẩn:	

STT	C1,3 (cm)	H (m)	$V_{cây}$ (m^3)	STT	C1,3(cm)	H (m)	$V_{cây}$ (m^3)
1				31			
2				32			
3				33			
4				34			
5				35			
6				36			
7				37			
8				38			
9				39			
10				40			
11				41			
12				42			
13				43			
14				44			
15				45			
16				46			
17				47			
18				48			
19				49			
20				50			
21				51			
22				52			
23				53			
24				54			
25				55			
26				56			
27				57			
28				58			
29				59			
30				60			

Tổng thể tích cây đứng của ô tiêu chuẩn (m^3/ô):…….
Tổng thể tích cây đứng quy đổi ra ha (m^3/ha):……

Biểu 9F: BIỂU GIÁM SÁT THI CÔNG BẢO DƯỠNG, LÀM ĐƯỜNG VẬN XUẤT

Loại giám sát (thường xuyên/nội bộ): ……

Tên chủ hộ:	Thôn-Trạm/Xã-Ban: ……./……
Tên lô rừng:	Diện tích:
Người giám sát:	Ngày giám sát:

TT	Nội dung giám sát	Mô tả: tốt/xấu (ghi rõ)
I	**Hiện trạng đường vận xuất, vận chuyển**	
1	Chiều dài x rộng đường (m)	
2	Thi công đúng kỹ thuật	
3	Biển báo thi công	
4	Cầu cống, Rãnh thoát nước	
II	**Nhân công lao động**	
1	Số lượng làm đường	
2	Tập huấn cho lao động	
3	Sử dụng bảo hộ lao động	
4	Hộp cứu thương đầy đủ	
5	Tai nạn lao động	
III	**Thiết bị sử dụng tại hiện trường**	
1	Mô tả số lượng, tình trạng thiết bị sử dụng như Máy kéo, máy ủi, máy xúc;	
IV	**Môi trường**	
1	Rác thải trên hiện trường	
2	Hiện trạng vùng đệm ven khe suối	
3	Khu vực chứa dầu mỡ	
4	Xăng, dầu đổ ra đất	
5	Sạt lở đất do thi công	
6	Đất, đá có lấp dòng chảy	

Đề xuất của người giám sát

Phát hiện lỗi không tuân thủ	Yêu cầu hoạt động khắc phục	Thời gian khắc phục
Người giám sát ký:	**Chủ rừng ký:**	**Ngày:**

Phần phê duyệt của BQL CCR		
Chủ rừng đã hoàn thiện việc khắc phục các hoạt động không tuân thủ đúng thời hạn đã quy định		
Người duyệt:	**Chữ ký:**	**Ngày duyệt:**

Biểu 10: BIÊN BẢN BÀN GIAO TRANG THIẾT BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Căn cứ kế hoạch hàng năm của Nhóm, Công ty CP Phát triển rừng bền vững Việt Nam cung cấp các trang thiết bị và bảo hộ lao động cho Tổ khai thác của Nhóm chứng chỉ FSC ....., cụ thể theo danh sách dưới đây:

Danh sách ký nhận BHLĐ của Tổ khai thác

Stt	Họ tên	Công việc	Loại BHLĐ	Số lượng	Ký nhận
1					
2					
3					

Ghi chú: Tổ khai thác được trang bị một túi thuốc sơ cứu khi đi làm nhiệm vụ tại hiện trường.

Ngày.....tháng.....năm

Người giao

Biểu 11A: BIỂU GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Người giám sát:	Ngày giám sát:
Các lô rừng giám sát:	

Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Điểm chưa tuân thủ	Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động/ thời gian khắc phục	Lô rừng
		A	B	C			
Trồng, chăm sóc rừng	Tác động đến đất						
	Tác động đến nguồn nước do sử dụng thuốc diệt cỏ, phun thuốc khi chăm sóc						
	Tác động đến cộng đồng dân cư						
Hoạt động khai thác	Khu vực loài trừ ven khe, suối						
	Ô nhiễm đất do dầu nhớt chảy, rò rỉ ra đường						
	Chất lượng nước						
	Khả năng thoát nước của các dòng chảy						
	Xói mòn đất cho làm đường, vận chuyện ở độ dốc cao						
Bảo dưỡng, làm mới các tuyến đường	Rừa trôi bề mặt và xói mòn đất						
	Nén đất và bùn nhão						
	Thay đổi khả năng thoát nước						
	Chất lượng nước						
	Môi trường sống của động vật dưới nước						
	Xói mòn đất						
	Bụi, ồn						
Vận xuất, vận chuyển	Gây nén đất, xói mòn đất trên các tuyến đường						
	Tạo ra bồi lắng ở các lòng suối						
	Tình trạng đường						

Hoạt động	Tác động tiềm ẩn	Mức độ tác động			Điểm chưa tuân thủ	Đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động/ thời gian khắc phục	Lô rừng
		A	B	C			
	Tình trạng cầu, cống						
	Ảnh hưởng đến cộng đồng (bụi, tiếng ồn)						
	Ảnh hưởng đến môi trường sống của động vật hoang dã						

Ghi chú:

Mức độ tác động: quan sát và đưa ra mức độ ảnh hưởng theo (A – B – C), trong đó:

- A: Rất ảnh hưởng (lỗi cần khắc phục)
- B: Ảnh hưởng (Nhắc nhở)
- C: Ít ảnh hưởng (Giải thích)

Đề xuất của người giám sát: ……

…….

…….

…….

…….

Người giám sát ký:

Biểu 11B: BIỂU GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

1. Mô tả ngắn gọn tình hình kinh doanh của Nhóm CCR trong năm (Các hoạt động lâm nghiệp gì, bao lâu, thời gian, …)

.....
.....
.....

2. Các tác động tích cực là gì – cần mô tả ngắn gọn các nội dung sau:

.....
.....
.....

3. Các tác động tiêu cực đến các hộ thành viên, cộng đồng từ các hoạt động lâm nghiệp gây ra là gì?

.....
.....
.....

4. Các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) trong năm tới

.....
.....
.....

Ngày … tháng … năm 202…

Người thông qua **Người lập báo cáo**

Biểu 12: BIỂU GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG KHẮC PHỤC THEO QUÝ

Ngày kiểm tra:……, Quý……/……..

TT	Điểm chưa tuân thủ	Lô rừng	Nguyên nhân gốc rễ	Hành động khắc phục	Ngày hoàn thành

Đánh giá chung:

.....

.....

Đề xuất:

.....

.....

Người thông qua **Người giám sát**

Biểu 13: BIÊN BẢN HỌP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIÁM SÁT QUÝ ...../……

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm ……, tại……..

I. Thành phần họp:

.....

.....

II. Nội dung họp:

Tổng hợp kết quả giám sát phúc kiểm (nêu rõ thời gian), Các lô được giám sát phúc kiểm như Bảng sau:

TT	Họ và Tên chủ rừng	Lô rừng	Ngày GS	Ngày khắc phục	Tình trạng khắc phục

Căn cứ các kết quả giám sát, tổng hợp kết quả với những ưu điểm và tồn tại như sau:

1. Giám sát hoạt động trồng rừng

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục:.....

2. Giám sát hoạt động chăm sóc rừng trồng

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục:.....

3. Giám sát hoạt động bảo vệ rừng

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục:.....

4. Giám sát hoạt động khai thác rừng

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục:.....

5. Giám sát thi công đường vận xuất vận chuyển

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục:.....

8. Giám sát tác động xã hội

a. Ưu điểm:

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục: .....

9. Giám sát tác động môi trường

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục: .....

10. Giám sát các hoạt động khắc phục

a. Ưu điểm: .....

b. Tồn tại: .....

c. Đề xuất khắc phục: .....

11.

III. Kết luận

.....

.....

.....

Thành phần tham gia họp ký tên đầy đủ (như bảng dưới)

Nơi nhận:

- Ban đại diện phân nhóm xã
- Các bên liên quan (tham vấn)
- Lưu VT

Biểu 14. ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ FSC

Nhóm CCR Phát triển bền vững

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày….tháng…..năm 202….

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC RỪNG TRỒNG CÓ CHỨNG CHỈ FSC

Kính gửi: Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững

Tôi tên là:…… Số CMND:…….

Là thành viên của Nhóm CCR xã……

Địa chỉ:…….....

Tôi làm đơn này để đăng ký khai thác các lô rừng của gia đình tôi, thuộc phạm vi được cấp chứng chỉ Quản lý rừng bền vững FSC® của Nhóm. Thông tin cụ thể như sau:

Tên lô rừng khai thác	Diện tích lô rừng (ha)	Diện tích vùng đệm (ha)	Năm trồng	Thời gian đăng ký khai thác	Thời gian dự kiến trồng lại
…					
Tổng	…….	…….			

Kính đề nghị Ban Quản lý Nhóm CCR Phát triển bền vững cấp Mã số đăng ký khai thác và hoàn thiện các thủ tục tiếp theo để việc khai thác rừng diễn ra đúng tiến độ.
Xin trân trọng cảm ơn!

Chủ rừng
(ký, ghi rõ họ tên)

.....

Phần dành cho Ban Quản lý Nhóm CCR phê duyệt		
Ban Quản lý Nhóm CCR……..... đồng ý với kế hoạch khai thác đã đăng ký của gia đình ông/bà……..…….... các lô rừng theo đơn đề nghị trên.		
Mã số đăng ký khai thác: *Mã số gồm: Ký hiệu lô rừng/FSC-tháng khai thác(02 chữ số)năm khai thác(04 chữ số)*	**Ký hiệu lô rừng/FSC-mmyyyy** *(ví dụ: ông Nguyễn Văn A, xã Hoá Quỳ đăng ký khai thác lô rừng HQ12 vào tháng 1/2027, mã số đăng ký khai thác được cấp sẽ là: HQ**12/FSC-012027**)*	
Người phê duyệt:	Tên:…….. Chức vụ: ……..... Ngày duyệt:……..	Chữ ký:

Mẫu số 01. Bảng kê lâm sản

Nhóm CC PTRBV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
==o0o==

Số[(1)]:……/……../BKLS Tờ số[(2)]:…… Tổng số:……..

Biểu 15: BẢNG KÊ LÂM SẢN

Mã QR[(3)]

1. Thông tin chủ lâm sản:

Tên chủ lâm sản (4) :….:……..
Số MSDN (5):……..
Địa chỉ (6):……
Số điện thoại:……Địa chỉ email:……..
Mã số FSC FM/CoC:…….

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

Tên tổ chức, cá nhân (4):…….
Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC (5):……
Địa chỉ (6):……..
Số điện thoại:……Địa chỉ email:……
Mã số CoC:…….

3. Thông tin về lâm sản:

Tên loài (tên khoa học, tên tiếng Việt/tên thương mại):……
Nhóm loài (Thông thường; Nhóm IA, IIA, IB, IIB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Phụ lục I, II, II CITES):……..
Nguồn gốc:…….
Mã HS (áp dụng đối với lâm sản nhập khẩu, xuất khẩu):……..
Giá trị (nếu có):……..
Khối lượng/trọng lượng (bằng số và chữ) Đơn vị tính (m^3, kg, ster)……
……
Thông tin về lô khai thác:……..
Thông tin chi tiết tại Bảng kê: Không áp dụng
Mã số CC:

4. Thông tin chi tiết tại Bảng kê khai kèm theo: (Áp dụng đối với: gỗ nguyên liệu, sản phẩm gỗ, cây thân gỗ khai thác từ rừng tự nhiên hoặc nhập khẩu hoặc thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES; động vật rừng thông thường và sản phẩm của chúng; động vật và sản phẩm của động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm hoặc thuộc Phụ lục CITES):

5. Thông tin vận chuyển:

Biển kiểm soát/Số hiệu phương tiện:……

Thời gian vận chuyển:…….Ngày; Từ ngày….tháng…..năm…..đến ngày…..tháng…..năm…….

Vận chuyển từ:…… đến:……..

6. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong bảng kê này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin.

....., ngày……tháng……năm……..

Cá nhân lập Bảng kê

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Biểu 16: PHIẾU BÁN HÀNG

Số: Thứ tự/Tháng/Năm/Xã……..

	Người bán *(Đại diện HTX hoặc chủ rừng)*	**Người mua**
Tên:		
Địa chỉ:		
Mã số chứng chỉ:		
Mã đăng ký khai thác	**Ký hiệu lô rừng/FSC-mmyyyy**	
Mã hợp đồng mua bán		

Đặc điểm sản phẩm						
STT	**Tên sản phẩm**	**Yêu cầu FSC**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**
1	Keo lai *(Acacia mangium x Acacia auriculiformis)*	FSC 100%	ha			
2						
Tổng tiền chưa thuế:						
Thuế VAT:						
Tổng tiền:						

Tên sản phẩm	**Tổng khối lượng (m^3/tấn)**	**Tổng số chuyến vận xuất**	**Số phiếu cân** *(Liệt kê các số phiếu cân)*
Gỗ xẻ (W 1.1)			
Gỗ dăm (W1.3)			

Đại diện bên bán	**Đại diện bên mua**
Hợp tác xã/chủ rừng…… *(Ký, ghi rõ họ tên)*	…… *(Ký, ghi rõ họ tên)*

BIỂU 17. MẪU PHIẾU CÂN

Số phiếu: ……..

Ngày……Tháng…….năm 20……

Khách hàng		Biển số xe	
Loại hàng		Xuất/Nhập	
Trọng lượng xe và hàng		Ngày/Giờ cân	
Trọng lượng xe		Ngày/Giờ cân	
Trọng lượng hàng			

Ghi chú:

Khách hàng	Nhân viên trạm cân

BIỂU 18: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM

Tên tổ chức nhóm:…….

Địa chỉ:……..

Người đánh giá:…….

Ngày đánh giá:……..

STT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất bổ sung, cải tiến
		Có	Không	
I	**Đánh giá tính phù hợp của cơ cấu tổ chức nhóm**			
1	Chủ thể nhóm có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật không?			
2	Các phân cấp quản lý từ Ban Quản lý Nhóm TP – Xã - Thành Viên như hiện nay có phù hợp cho công tác quản lý không?			
3	Chức năng, quyền hạn của từng cấp quản lý đã phù hợp chưa?			
4	Trưởng ban quản lý ở các cấp đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong ban quản lý chưa?			
5	Việc phân công nhiệm vụ của trưởng Ban quản lý cho các thành viên trong Ban có phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của từng thành viên chưa?			
6	Có những bất cập gì trong cách phân cấp quản lý cần thay đổi không?			
7	Số lượng thành viên trong ban quản lý như hiện nay đã phù hợp chưa?			
8	Chi phí và thù lao cho đội ngũ quản lý đã phù hợp chưa?			
9	Có sự không tuân thủ trong công tác chỉ đạo điều hành của Nhóm không?			
10	Quy mô diện tích rừng và thành viên của Nhóm đã phù hợp chưa?			
11	Nếu số lượng thành viên và quy mô diện tích rừng tăng lên thì bộ máy quản lý của Nhóm có còn phù hợp không?			

BIỂU 19: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM

Tên tổ chức nhóm:…….

TT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất bổ sung, cải tiến
		Có	Không	
II	**Đánh giá hiệu quả quản lý của tổ chức Nhóm**			
1	Công tác chỉ đạo điều hành đã có sự thống nhất giữa các cấp quản lý chưa?			
2	Sự kết nối giữa các thành viên với Ban Quản lý Nhóm CCR các cấp đã tốt chưa?			
3	Ban Quản lý Nhóm CCR có xây đựng kế hoạch đánh giá hằng năm bao gồm các hoạt động đánh giá, danh sách thành viên sẽ đánh giá,… không?			
4	Kế hoạch đánh giá đã căn cứ vào kết quả đánh giá giám sát và đánh giá cấp chứng chỉ trước đây chưa?			
5	Các thành viên có thực hiện việc tự đánh giá giám sát lô rừng của mình không?			
6	Các thành viên có thông báo kịp thời sự thay đổi tình trạng của lô rừng cho Ban Quản lý các cấp không?			
7	Ban Quản lý Nhóm có thực hiện việc đánh giá giám sát các thành viên theo đúng quy định chưa?			
8	Ban Quản lý Nhóm đã chỉ đạo và giám sát việc khắc phục các lỗi không tuân thủ của chủ rừng theo đúng tiến độ chưa?			
9	Ban Quản lý phân nhóm xã có báo cáo kết quả giám sát 3 tháng 1 lần cho Ban Quản lý cấp TP không?			
10	Ban Quản lý Nhóm có nhận ra những nội dung về QLRBV cần phải được tập huấn cho cán bộ quản lý và các thành viên nhóm không?			
11	Việc đề xuất nội dung tập huấn đã phù hợp với đối tượng chưa?			
12	Ban Quản lý cấp xã có cập nhật danh sách khai thác và trồng lại rừng hằng năm lên Ban Quản lý Nhóm không?			
13	Ban Quản lý Nhóm có thực hiện đánh giá giám sát nội bộ và phúc kiểm hằng năm không?			
14	Việc xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhóm đã dựa trên kết quả đánh giá giám sát của các năm trước chưa?			
15	Việc cập nhật sự thay đổi về thành viên nhóm, diện tích xin cấp chứng chỉ có được cập nhật hằng năm không?			
16	Ban Quản lý Nhóm có cập nhật tình trạng thay đổi trong quy mô nhóm cho tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ không?			

17	Việc khắc phục lỗi chưa tuân thủ có được thực hiện nghiêm túc và đúng thời hạn không?			
18	Nguyên nhân và bản chất của những lỗi chưa tuân thủ có được BQL nhóm thảo luận và phân tích không?			

BIỂU 20: PHIẾU ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT NỘI BỘ TỔ CHỨC NHÓM

Tên tổ chức nhóm:…….

STT	Nội dung	Kết quả		Đề xuất cải tiến
		Có	Không	
III	**Đánh giá tính phù hợp của các quy trình quản lý và kỹ thuật QLRBV của Nhóm**			
1	Sổ tay QLRBV có phù hợp không?			
2	Quy trình quản lý thành viên nhóm đã đầy đủ chưa?			
3	Quy trình quản lý thành viên nhóm có dễ áp dụng không?			
4	Các mẫu phiếu phục vụ quản lý thành viên nhóm có phù hợp và dễ áp dụng không?			
5	Có quy trình giải quyết khiếu nại chưa?			
6	Các mẫu phiếu phục vụ việc khiếu nại có phù hợp và dễ áp dụng không?			
7	Có quy trình đánh giá giám sát đã đầy đủ chưa?			
8	Các quy trình đánh giá gám sát có dễ áp dụng không?			
9	Cách chọn mẫu giám sát có phù hợp không?			
10	Các mẫu phiếu đánh giá giám sát có phù hợp và dễ sử dụng không?			
11	Đã có quy trình quản lý hồ sơ tài liệu của Nhóm chưa?			
12	Quy trình quản lý hồ sơ có phù hợp không?			
13	Có quy trình tham vấn các bên liên quan chưa?			
14	Quy trình tham vấn có dễ áp dụng không?			
15	Các quy trình kỹ thuật QLRBV có đầy đủ không?			
16	Các quy trình kỹ thuật QLRBV đã phù hợp chưa?			
17	Phương án QLRBV của Nhóm đã phù hợp chưa?			
18	Kế hoạch sản xuất kinh doanh rừng có phù hợp với thực tế chưa?			

BIỂU 21: THỐNG KÊ SỬ DỤNG PHÂN BÓN/ THUỐC BVTV

Năm: .....

TT	Phân nhóm	Phân bón		Thuốc BVTV	
		Chủng loại	Khối lượng (kg)	Chủng loại	Khối lượng (kg)
1	Xã Bà Nà				
2	Xã Hà Nha				
3	Xã Duy Xuyên				
Tổng					

PHỤ LỤC C: CÁC QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỪNG

TT	Quy trình
1	QT 1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG
2	QT2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG
3	QT3. QUY TRÌNH TỈA THƯA RỪNG TRỒNG KEO KINH DOANH GỖ LỚN
4	QT4. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG/QUẢN LÝ LỬA RỪNG
5	QT 5. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG
6	QT 6. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG
7	QT 7. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
8	QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG
9	QT 9. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI
10	QT 10. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
11	QT 11. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG
12	QT 12. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV AN TOÀN HIỆU QUẢ
13	QT 13. QUẢN LÝ HÀNH LANG VEN SÔNG SUỐI
14	QT14. QUY TRÌNH MỞ ĐƯỜNG KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG
15	QT15. QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC

QT 1. QUY TRÌNH XỬ LÝ THỰC BÌ VÀ TRỒNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Xử lý thực bì và làm đất	
Xử lý thực bì (Không đốt)	- Có thể sử dụng máy (nếu độ dốc < 15˚), hoặc thủ công; - Phát thực bì toàn diện, hoặc theo băng (nếu độ dốc >20˚) - Chừa lại hành lang ven suối (nếu có) tối thiểu 5 m tính từ mép nước - Bảo vệ các loài cây tái sinh tự nhiên nhằm đảm bảo ĐDSH - Nếu trồng lại sau khai thác: băm nhỏ cành nhánh và rải đều trên rừng
Xử lý thực bì (Đốt có kiểm soát)	- Hạn chế đốt thực bì và cành nhánh sau khai thác - Nếu phải đốt thực bì, thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro ở các khu vực nhạy cảm: + Khoanh vùng khu vực cần đốt: thực bì được gom thành đống trước khi đốt, và tránh các khu vực rủi ro cao như những nơi kiểm soát lửa khó khăn, các thảm thực vật dễ cháy lan, rừng vùng đệm, xung quanh hồ nước, nhà ở hoặc rừng tự nhiên; + Kiểm tra cấp dự báo cháy rừng của kiểm lâm; - Thời điểm đốt: Đốt lúc gió nhẹ, vào buổi sáng hoặc buổi chiều tối (Mùa hè đốt vào thời điểm từ 5 - 8 giờ và từ 16 - 18 giờ trong ngày; mùa đông đốt từ 6 - 9 giờ và từ 15 - 17 giờ trong ngày). - Kỹ thuật đốt: + Đốt thực bì để trồng rừng: đốt lần lượt từng đám thực bì, thứ tự từ trên đỉnh đồi xuống chân đồi; nơi đất bằng thì đốt lần lượt từ đám vật liệu cuối chiều gió cho đến dải vật liệu cuối cùng. + Đốt thực bì làm đường băng cản lửa: đốt lần lượt từng dải nhỏ, khống chế không cho ngọn lửa quá cao hoặc cháy lớn lan sang thực bì hai bên đường băng.
Mật độ trồng	- Nếu trồng rừng gỗ nhỏ: mật độ từ 3000 cây/ha (cây cách cây 2x1,6m) hoặc 3500 cây/ha (cây cách cây 2x1,4m) - Nếu trồng rừng gỗ lớn: mật độ trồng từ 1660 cây/ha (cây cách cây 2x3m) - 2000 cây/ha (cây cách cây 2x2,5m)
Cuốc hố	- Cuốc hố thủ công hoặc bằng máy (nếu độ dốc < 15˚), độ dốc lớn hơn phải cuốc hố thủ công - Kích thước hố tối thiểu 30×30×30cm - Cự ly hố tuy thuộc vào mật độ và mục đích kinh doanh đã lựa chọn - Hố cuốc theo đường đồng mức (nhằm hạn chế xói mòn), hàng trên và hàng dưới so le nhau theo hình nanh sấu. - Khi cuốc hố, gạt lớp đất mặt sang bên phải và đất ở tầng sâu hơn sang bên trái miệng hố
Bón lót phân bón	- Bón lót: 50-100g NPK (5:10:3)/hố + (nếu có điều kiện) 500 g phân hữu cơ vi sinh/hố; - Bón phân vào hố, lấp lớp đất mặt dày khoảng 5cm để phủ kín phân. - Tốt nhất nên bón phân khoảng 1 tuần trước khi trồng
2. Kỹ thuật trồng rừng	
Mùa vụ trồng	- Tốt nhất là vụ xuân: từ tháng 2 đến tháng 4;

	- Vụ thu: từ tháng 8 đến tháng 12.
Cây giống	- Cây con có bầu - Mua cây từ vườn ươm có nguồn gốc giống rõ ràng; - Cây khỏe mạnh, phát triển tốt, cân đối, không bị sâu bệnh, gãy ngọn - Cây con phải đạt ít nhất 3 tháng, không cong queo, không sâu bệnh - Đường kính cổ rễ từ 2-3mm, cao 25-35 cm. - Không trồng cây có hai thân. - Trước khi bốc cây phải tưới đủ ẩm tại vườn ươm; - Khi bốc xếp phải nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu, che đậy cẩn thận
Trồng rừng	- Bóc bỏ vỏ bầu của cây con trước khi trồng, tránh làm vỡ bầu - Đặt cây ngay ngắn vào hố, mặt bầu thấp hơn miệng hố 3-4 cm - Lấp đất đầy hố, cao hơn miệng bầu 2-3cm, ưu tiên lấp đất mặt (bên phải miệng hố) trước; - Dùng chân nén chặt hai bên gốc cây, tránh làm vỡ bầu cây và giữ cây không bị nghiêng ngã; - Cây đã mang ra rừng phải trồng hết trong ngày, không để qua ngày - Sau khi trồng phải gom toàn bộ rác thải (túi bầu, túi đựng cây) để xử lý theo quy định.
Trồng dặm	- Sau khi trồng 7 – 10 ngày, tiến hành trồng dặm tại các vị trí cây chết, không để quá lâu hạn chế việc các cây trồng dặm không phát triển kịp với cây trồng trước.

QT 2. QUY TRÌNH CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
1. Chăm sóc rừng	
Xới, phát cỏ	- Chỉ tiến hành khi rừng chưa khép tán (khoảng 2 năm đầu) - Chăm sóc 2 lần/năm vào trước mùa mưa (tháng 6 và 12) - Xới hoặc phát cỏ quanh gốc khoảng 0,5 m - Cắt bỏ dây leo quấn quanh cây trồng
Bón thúc (nếu có điều kiện)	- Bón thúc 100g NPK (5:10:3)/cây ở lần chăm sóc đầu mùa mưa của năm thứ 2(tỷ lệ NPK có thể điều chỉnh theo kinh nghiệm thực tế của người dân địa phương) - Cuốc 4 hố nhỏ với kích thước 20×10 cm, sâu 10 cm quanh gốc, cách gốc cây khoảng 0,8-1,0 m, bón phân xuống rồi lấp đất kín phân.
Tỉa thân, tỉa cành (*áp dụng bắt buộc cho rừng trồng gỗ lớn*)	- Tỉa thân, tỉa cành thường thực hiện vào mùa khô để hạn chế sự xâm nhập của sâu bệnh qua vết cắt - **<u>Tỉa cành:</u>** + Kiểm tra và tiến hành tỉa cành sau khi trồng 6-12 tháng, tuỳ vào giống sinh trưởng nhanh hay chậm. + Cắt tỉa những cây có nhiều thân, chỉ để lại một thân chính tốt nhất, thẳng nhất + Từ lần chăm sóc thứ 2 mới bắt đầu tiến hành tỉa cành; + Chỉ tỉa những cành từ mặt đất cho đến vị trí 1/3 chiều cao thân cây; + Sử dụng kéo cắt cành, cưa tay, hoặc dao sắc cắt cành sát với thân cây; + Tránh cắt phạm vào thân cây làm tổn thương thân cây; + Tránh cắt quá xa để lại biểu cành, giảm chất lượng gỗ
2. Bảo vệ rừng	
Bảo vệ rừng	- Thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng - Phối hợp với các bên liên quan để phòng chống cháy rừng, bảo vệ tài sản, phòng ngừa khai thác trộm,… - Cấm chăn thả gia súc trong rừng trồng - Phát hiện sớm sâu bệnh hại rừng để có biện pháp phòng chống kịp thời - Tuyên truyền vận động người dân hạn chế sử dụng lửa trong và xung quanh rừng đặc biệt vào mùa khô

QT 3. QUY TRÌNH TỈA THƯA RỪNG TRỒNG KEO KINH DOANH GỖ LỚN

I. Xác định đối tượng rừng đủ điều kiện để tỉa thưa kinh doanh gỗ lớn

Tiêu chí rừng để tỉa thưa chuyển hóa kinh doanh gỗ lớn phải đạt các yêu cầu sau:

TT	Các chỉ tiêu	Yêu cầu	
1	Độ dày tầng đất	≥ 70 cm (tỷ lệ đá lẫn < 50%)	
2	Nguồn giống	Đã được Bộ NN&PTNT công nhận	
3	Chất lượng rừng	- Tỷ lệ cây bị sâu bệnh < 10% - Rừng trồng ở chu kỳ trước không bị thiệt hại ≥ 30% do bị gió bão gãy đổ - Rừng trồng hiện tại có số cây bị đổ gãy do gió bão < 5%.	
4	Mật độ hiện tại (cây/ha)	1.300 – 1.700	> 1.700 – 2.200
5	Tuổi rừng bắt đầu chuyển hóa (năm)	3 – 5	3 - 4
6	Tăng trưởng chiều cao tầng trội (m/năm)	≥ 3,1	
7	Tăng trưởng đường kính ngang ngực ($D_{1.3}$) bình quân (cm/năm)	≥2,5	
8	Số lượng cây mục đích là cây tốt cần để lại	≥ 1.000 cây/ha, phân bố tương đối đồng đều trên lô rừng	

II. Quy trình tỉa thưa chuyển hóa rừng trồng Keo cung cấp gỗ lớn

2.1. Đăng ký tỉa thưa

- Chủ rừng muốn tận dụng gỗ tỉa thưa để bán gỗ dăm có chứng chỉ phải đăng ký khai thác giống như *Quy trình khai thác gỗ rừng trồng.*
- Mã số đăng ký khai thác (gỗ tỉa thưa) tương ứng với ký hiệu lô rừng.
- Các thủ tục hợp đồng mua bán gỗ, kê khai hồ sơ chỗi hành trình sản phẩm cho gỗ tỉa thưa cũng được tiến hành tương tự như đối với gỗ khai thác (*xem quy trình kê khai lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm*).

2.2. Kỹ thuật tỉa thưa

2.2.1. Tiêu chí tỉa thưa:

Tùy thuộc vào điều kiện của lô rừng và mục tiêu kinh doanh để lựa chọn thực hiện một lần hay hai lần tỉa thưa, cụ thể như sau:

Mật độ hiện tại	1.300 - 1.700		>1.700 - 2.200
Tuổi tỉa thưa lần 1 (năm)	3-4	5	3-4
Cường độ tỉa thưa	Không vượt quá 50% số cây hiện tại		
Mật độ để lại sau tỉa thưa (cây/ha)	900 ± 50	800 ± 50	1000 ± 50

Tỉa thưa lần 2: Tùy theo sinh trưởng của rừng và mục đích kinh doanh để quyết định có áp dụng tỉa thưa lần 2 hay không. Nếu rừng sau tỉa thưa lần đầu 3-4 năm sinh trưởng tốt, có tỷ lệ cây bị chết, đổ gãy và khuyết tật (không đủ tiêu chuẩn làm gỗ lớn) <5%/năm, có thể áp dụng tỉa thưa lần 2 với mật độ để lại 650 ± 50 cây/ha để sản xuất gỗ xẻ có đường kính lớn.

Đối với rừng trồng có mật độ 1.700-2.200 cây/ha nên áp dụng tỉa thưa lần 2.

2.2.2. Thời điểm tỉa thưa

Tỉa thưa vào mùa khô. Có thể tỉa vào mùa mưa nếu điều kiện thời tiết cho phép.

2.2.3. Đánh dấu cây tỉa thưa: Khi đã xác định được mật độ để lại khi tỉa thưa, tiến hành đánh dấu những cây có phẩm chất xấu, cây bị sâu bệnh,… bằng sơn hoặc buộc dây. Những cây này là những cây sẽ phải tỉa.

2.2.4. Phát thực bì trước tỉa thưa

Phát sạch toàn bộ thực bì và cắt dây leo bám trên cây. Phát gần sát mặt đất (chiều cao gốc chặt < 10 cm), chặt ngắn cành nhánh để dễ đi lại khi tỉa thưa rừng.

2.2.5. Chặt hạ, vận xuất

a) Xác định hướng đổ của các cây bài chặt (sơn màu vàng):
   - Đổ vào nơi đất trống để tránh thiệt hại cho cây chừa lại.
   - Không chọn hướng đổ xuôi theo sườn dốc.
   - Cây có độ nghiêng trên 10º thì nên chọn hướng đổ tự nhiên.
   - Không nên chọn hướng đổ về phía có nhiều đá lộ thiên.

b) Chặt cây được đánh dấu bài chặt:
   - Kiểm tra đảm bảo không có người khác nằm trong khu vực nguy hiểm (khoảng 2 lần chiều dài của cây đổ).
   - Xác định vị trí cắt sát gốc cây, chiều cao gốc chặt ≤ 50% đường kính gốc cây.
   - Thực hiện kỹ thuật mở miệng cắt gáy cho cây đổ theo hướng đã xác định.
   - Chặt hạ những cây bị đổ gãy (nếu có) do quá trình tỉa thưa.

c) Sau khi chặt, cắt cành, ngọn để lại rừng và vận chuyển gỗ ra khỏi lô rừng. Nếu không sử dụng vỏ cây thì cần bóc vỏ để lại rừng.

2.2.6. Vệ sinh rừng sau tỉa thưa

Sau tỉa thưa, chặt ngắn cành ngọn để nhanh phân hủy bổ sung lại dinh dưỡng cho đất.

2.2.7. Chăm sóc rừng sau tỉa thưa

Hàng năm kiểm tra cắt dây leo trên toàn bộ diện tích.

2.2.8. Bảo vệ rừng chuyển hóa

a) Có kế hoạch theo dõi tình hình sâu, bệnh hại cây rừng. Khi phát hiện cây bị bệnh như chết héo, phấn hồng… cần phải chặt và di chuyển ra ngoài rừng để tiêu hủy. Khi phát hiện dịch bệnh (cây trồng bị nhiễm bệnh với tỷ lệ đáng kể >10%) cần phải báo cho lãnh đạo Hợp tác xã và cơ quan chức năng trong địa bàn.
b) Có biện pháp ngăn chặn chăn thả gia súc tự do vào rừng.
c) Chống chặt phá rừng.
d) Thực hiện và tuyên truyền phòng chống cháy rừng theo quy định.

QT 4. QUY TRÌNH PHÒNG CHỐNG CHÁY RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục tiêu	Quy trình này hướng dẫn việc quản lý lửa rừng trong các hoạt động dọn dẹp thực bì để trồng rừng và các hướng dẫn phòng chống cháy rừng cũng như đối phó với các tình huống xảy ra cháy rừng
Nguyên nhân cháy rừng	***- Do con người:*** Đốt thực bì, đốt ong, thắp hương, đốt vàng mã gần hoặc trong lô rừng, hút thuốc lá trong rừng, sử dụng chất nổ,… ***- Do tự nhiên:*** Sấm sét, nắng nóng, khô hạn,…
Thời điểm dễ xảy ra cháy	- Vào mùa khô hạn (tháng 12-7 hàng năm) - Mùa thu hoạch lâm sản ngoài gỗ trong rừng trồng hoặc thuỷ sản ven kênh rạch trong rừng trồng. - Mùa khai thác rừng, vật liệu cháy nhiều, người dân đốt thực bì
Địa điểm dễ xảy ra cháy rừng	- Khu vực gần khu đân cư, người dân hay đốt rác; - Khu vực gần nghĩa trang, người dân thắp hương, đốt vàng mã - Khu vực sau khai thác rừng, người dân đốt thực bì để trồng lại rừng
Biện pháp phòng cháy chữa cháy	***- Tạo băng cản lửa:*** o Lợi dụng các đường vận xuất gỗ để làm băng trắng cản lửa o Có thể dùng những loài cây bản địa có vỏ dày, chịu lửa tốt ở địa phương trồng quanh lô làm băng cản lửa o Tận dụng tối đa hệ thống hành lang sông suối, ao hồ, đường giao thông để làm băng cản lửa ***- Quản lý vật liệu cháy:*** o Những nơi có nguy chơ cháy cao có thể làm giảm vật liệu cháy bằng cách thu gom bớt cành nhánh để làm củi đun; o Sau khai thác nên chặt nhỏ cành nhánh rải đều trên rừng, không nên để dồn thành đống dễ xảy ra cháy lớn khó kiểm soát. ***- Phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng:*** o Thường xuyên tuần tra, phát hiện sớm những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để có biện pháp ngăn chặn o Tuyên truyền vận động người dân địa phương không sử dụng lửa trong và gần rừng, đặc biệt vào mùa khô hạn o Cắm mốc, biển cảnh báo nguy cơ cháy rừng ở những nơi có nguy cơ cháy rừng cao để người dân nâng cao ý thức phòng chống cháy ***- Dập đám cháy:*** o Khi xảy ra cháy, kêu gọi người dân địa phương tham gia dập lửa, o Sử dụng các phương tiện tại chỗ để dập lửa o Liên lạc với kiểm lâm, chính quyền địa phương, và các cơ quan đoàn thể khác để tăng cường lực lượng tham gia chữa cháy o Đảm bảo an toàn tính mạng con người khi tham gia dập lửa ***- Sau khi xảy ra cháy rừng:*** o Tìm hiểu nguyên nhân cháy rừng, tiến hành thống kê thiệt hại o Báo cáo cơ quan quản lý để có giải pháp khắc phục o Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến đám cháy để đưa vào báo cáo
Giải pháp thực hiện	- Phối hợp với kiểm lâm, chính quyền và người dân địa phương cùng tham gia phòng chống cháy rừng;

	- Thành lập các tổ bảo vệ rừng, tăng cường tuần tra phát hiện sớm nguy cơ cháy rừng; - Tạo bộ dụng cụ dập lửa tại chỗ để sử dụng khi xảy ra cháy rừng - Xây dựng phương án phòng chống cháy rừng hằng năm cho nhóm - Tập huấn phòng cháy chữa cháy cho chủ rừng và người dân xung quanh

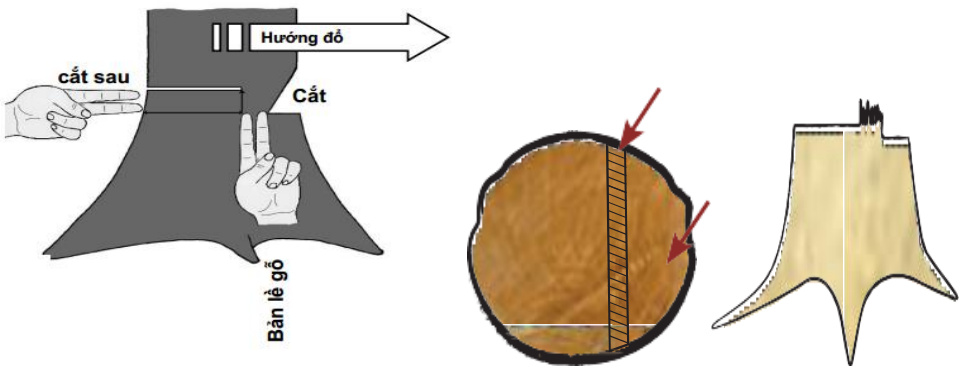
QT 5. QUY TRÌNH ĐIỀU TRA TĂNG TRƯỞNG RỪNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Căn cứ	- Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BNNPTNT thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT và Thông tu số 16/2023/TT-BNNPTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, do Bộ NN&PTNT ban hành ngày 25/01/2024 - Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 14204-1:2024 quy định phương pháp điều tra trữ lượng đối với rừng trồng trên cạn
Mục đích	- Điều tra trữ lượng rừng trước khai thác - Giám sát tình hình sinh trưởng, phát triển, năng suất rừng trồng hàng năm phục vụ công tác dự báo sản lượng - Lập kế hoạch khai thác rừng lâu dài theo hướng bền vững
Điều tra ngoại nghiệp	***- Bước 1: Lập ô đo đếm:*** o Ô hình chữ vuông, diện tích 100 m^2 (10m ×10m) o Ô đo đếm được lập ở giữ khu rừng, không sát với bìa rừng o Mỗi ô đại diện theo: mô hình thi công trồng rừng, tuổi cây, loài cây trồng. o Các OTC được bố trí ở các vị trí đại diện của từng lô và các ô được bố trí đều ở các loại lập địa tốt, xấu, trung bình, tránh phân bố ở các vị trí đầu líp. ***- Bước 2: Điều tra sinh trưởng*** Trên ô tiêu chuẩn đo toàn bộ $D_{1,3}$, H_{vn} và xác định cấp phẩm chất của cây: + Đường kính ($D_{1,3}$) được đo bằng thước kẹp hoặc đo chu vi bằng thước dây rồi tính ra đường kính. + Đo chiều cao vút ngọn (H_{vn}) bằng thước đo cao Blumleis hoặc ước tính dựa vào chiều cao người đứng đo chiều cao cây. + Tính thể tích từng cây (V_{TB}) và tổng trữ lượng của ô (M). Ghi chép số liệu chu vi ($C_{1.3}$, cm) và chiều cao (H, m) vào phiếu điều tra sinh trưởng và trữ lượng rừng ***(Biểu 9E)***
Tính toán nội nghiệp	Trên cơ sở số liệu đã thu thập, tính toán để xác định trữ lượng và lượng tăng trưởng hàng năm của rừng: - Đối với rừng non (dưới 3 tuổi): không tính toán bằng cách lập OTC mà tính toán dựa trên trữ lượng của cây từ 3 tuổi trở lên. - Đối với rừng từ 3 tuổi trở lên: *Trữ lượng được ngoại suy từ các ô tiêu chuẩn đại diện cho toàn lâm phần (Theo TCVN 14204-1:2024 quy định phương pháp điều tra trữ lượng đối với rừng trồng trên cạn, bao gồm gỗ và tre nứa)*: **$M = G \times H \times f \times N$ (m^3/ha)** Trong đó: • G: Tiết diện ngang cây bình quân tại 1,3m • H: Chiều cao bình quân • f: Hình số thân cây tại vị trí 1,3m, lấy bằng 0,5 • N: mật độ bình quân của rừng

	*** Ghi chú:** Diện tích mỗi ô tiêu chuẩn 100m^2

QT 6. QUY TRÌNH KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Mục đích	- Đảm bảo tính an toàn lao động - Tối ưu hóa chất lượng gỗ do khai thác đúng kỹ thuật - Tận dụng tối đa các sản phẩm khai thác - Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp nhằm giảm thiểu tác động đến các yếu tố môi trường, sinh thái
1. Chuẩn bị trước khai thác	
Hình thức khai thác	- Khai thác trắng; chừa lại mộ số cây gỗ lớn bản địa, cây tái sinh tự nhiên trên rừng nếu có - Diện tích khai thác của một lô hoặc nhiều lô liền khoảnh không được vượt quá 15 ha trên địa hình dốc (độ dốc >25˚).
Đánh giá tác động trước khai thác	- Trước khi khai thác phải đánh giá tác động môi trường, xã hội và những rủi ro tiềm ẩn của hoạt động khai thác (xem biểu phiếu đánh giá giám sát khai thác) - Dựa vào các điểm phát hiện được (ví dụ: xói mòn đất, đường vận chuyển...), cán bộ giám sát khai thác phải đề xuất các hoạt động để ngăn ngừa và giảm thiểu các thiệt hại đến môi trường và người lao động do khai thác rừng có thể gây ra. Đề xuất này được đưa vào phương án khai thác rừng, cần được Ban Quản lý nhóm CCR xác nhận và đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
Thông báo khai thác	- Thông báo khai thác lên các thôn trưởng, trạm trưởng - Lấy mã số đăng ký khai thác do Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững cấp (Mã số khai thác tương ứng với mã ký hiệu lô rừng)
Chẩn bị dụng cụ khai thác	- Các dụng cụ khai thác như cưa máy, dao, rìu,… phải đảm bảo an toàn theo quy định của nhà sản xuất - Dụng cụ bảo hộ lao động phải đầy đủ, đảm bảo đúng quy định về an toàn lao động cho hoạt động khai thác gỗ - Phương tiện hỗ trợ vận xuất gỗ (thủ công, vận xuất bằng xuồng, ghe, bằng máy,…) phải được chuẩn bị đầy đủ
Vệ sinh rừng và mở đường vận xuất trước khai thác	- Phát dọn thực bì, bụi rậm, dây leo quấn quanh cây trước khai thác. Tránh làm ảnh hưởng đến nơi ở hoặc tổ các các loài sinh vật hoang dã, dọn dẹp thực bì lên mặt liếp gọn gàng. - Hệ thống đường vận xuất phải được hoàn thiện trước khi khai thác. - Tận dụng tối đa các đường vận xuất đã có, hạn chế mở đường vận xuất quá dày, dễ gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội - Sơn đánh dấu và cắt hạ những cây nằm trên tuyến đường vận xuất trước khi tiến hành khai thác (nếu có).
Lán trại cho công nhân	Hiện tại các nhà thầu khai thác không có hoạt động làm lán trạn cho công nhân khai thác. Mỗi ngày sau khi khai thác xong công nhân ra khỏi khu vực khai thác. Khi có thực hiện hoạt động này, công ty sẽ thực hiện theo "quy định về bảo hộ lao động và lán trại" đã được ban hành.

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
Ký kết hợp đồng mua bán	- Thống nhất với bên mua về trữ lượng và thỏa thuận giá trị của lô rừng - Ký kết hợp đồng mua bán theo biểu hợp đồng kinh tế ***(Phụ lục 5)*** - Bên mua và bên bán phải thực hiện việc kê khai hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) theo quy định ***(Biểu 15, 16)*** - Hợp đồng khai thác và hồ sơ lâm sản (CoC) phải được lưu thành hai bản, bên mua lưu một bản và chủ rừng lưu một bản để đưa vào hồ sơ của hộ gia đình và nộp lại cho hợp tác xã quản lý
2. Khai thác và vận chuyển	
Chọn hướng đổ	- Tùy thuộc và địa hình để xác định hướng đổ của cây, từ đó xác định vị trí bắt đầu khai thác - Trước khi cắt cần xem xét hướng nghiêng của cây để xác định hướng đổ an toàn nhất - Khi khai thác nên bắt đầu từ bìa rừng - Các cây được cắt lần lượt từ ngoài vào, do đó hướng đổ thường hướng ra ngoài khoảng trống nơi đã khai thác - Tránh chặt hạ cây đổ ngang dòng kênh, đường vận xuất, vận chuyển, giảm thiểu hư hại chi các cây bản địa tái sinh tự nhiên - Hướng đổ của cây phải thuận lợi cho công việc tiếp theo như cắt khúc, chặt cành ngọn, thao tác bốc vác và vận chuyển từ đường nhánh... - Đảm bảo không có người hoặc động vật nằm trong phạm vi hướng đổ
Kỹ thuật cắt cây	- ***Mở miệng:*** o Miệng được mở theo hướng đổ o Cắt mở miệng ở khoảng cách 5cm hoặc thấp hơn so với mặt đất o Cắt nhát đầu tiên vuông góc với thân cây, sâu 1/3 đường kính thân o Góc cắt mở miệng, chéo từ trên xuống một góc khoảng 45˚, gặp nhát cắt đầu ở điểm cuối (1/3 thân cây) tạo thành hình chữ "V". Tuỳ theo cấp kính của cây có thể mở miệng bằng 1 hoặc 2 mạch cưa: đối với những cây có đường kinh d<20 cm không cần cắt mở miệng o Dùng búa hoặc tay để bẩy miếng gỗ hình chữ V nhằm mở miệng  - ***Cắt gáy:*** o Dùng cưa cắt gáy từ phía sau, hướng cắt vuông góc với gốc cây o Vị trí múi cắt gáy cao hơn vị trí của lát cắt đầu tiên khoảng 2-3 cm (đường kính cây ≤ 30 cm) hoặc 3-5 cm (đường kính cây > 30cm) o Để hạn chế tốc độ đổ của cây gỗ cần để lại một phần lõi gỗ giữa mạch cắt mở miệng và mạch cắt gáy gọi là bản lề có chiều rộng 2 ÷ 4 (cm).

Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật
	○ Cắt cho đến khi cây bắt đầu đổ thì rút cưa ra và tắt máy ○ Di chyển ngay người ra hướng ngược với hướng đổ đã định sẵn để tránh cây bật gốc, đè lên người ***- Chiều cao gốc chặt:*** Khoảng cách từ mặt đất đến mặt cắt gáy (h= 1/3d). Nếu quá khó khăn do địa hình mà chiều cao gốc chặt (h) có thể cao hơn nhưng khôbg quá ½ đường kính cây. Chiều cao gốc chặt càng thấp càng tốt vì nó tạo điều kiện cho việc tái sinh chồi. ***- Cắt cành, cắt khúc:*** ○ Sau khi hạ cây, dùng cưa hoặc dao cắt toàn bộ cành nhánh của cây: - Đối với những cây có kích thước nhỏ, khi đổ cây gỗ thường nằm sát mặt đất tiến hành cắt từ gốc đến ngọn. - Đối với những cây gỗ lớn khi đổ thường nằm chênh vênh, cách mặt đất một khoảng rất cao, cần hạ độ cao của tán lá để cho thân gỗ rơi xuống sát đất. Tiến hành cắt từ phía ngoài vào phía trong cành ○ Cắt khúc thân cây theo quy cách sản phẩm đặt hàng ○ Khi cắt không được đứng lên thân cây, hoặc phía căng thớ của cây gỗ. ○ Cây nằm ngang dốc phải kê gỗ chắc chắn mới được tiến hành cắt và khi cắt mạch cuối phải đứng trên dốc. ***- Bóc vỏ:*** Khuyến khích bóc vỏ trên rừng trước khi vận xuất gỗ ra ngoài ***(riêng với gỗ sản xuất viên nén không cần bóc vỏ)***
Vận chuyển gỗ ra khỏi rừng	- Trên địa hình bằng phẳng có thể sử dụng máy để vận chuyển - Nếu địa hình dốc (>20˚) nên áp dụng biện pháp vận xuất thủ công để giảm thiểu tác động đến môi trường - Tận dụng tối đa kiến thức và kinh nghiệm của người dân địa phương trong việc vận chuyển gỗ để giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái - Bảo dưỡng đường vận xuất sau khai thác, tránh gây sói mòn đất, tắt nghẽn suối, kênh.
3. Vệ sinh rừng sau khai thác	
Vệ sinh rừng sau khai thác	- Vật liệu hữu cơ sau khai thác (cành nhánh, lá cây, vỏ cây,…) nên được chặt ngắn và rải đều trên lô để làm phân cho rừng - Hạn chế đốt thực bì sau khai thác - Nếu buộc phải đốt thực bì thì nên gom thành từng đống nhỏ mới đốt - Kiểm soát cẩn thận khi đốt để không bị cháy lan sang lô rừng khác - Thu gom toàn bộ cành nhánh trong khu vực hành lang sông suối, ao hồ, ruộng vườn, đường xá xung quanh khu vực khai thác - Có giải pháp tu sửa, bảo vệ hoặc trồng cây khu vực đường vận xuất để giảm thiểu sói mòn sau khai thác

QT 7. QUY TRÌNH QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

1. Quy định chung

- Quy trình áp dụng cho nhóm hộ nhằm xử lý rác thải từ hoạt động sản xuất lâm nghiệp của nhóm và rác thải vứt vào rừng do cộng đồng dân cư xung quanh.
- Các loại rác thải độc hại liên quan đến hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,… phải được quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật và phải được thống kê và báo cáo hằng năm.
- Luôn tuân thủ bảo hộ và an toàn lao động khi phân loại và xử lý rác thải

2. Quy trình xử lý rác thải

Loại chất thải	Quy trình xử lý
Chất thải hữu cơ	- Gồm các loại rác thải từ nguồn gốc hữu cơ như rau củ, đồ ăn thừa, vỏ hoa quả,… - Các loại rác thải này được xử lý ngay tại rừng bằng cách cuốc hố, gom rác vào hố và lấp đất lại
Chất thải rắn thông thường	- Bao gồm túi nylon đựng cây, túi bầu, túi bóng đựng đồ ăn, hộp sữa, chai lọ bằng nhựa hoặc thủy tinh đượng đồ uống,… - Thu gom toàn bộ rác thải này, phân loại thành rác tái chế và rác không tái chế. - Rác tái chế có thể chuyển đến các khu thu mua rác thải tái chế - Rác không tái chế thì gom lại đưa ra bãi rác xử lý, hoặc bỏ vào thùng rác thải sinh hoạt gia đình
Chất thải rắn độc hại	- Bao gồm các loại túi bóng, chai lọ đựng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chai lọ đựng xăng hoặc dầu nhớt, pin,… - Thu gom toàn bộ các loại rác thải này cho vào thùng phi có nắp đậy và khóa cẩn thận. Khi đủ số lượng thì liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xử lý rác thải độc hại để thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật; - Tuyệt đối không được vứt rác thải độc hại bừa bãi, không được vứt rác thải độc hại ra bãi rác hoặc khu vực gần sông suối, ao hồ; - Toàn bộ số liệu về rác thải độc hại phải được ghi chép cẩn thận; các thông tin ghi chép gồm: Khối lượng, thời gian xử lý, nơi xử lý, đơn vị thu nhận,… và phải được tổng hợp vào báo cáo hằng năm.
Dầu, mỡ sử dụng cho các loại động cơ phục vụ sản xuất trong rừng.	- Dầu mỡ động cơ là chất khó phân hủy, dễ gây ô nhiễm nguồn nước và đất, phương pháp chủ yếu là phòng ngừa bằng cách: - Hạn chế sử dụng động cơ chạy bằng nhiên liệu xăng dầu mà thay thế sử dụng động cơ điện. - Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc để khi động cơ làm việc dầu, mỡ không rò rỉ ra môi trường - Khi thay dầu mỡ động cơ cần phải thực hiện đúng quy trình của nhà sản xuất. - Quá trình đổ xăng dầu phải được thực hiện trên bện xi măng hoặt lót tấm nilong kèm mùn cưa. Vị trí đổ phải bằng phẳng, cách xa khu vực sông suối, ao hồ. - Quy trình tiếp nhiên liệu cho các loại xe vận chuyển tại rừng như sau:

Loại chất thải	Quy trình xử lý
	+ Chuẩn bị gồm: Quặng (phểu), giẻ lau bằng vải, bac cao su, nhiên liệu, cát hoặc mùn cưa. + Tiếp nhiên liệu: trước khi tiếp nhiên liệu dùng bạc cao su lót dưới sàn xe, rải một lớp mùn cưa lên trên để hứng nhiên liệu đổ ra ngoài, dùng quặng để trên miệng bình dầu xe và tiến hành tiếp nhiên liệu. - Kết thúc: dùng giẻ lao khô nhiên liệu trên miệng bình dầu xe, túm lấy bạc cao su đổ nhiên liệu (nếu có nhiên liệu đổ xuống) cho vào can nhựa. Đem giẻ lau và nhiên liệu đổ ra về nơi tập kết chứa chất thải độc hại bỏ vào thùng chứa chất thải.. - Nếu không may dầu, mỡ chảy ra rừng thì xử lý bằng cách: Đào lấy đất bị thấm dầu, mỡ và đem đốt cho đến khi dầu, mỡ phân hũy hết. - Xử lý đối với dầu mỡ ô nhiễm nước: Ngăn vùng nước bị ô nhiễm và hút hết nước vào một bể chứa sau đó xả nước phía dưới để tách phần dầu nổi lên phía trên.
Rác thải sinh hoạt do người dân địa phương thải vào rừng hoặc tại hiện trượng các khu vực khai thác, trồng rừng	- Có thể bao gồm tất cả các loại rác thải đã nêu ở trên - Bố trí các túi rác trong rừng, dọc theo các tuyến đường mòn người dân thường qua lại, hoặc gần khu vực hoạt động của công nhân trồng rừng, khai thác, tỉa thưa. - Gom lại và phân loại rác thải theo từng nhóm đã liệt kê ở trên - Xử lý rác thải riêng theo từng loại theo quy trình đã nêu ở trên - Cắm biển cảnh báo cấm vứt rác vào rừng ở những nơi dễ nhìn, nhiều người qua lại - Phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền, vận động người dân địa phương không vứt rác vào rừng - Áp dụng các biện pháp xử phạt để răn đe

QT 8. QUY TRÌNH QUẢN LÝ SÂU BỆNH HẠI RỪNG TRỒNG

I. MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần quản lý vấn đề về dịch hại?

Mục đích của hoạt động này là nhằm ngăn chặn các dịch bệnh hại rừng có thể xảy ra bằng cách thực hiện tốt các hoạt động quản lý rừng và vệ sinh rừng.

Quan trọng hơn nữa là để đạt được mục tiêu về chứng chỉ rừng thì cần quản lý tốt các vấn đề về môi trường do tổ chức cấp chứng chỉ rừng quốc tế và pháp luật hiện hành Nhà nước Việt Nam đặt ra.

II. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ

Các biện pháp quản lý sau đây, theo thứ tự ưu tiên, sẽ được thực hiện để ngăn chặn và giảm thiểu các vấn đề dịch hại:

1. Chọn lập địa cùng các loài cây thích hợp cho phương thức trồng rừng bền vững (hỗn giao hay thuần loài)

2. Sử dụng biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp.
3. Điều tra các dịch bệnh có thể/thường xảy ra tại khu vực, đánh giá mức độ tác động của chúng, thường xuyên giám sát các quần thể dịch hại nghiêm trọng.
4. Đưa ra quyết định quản lý dựa trên tất cả các thông tin sẵn có liên quan đến kinh tế, kỹ thuật lâm sinh và đặc tính của sâu bệnh hại rừng.

Phương pháp kiểm soát bùng phát dịch theo thứ tự ưu tiên là gì?

1. Kỹ thuật về lâm sinh hoặc sinh thái (chặt chọn, chặt làm sạch rừng).
2. Kiểm soát bằng biện pháp sinh học với tác nhân gây bệnh (ký sinh trùng, thiên địch)
3. Kiểm soát bằng cách sử dụng hóa chất cho phép trên cơ sở chọn lọc và tính hiệu quả. Nhóm thuốc trừ sâu 1A và 1B do Tổ chức Y tế Thế giới phân loại, thuốc trừ sâu có chứa hydrocarbon clo, thuốc trừ sâu độc hại hoặc bất kỳ loại thuốc trừ sâu bị hạn chế theo công ước quốc tế, sẽ bị cấm.

➢ ***Sử dụng tác nhân kiểm soát sinh học:***

Bất cứ loại tác nhân kiểm soát sinh học nào đều phải được phê duyệt của tổ chức cấp chứng chỉ trước khi sử dụng. Nói chung sinh vật biến đổi gen không được phép sử dụng.

➢ ***Sử dụng thuốc trừ sâu:***

Thuốc trừ sâu chỉ được phép được sử dụng nếu điều đó hoàn toàn cần thiết. Mọi hoạt động sử dụng phải được báo cáo cho Quản lý nhóm. Quản lý nhóm phải báo cáo việc sử dụng thuốc trừ sâu cho Cơ quan cấp chứng chỉ trước khi sử dụng chúng.

Lưu trữ báo cáo như thế nào?

Các biện pháp kiểm soát dịch bệnh hại rừng dù được áp dụng như thế nào và bằng phương pháp nào thì đều phải được lưu trữ để làm bằng chứng sau này:

- Giữ lại một bản báo cáo về đánh giá rủi ro của quá trình sử dụng, chi tiết của qui trình đó cần được tuân thủ khi thao tác sử dụng thuốc trừ sâu, tuân thủ các luật và qui định hiện hành
- Ghi chép lại phương pháp sử dụng, người thực hiện, ở đâu và khi nào, và điều kiện thời tiết lúc đó. Dựa trên thông tin này, trong tương lai, vùng được cấp chứng có thể được

hỏi đánh giá cho một bản báo cáo đơn giản tóm tắt việc dùng các phương pháp khác nhau và từng thành phần hoạt chất được sử dụng.

- Ghi lại quá trình quyết định và lý do để chọn phương pháp dùng hóa chất hoặc không có hóa chất.
- Lưu lại các hồ sơ này để có thể tra cứu sau này.

QT 9. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

MỤC ĐÍCH:

1. Tại sao cần đánh giác tác động môi trường và xã hội?

Đánh giá tác động xã hội và môi trường được thực hiện để xác định các hoạt động quản lý và trồng rừng đã có những ảnh hưởng như thế nào đến môi trường và tác động về xã hội trong khu vực rừng do Nhóm chủ rừng Phát triển bền vững quản lý từ đó đề ra các hoạt động để giảm thiểu các tác động tiêu cực. Đánh giá này được BQL CCR Phát triển bền vững phối hợp với các BQL CCR thành viên thực hiện định kỳ mỗi năm một lần.

2. Các bước đánh giá bao gồm?

Bước 1: Liệt kê các hoạt động dự kiến để đánh giá

Ví dụ trong trường hợp trồng rừng keo của các xã, các nhóm hoạt động cần được đánh giá tác động môi trường và xã hội gồm:

Bước 2: Thảo luận các tác động có thể có với các bên liên quan và người am hiểu ở địa phương

Quản lý rừng	Hoạt động trồng và chăm sóc rừng, bảo vệ chống chặt phá rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng cháy chữa cháy, quản lý rừng có giá trị bảo tồn cao
Sản xuất và thị trường	Khai thác và thu mua gỗ
Quản lý nhóm CCR	Quản lý các thành viên trong nhóm, đáp ứng các phản hồi, tham gia các hoạt động hội họp, tập huấn…

Thảo luận với người am hiểu ở địa phương và các bên liên quan để xác định các tác động về môi trường và xã hội hiện có. Đồng thời cũng cần lập danh sách các bên liên quan để có thể tham vấn khi cần thiết.

Bước 3: Thảo luận các tác động tác động tiềm năng với các thành viên nhóm

Dựa vào các thông tin và kinh nghiệm của các thành viên, nhóm đánh giá cùng thảo luận với các thành viên của Ban Quản lý cấp xã và Quản lý nhóm để xác định các tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội của các hoạt động đã thực hiện và xác định ở bước 1.

Bước 4: Phát triển các giải pháp để hạn chế các tác động tiêu cực và phát huy các tác động tích cực.

Dựa trên các tác động đã được xác định ở các bước trên, cùng thảo luận với các bên liên quan và các thành viên trong nhóm để phát triển các giải pháp phù hợp nhằm khắc phục các tác động tiêu cực trong quá trình trồng rừng.

QT 10. QUY TRÌNH AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP

MỤC ĐÍCH:

Tại sao cần có quy trình an toàn lao động?

Cần có quy trình an toàn lao động trong nghề rừng nhằm mục đích bảo vệ người lao động (trồng rừng, khai thác, vận chuyển…), giảm thiểu tối đa mọi rủi ro có thể xảy ra có thể là mắc bệnh hoặc tai nạn trong rừng.

1. An toàn lao động là gì?

Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo các điều kiện làm việc an toàn cho tất cả công nhân. Toàn bộ công việc được tiến hành cần phù hợp với pháp luật và quy định của luật an toàn lao động Việt Nam và tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).

2. Công nhân lâm nghiệp cần đảm bảo vấn đề gì?

Công nhân lâm nghiệp cần đảm bảo:

- Thể chất khỏe mạnh và phù hợp với các hoạt động,
- Được đào tạo và có kinh nghiệm trong việc sử dụng và bảo dưỡng máy cưa, chặt hạ và cắt cây
- Không sử dụng ma túy, rượu hoặc các chất kích thích trong quá trình làm việc
- Điều quan trọng là có một người trong nhóm có khả năng hỗ trợ hoặc giúp đỡ trong trường hợp cấp cứu. Không bao giờ làm việc một mình khi chặt hạ cây hoặc sử dụng máy cưa



Không đảm bảo an toàn lao động

Công nhân lâm nghiệp cần được trang bị thiết bị/đồ dùng an toàn đủ tiêu chuẩn theo hình dưới đây:



1. **Mũ bảo hộ vỏ cứng:** Cần có vỏ cứng hoặc mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng

2**. Bảo vệ tai:** Miếng mút bịt tai mềm có thể sử dụng

3. **Mặt nạ:** Mặt nạ mũ bảo hiểm xe máy có thể sử dụng

4. **Áo phản quang:** Áo khoác/áo phản quang của công nhân xây dựng/ công ty vệ sinh môi trường có thể sử dụng

5. **Áo khoác bảo hộ lao động:** Áo dài tay, dày để làm việc có thể sử dụng

6. **Găng tay bảo hộ lao động:** Găng tay vải cotton hay sợi tổng hợp có thể sử dụng



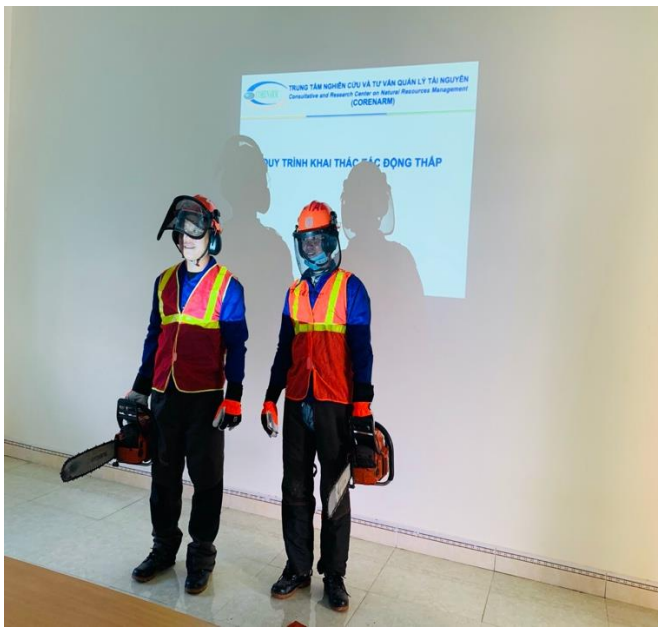
7. **Quần lao động với kháng đỡ vết cắt:** Quần lao động dày có thể sử dụng

8. **Ủng bảo hộ:** giầy bộ đội có thể sử dụng trong trường hợp này.

3. Cần làm gì để đạt tiêu chuẩn về an toàn lao động trong chứng chỉ rừng?

Việc tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động được nêu trong điều lệ an toàn lao động sẽ đảm bảo cho việc thực hiện đúng tiêu chí đề ra.

Tham gia các buổi tập huấn về an toàn lao động sẽ góp phần nâng cao năng lực trong quá trình thực hiện





QT 11. SƠ CẤP CỨU KHI XẢY RA TAI NẠN LAO ĐỘNG

I. MỤC ĐÍCH:

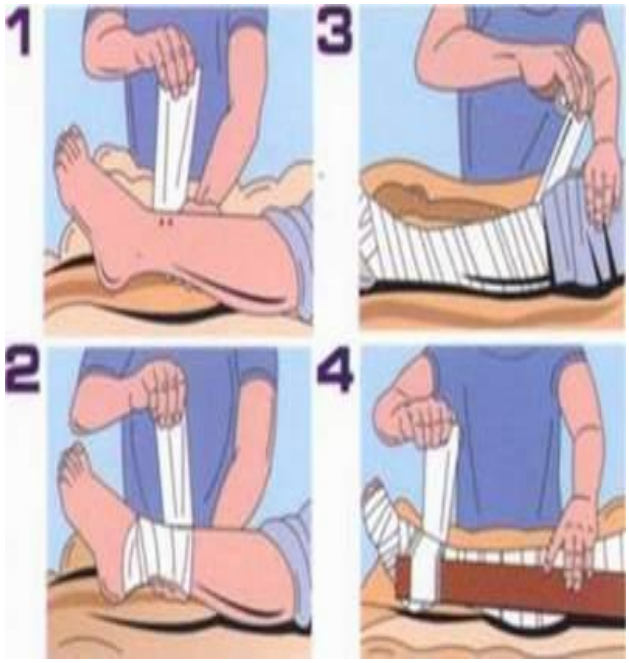
Tại sao cần sơ cứu khi xảy ra tai nạn lao động?



- Trong quá trình sử dụng lao động trong nghề rừng có thể do một yếu tố chủ quan hoặc khách quan nào đó để xảy ra tai nạn đáng tiếc (trồng rừng, khai thác, vận chuyển…).
- Nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại về sức khỏe cũng như có thể đảm bảo tính mạng con người khi tai nạn xảy ra thì bước sơ, cấp cứu ban đầu là vô cùng quan trọng, nó có thể quyết định đến khả năng cấp cứu thành công ngay sau đó.

II. NỘI DUNG SƠ CỨU BAO GỒM:

1. Sơ cứu khi xảy ra tai nạn là gì?



Tất cả các hoạt động cần phải được thực hiện đảm bảo rằng nạn nhân không bị mất nhiều máu, nhanh chóng đưa nạn nhân ra khỏi tình trạng, khu vực nguy hiểm, kéo dài thời gian trước khi nạn nhân bị đuối sức và đến khi gặp bác sĩ cấp cứu. Toàn bộ công việc được tiến hành một cách phù hợp gọi là sơ cứu.

2. Những nguyên tắt khi tiến hành sơ cứu là gì?

Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.

3. Các bước nên làm khi tiến hành sơ cứu là gì?

- Điều đầu tiên bạn nên làm trong bất cứ trường hợp nào mà cần đến sơ cứu đó là tuân theo quy tắc 3C: Coi và kiểm tra sơ, Cuộc gọi, Chăm sóc.

Coi và kiểm tra sơ bộ

- Để Coi và kiểm tra sơ nạn nhân, trước hết bạn nên khảo sát hiện trường xung quanh để đảm bảo sự an toàn. Bạn cần phải hết sức chú ý đến vị trí của nạn nhân khi bạn đến gần họ.
- Nếu trong quá trình giúp đỡ mà bạn làm cho nạn nhân đau hay có những triệu chứng tồi tệ hơn, thì đừng tiếp tục vì bạn có thể làm nạn nhân tồi tệ hơn.

Cuộc gọi khẩn cấp

- Sau khi kiểm tra nạn nhân, hãy chỉ định một người thực hiện Cuộc gọi cấp cứu. Nếu bạn là người duy nhất ở đó ngoài nạn nhân, thì bạn hãy là người gọi cấp cứu.
- Hãy nói thật rõ vị trí hiện tại của bạn, tình hình hiện tại, và mô tả bệnh nhân. Ngoài ra, nếu được, bạn hãy cung cấp hướng đi đến vị trí hiện tại của bạn một cách nhanh nhất. Trong bước này, việc giữ bình tĩnh là một trong những điều quan trọng nhất.

Chăm sóc nạn nhân nếu có thể

- Sau khi thực hiện Cuộc gọi, hãy Chăm sóc một cách thích hợp cho đến khi trung tâm cấp cứu đến và làm phần việc còn lại. Hãy đặc biệt lưu ý tới các dấu hiệu và triệu chứng sốc của nạn nhân, nếu có.

- Luôn luôn nhớ một nguyên tắt quan trọng rằng: Người sơ cứu không bao giờ phải tự đặt mình vào những tình huống nguy hiểm. Nhớ rằng, bạn không thể nào giúp một nạn nhân nếu bạn biến chính mình thành nạn nhân.



4. Những tình huống tai nạn lao động nào cần được sơ cứu?

Hầu hết các tai nạn xảy ra trong lao động cần tiến hành sơ cứu ban đầu. Ở đây chúng tôi xin trình bày một số vấn đề chính (tai nạn thường thấy) cần tiến hành sơ cấp cứu kịp thời để đảm bảo tính mạng và hạn chế dị tật sau khi tai nạn xảy ra:



4.1. Vết thương bị chảy máu:

Đây là chấn thương thường gặp nhất khi bị tai nạn. Nguyên nhân là do va đập hoặc bị vật sắc nhọn đâm vào da, xương gãy đâm ra ngoài làm rách da, đứt mạch máu, dập chi. Dấu hiệu có thể quan sát bằng mắt như dập nát hoặc rách da, thịt dẫn đến máu chảy.Nếu mất quá nhiều máu sẽ dẫn đến choáng, bất tỉnh, tử vong.

Cần làm gì khi sơ cứu vết thương chảy máu?



Trong trường hợp vết thương có dị vật, **Không nên rút dị vật ra vì có thể làm cho máu chảy ra nhiều hơn**.

➢ **Cần xử trí theo các bước sau:**

- Mang găng tay hoặc túi nilon sạch khi sơ cứu để tránh lây bệnh truyền nhiễm từ nạn nhân **(nếu có).**

- Dùng tay ép chặt mép vết thương. Chèn băng, gạc quanh dị vật cho cố định. Lưu ý không băng trùm lên dị vật. Chuyển nạn nhân tới cơ sở y tế.

➢ Với vết thương chảy máu dập nát hay đứt chi, cần:

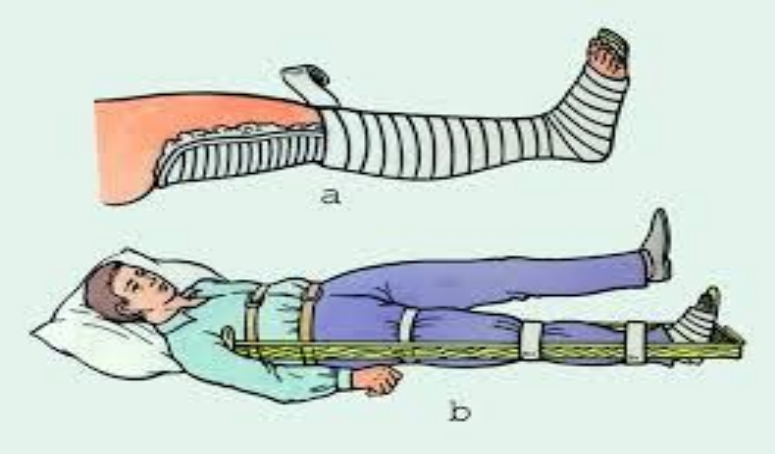


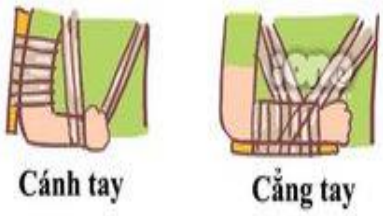
- Đeo găng tay. Làm garo cầm máu bằng cách cần quấn thật chặt ở vị trí trên vết thương 3-5cm. Có thể dùng vải sạch làm garo nếu không có sẵn dụng cụ y tế.

- Xoắn garo từ từ cho đến khi máu hết chảy. Đưa đến bệnh viện.

4.2. Tai nạn làm gãy xương nạn nhân?

Khi xương bị gãy, dấu hiệu điển hình là đau ở vùng gãy, đau hơn khi sờ ấn hoặc cử động, giảm hoặc không thể cử động chỗ bị thương, kèm theo sưng nề, chảy máu. Trong một số trường hợp da bị bầm tím. Nếu gãy xương hở đầu, xương có thể đâm thủng da.







Việc đầu tiên cần làm là cố định tạm thời bộ phận bị gãy. Tránh làm xương dịch chuyển, không thể xảy ra thêm tổn thương về mạch máu, thần kinh, cơ. Có thể dùng các loại nẹp tự tạo từ gỗ, tre, đòn gánh để cố định vùng xương gãy.

Nếu gãy xương ở gần các khớp, phải cố định cả khớp; chẳng hạn gãy xương đùi cần cố định các khớp háng, khớp gối, khớp cổ chân. Với xương cẳng chân cần cố định khớp gối, khớp cổ chân; Gãy xương cẳng tay cần cố định khớp khuỷu và khớp cổ tay.

➢ Riêng khi gãy xương hở, không được rửa mà chỉ lau xung quanh vết thương, bôi thuốc sát trùng và băng ép vô khuẩn. Tuyệt đối không ấn đầu xương gãy vào trong.

➢ Sau đó nhanh chóng đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Có thể dùng xe máy chở nạn nhân gãy xương chi ở tư thế ngồi. Tuy nhiên trong trường hợp gãy xương cột sống hay xương đùi cần vận chuyển trên cáng nằm.

4.3. Tai nạn làm chấn thương sọ não hoặc co giật?

- Khi quan sát thấy nạn nhân bị va đập ở vùng đầu, đừng tự ý di chuyển mà hãy nhờ sự giúp đỡ của những người khác. Nếu nạn nhân hôn mê, không nên cho uống bất kỳ loại nước nào vì dễ bị sặc.
- Nạn nhân chấn thương sọ não có thể bị vỡ sọ, vết thương xuyên thấu, dập não, xuất huyết trong hoặc phù não, co giật. Khi đó, nên đặt nạn nhân nằm ở nơi thoáng khí với tư thế chân kê cao hơn đầu khoảng 20 cm nếu không thấy chảy máu đầu cổ, không bị nhồi máu cơ tim. Cần ủ ấm cho bệnh nhân. Nếu nạn nhân ngưng tim, ngưng thở, nên ưu tiên hô hấp nhân tạo, xoa bóp lồng ngực ở vùng tim.
- Sau khi xử trí tổn thương ban đầu, gọi xe cấp cứu ngay. Nếu nghi ngờ nạn nhân bị tổn thương cột sống, phải thật cẩn trọng khi khiêng cáng ra khỏi hiện trường. Trong quá trình di chuyển, cần cố định nạn nhân bằng cách chèn vải, chăn gối ở phần đầu, cổ và thân.
- Khi nạn nhân co giật: Cần đặt nạn nhân nằm trên vùng đất an toàn, nâng đỡ đầu, nới rộng quần áo, đặc biệt ở vùng cổ. Nếu có nôn ói, hãy xoay nạn nhân nằm nghiêng một bên để

tránh hít chất nôn vào phổi. Sau đó gọi số 115 để được hỗ trợ.



4.4. Tai nạn làm bong gân, trật khớp?

Đối với bong gân: Hạn chế cử động vùng bị tổn thương. Băng, ép nhẹ vùng tổn thương và chườm đá. Nếu thấy các đầu chi có tái nhợt, nên nới băng lỏng.

Trật khớp: Không cử động khớp mà cần cố định khớp ở đúng vị trí sai lệch. Không thoa dầu nóng hay nắn khớp mà chỉ nên chườm lạnh vùng tổn thương.

QT 12. HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG THUỐC BVTV VÀ PHÂN BÓN AN TOÀN HIỆU QUẢ

1. Mục đích:

- Nắm bắt và thực hiện đúng quy định các thao tác cần thiết khi tiến hành tiếp nhận, bảo quản, lưu kho và cập phát các loại hoá chất, phân bón để đảm bảo tính an toàn.
- Đảm bảo các thành viên trong nhóm thực hiện theo các quy định của nhóm.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ thuật của 4 đúng trong việc dùng thuốc BVTV:

2.1.1. Đúng thuốc:

Trước khi chọn mua thuốc, nông dân cần biết loại sâu, bệnh, cỏ dại gây hại mà mình cần phòng trừ. Không nên sử dụng cùng một loại thuốc trong suốt vụ hoặc từ năm này qua năm khác. Nên ưu tiên mua loại thuốc ít độc nhất. ưu tiên chọn mua loại thuốc có thời gian cách ly ngắn nhất.

- Nên ưu tiên mua những loại thuốc có tác động chọn lọc (có hiệu lực trừ sâu bệnh cao nhưng tương đối ít độc đối với sinh vật có ích).

2.1.2. Đúng liều lượng:

Dùng thuốc với liều cao hơn khuyến cáo càng làm gia tăng nguy cơ bị ngộ độc của người đi phun thuốc, người sống ở gần vùng phun thuốc và người sử dụng nông sản có phun thuốc. Ngoài ra còn có nguy cơ cây trồng bị hại do thuốc liều lượng cao gây ra (nhất là khi dùng thuốc trừ cỏ).

2.1.3. Đúng lúc:

Đối với dịch hại đúng lúc là phun thuốc vào thời điểm mà dịch hại trên đồng ruộng dễ bị tiêu diệt nhất. Sâu hại thường mẫn cảm nhất đối với thuốc BVTV khi chúng ở giai đoạn sâu non tuổi nhỏ. Đối với thuốc trừ cỏ thì phải tuỳ theo đặc điểm của từng loại thuốc và sử dụng vào lúc thuốc có tác động mạnh nhất đến cỏ dại và ít có nguy cơ gây hại cho cây trồng.

Phun đúng lúc cũng là tránh phun thuốc khi trời sắp mưa to có thể làm rửa trôi hết thuốc trên mặt lá, thân cây. Phun thuốc vào lúc trời mát, không có gió to để thuốc bay vào mặt hoặc bay vào nhà ở gần nơi phun thuốc.

Phun đúng lúc là không phụ thuộc vào quá gần ngày thu hoạch nông sản. Phải tuỳ loại thuốc mà ngừng sử dụng trước khi thu hoạch một thời gian nhất định.

2.1.4. Đúng cách:

Dùng thuốc đúng cách thể hiện trước hết ở khâu pha thuốc. Pha thuốc đúng cách là làm thế nào để cho chế phẩm sử dụng được hoà thật đồng đều vào nước, như vậy khi phun thuốc sẽ được trang trải thật đều trên vật phun (lá cây, mặt đất…). Khâu tiếp theo của việc dùng thuốc đúng cách là phun rải thuốc trên rừng cho đúng cách. Phun rải thuốc đúng cách là làm sao cho thuốc BVTV tiếp xúc được với dịch hại nhiều nhất. Có những loại sâu hại chỉ tập trung phá ở gốc (ví dụ rày nâu), có những loài chuyên sống trên lá, trên ngọn, lại có những loài chỉ sống ở mặt dưới lá, … Do vậy khi phun thuốc phải hướng sao cho tia tập trung vào nơi quy định phun.

Dùng thuốc đúng cách còn có nghĩa là không tự ý hỗn hợp nhiều loại thuốc BVTV với nhau để phun trên rừng. Khi hỗn hợp 2 hay nhiều loại thuốc BVTV cũng có trường hợp do phản ứng với nhau mà hỗn hợp sẽ giảm hiệu lực trừ dịch hại, hoặc dễ gây cháy lá cây, hoặc

dễ gây độc cho người sử dụng. Do vậy chỉ thực hiện việc hỗn hợp nếu như điều đó có hướng dẫn trên nhãn thuốc hoặc trong các tài liệu khoa học kỹ thuật hướng dẫn dùng thuốc BVTV.

2.2. Đảm bảo thời gian cách ly từng loại thuốc BVTV trên từng loại cây trồng:

2.2.1. Dư lượng thuốc BVTV trên cây trồng:

Sau khi một loại thuốc BVTV được phun rải lên cây hoặc bón vào đất thì thuốc sẽ để lại trên mặt lá, thân cây và thông thường là cả ở bên trong các mô thực vật một lượng thuốc (hoạt chất) nhất định. Sau phun rải một thời gian (vài ngày, một vài tuần) lượng hoạt chất bám trên cây và tồn tại bên trong cây sẽ giảm dần do tác động của nhiều yếu tố: Do thời tiết (nắng mưa), do hoạt động phân huỷ thuốc của các men thực vật, do sự tăng trưởng của cây được gọi là dư lượng thuốc BVTV trên thân lá, trái, củ của cây trồng. Càng xa ngày phun rải thuốc thì dư lượng của thuốc bên ngoài và bên trong cây càng giảm thấp.

2.2.2. Mức dư lượng tối đa cho phép:

Một loại thuốc BVTV chỉ gây độc cho cơ thể người và động vật máu nóng, nếu như loại thuốc thâm nhập vào cơ thể với một lượng thấp hơn lượng giới hạn nói trên thì chưa gây hại cho cơ thể. Loại thuốc nào có độc tính càng cao (thuộc nhóm I) thì giới hạn đó càng thấp. Ngược lại loại thuốc nào có độc tính càng thấp (thuộc nhóm III) thì giới hạn đó càng cao.

Những lương thực và thực phẩm chứa dư lượng một loại thuốc BVTV ít hơn mức dư lượng tối đa cho phép thì được xem như vô hại đối với sức khoẻ của người tiêu dùng. Ngược lại, những nông sản chứa dư lượng một loại thuốc BVTV vượt quá mức dư lượng tối đa cho phép thì không được dùng làm lương thực, thực phẩm cho người tiêu dùng.

2.2.3. Thời gian cách ly:

Thời gian của một loại thuốc BVTV đối với một loại nông sản là thời gian kể từ ngày phun loại thuốc đó lần cuối trong vụ đến ngày thu hoạch nông sản đã có phun thuốc. Thời gian cách ly có thể thay đổi từ một vài ngày đến một vài tuần tuỳ theo đặc tính khoa học, tuỳ theo độc tính của thuốc và tuỳ theo loại cây lương thực, thực phẩm được phun thuốc, tuỳ theo lượng thuốc dùng trên đồng cỏ. Thời gian cách ly dài hay ngắn còn tuỳ thuộc vào điều kiện thời tiết trong thời kỳ phun thuốc.

2.3. Đảm bảo an toàn trong khâu cất giữ tại nhà những thuốc BVTV chưa sử dụng hết:

Những thuốc BVTV mua về chưa sử dụng hoặc dùng chưa hết phải được cất giữ trong các phòng riêng biệt, không dột khi bị mưa, có khoá cửa chắc chắn, xa nơi ở và chuồng trại gia súc.

Những dụng cụ đong thuốc, bình bơm thuốc, quần áo bảo hộ lao động phải được giặt giũ, rửa sạch sẽ sau mỗi đợt phun thuốc và phải cất giữ trong kho riêng (cùng với nơi lưu trữ thuốc BVTV của gia đình). Tuyệt đối không được dùng các đồ dùng trong sinh hoạt (xô chứa nước ăn, chậu rửa rau vo gạo, muỗng, thìa, chén ăn cơm, …) để đong, pha thuốc.

Không trút đổ thuốc dư thừa, chưa dùng hết sang bất kỳ đồ đựng khác (vỏ chai bia, chai nước mắm, …). Sau khi đã dùng hết thuốc không được dùng bao bì thuốc BVTV (chai thuốc, bịch thuốc BVTV) vào bất kỳ mục đích nào khác. Phải huỷ và chôn những bao bì này.

2.4. Quy định an toàn trong quản lý và sử dụng phân bón

2.4.1. Nguyên tắc chung khi bảo quản phân bón

Chống lẫn lộn: Tránh trộn lẫn các loại phân lại với nhau, đánh dấu các loại phân để tránh nhầm lẫn.

Chống ẩm: Để phân nơi cao ráo, thoáng mát, không đặt trực tiếp trên nền đất hoặc nền xi măng (tốt nhất nên đặt trên giá gỗ cách mặt đất).

Chống accid: các loại phân có tính axit nên chọn các vật liệu sử dụng, bảo quản có tính chống axit hoặc phải rửa sạch sau khi sử dụng loại phân có tính này.

Chống nóng: Một số loại phân gặp nóng sẽ xảy ra hiện tượng gây nổ nên không được để phân gần lửa, tránh ánh năng trực tiếp của mặt trời, nên bảo quan nơi thoáng mát.

2.4.2. Khu vực nhà kho:

Khu vực nhà kho là dựa vào tính chất và đặc điểm của các loại phân bón, đặc điểm của kho để phân thành các khu vực chứa các loại phân bón phù hợp với tính chất của chúng.

Những căn cứ để phân khu vực nhà kho:

- Căn cứ vào tính chất và đặc điểm của từng loại phân bón. Mỗi loại phân bón cần được phân bố và sắp xếp tại các nơi bảo quản thích hợp với tính chất vật lý, hoá học của chúng.
- Căn cứ vào điều kiện luân chuyển của các loại phân bón, trọng lượng, kích thước và hình thức bao bì. Đối với các loại phân bón thông dụng, có yêu cầu luân chuyển lớn nên để ở những khu vực thuận tiện cho việc vận chuyển.
- Căn cứ vào điều kiện thực tế của kho như: kho kiên cố, kho bán kiên cố, sức chứa và thời gian sử dụng của kho…Trên cơ sở đó tiến hành phân khu vực nhà kho, ưu tiên những loại có giá trị kinh tế hoặc những loại có yêu cầu bảo quản đặc biệt.
- Đối với phân hữu cơ vi sinh hay hữu cơ bò, nên được bố trí để gần lô tái canh theo đúng diện tích và số lượng mua vào.

Ví dụ: đối với khu vực nhà kho chứa phân đạm phải có yêu cầu bảo quản cao hơn so với kho chứa phân lân do đặc điểm, tính chất hoá học của phân đạm có thể ăn mòn tường kho. Vì vậy trong kho chưa phân đạm phải có những dụng cụ như gỗ, tre để ngăn cách giữa phân đạm với tường kho.

2.4.3. Định vị, định lượng phân bón

Định vị phân bón trong kho là việc xác lập vị trí cố định cho từng loại phân bón trong khu vực, từng ô…

Định lượng phân bón trong kho là việc quy định số lượng, trọng lượng phân bón chứa được trong mỗi khu vực nhà kho.

Căn cứ vào số lượng phân bón và quy cách cụ thể để xác định vị trí cho từng loại có thể chứa trong vị trí đó theo nguyên tắc "Dễ nhìn, Dễ thấy, Dễ lấy, Dễ kiểm tra".

Sử dụng liệu lượng phân bón theo hướng dẫn sử dụng: đúng lượng, đúng lúc và đúng cách

2.4.4. Kê lót phân bón

Các loại phân bón cần được kê lót chu đáo, cách ly với mặt đất. Kê lót cần thực hiện 02 yêu cầu:

Chống ẩm trực tiếp từ mặt đất

Chống các vi sinh vật, côn trùng hoạt động gắn liền với mặt đất. Phần lớn các loại phân bón bị biến chất là do có độ ẩm quá lớn, không được kê lót hoặc kê lót không đúng quy định.

QT 13. QUẢN LÝ HÀNH LANG VEN SÔNG SUỐI

I. MỤC ĐÍCH

- Mục đích của việc quản lý, bảo vệ các khu vực ven sông suối là để ngăn chặn tác động tiêu cực của các hoạt động rừng đến sự ổn định dòng chảy của sông, suối, chất lượng nước không bị tác động, năng suất và tính đa dạng của hệ sinh thái nước được ổn định hạn chế thay đổi và để bảo vệ đa dạng các loài động vật hiện đang sinh sống liên quan đến các vùng trong và ven sông suối, hồ, đất ngập nước vv.

- Nhằm giúp hộ nhận khoán, chủ rừng hộ gia đình, công nhân tham gia các hoạt động sản xuất rừng và người dân địa phương xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình khi thực hiện các hoạt động trên diện tích rừng;

- Đảm bảo cho người lao động, hộ gia đình khi tham gia hoạt động lâm nghiệp như trồng rừng, khai thác rừng, xử lý thực bì tại các diện tích rừng tham gia chứng chỉ nhóm tuân thủ đầy đủ quy định về quản lý, kiểm soát và theo dõi hành lang ven sông suối theo đúng 10 Nguyên tắc FSC quốc tế và theo hướng dẫn thông tư 28/TT-BNN&PTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018.

- Đảm bảo thực hiện đúng các quy định trong sổ tay quản lý Rừng bền vững ban hành năm 2021 của Ban Quản lý nhóm CCR Phát triển bền vững.

II. KHÁI NIỆM

Các vùng đệm ven sông suối ở dọc các dòng sông, suối và xung quanh hồ và vùng đất ngập nước là: Thảm thực vật bên bờ suối làm ổn định dòng chảy và bảo vệ hai bên bờ suối không bị sói mòn đất và thường là thảm thực vật nhiều loài cây, thảm thực vật cây bản địa có cây ở tầng cao hoặc rất đa dạng các loài động vật cư trú. Chúng tạo nơi ở quan trọng và hành lang di cư của nhiều loài động vật có vú, chim các loại và duy trì được các mối liên kết ngang và dọc quan trọng về mặt sinh thái thông qua cảnh quan rừng.

III. YÊU CẦU

- Phân vùng đệm ven sông suối, hồ, đất ngập nước được yêu cầu cụ thể như sau: Hộ nhận khoán, chủ rừng, nhà thầu khai thác hoặc nhà thầu trồng rừng phải cam kết tuân thủ các yêu cầu đối với khu vực vùng đệm dọc sông suối là diện tích nằm dọc hai bên bờ sông suối và xung quanh các hồ và khu vực đất ngập nước cụ thể như sau:

+ Đối với lòng sông, suối có chiều rộng >10m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 15 m;

+ Đối với lòng sông, suối có chiều rộng từ 5-10 m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên dòng chảy ít nhất là 10 m;

+ Lòng suối có chiều rộng <5m thì phải chừa hành lang bảo vệ ở hai bên ít nhất là 5 m;

+ Đối với lòng hồ thủy lợi có mực nước thay đổi theo mùa thì hành lang bảo vệ phải chừa ít nhất 100 m.

Tuy nhiên, tuỳ thuộc vào hiện trạng của sông, suối, hành lang ven suối và độ dốc lô rừng để thiết lập khu vực bảo vệ ven sông, suối và các biện pháp bảo vệ phù hợp.

- Đối với rừng tự nhiên: Mọi hoạt động trên các lô rừng có chứa hành lang bảo vệ ven sông, suối, hồ chứa nước... thì phần thiết kế, tác động phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng của 2 bên hành lang ven suối theo quy định như trên. Nghiêm cấm mọi tác động đến khu vực hành lang bảo vệ ven sông suối trong rừng tự nhiên.

- Thiết kế trồng rừng và thiết kế khai thác rừng hàng năm phải tuân thủ quy định nghiêm ngặt về độ rộng 2 bên cuả Hành lang ven suối, tùy vào độ rộng hẹp của lòng suối mà chiều dài vùng đệm hành lang 2 bên được quy định để quản lý vùng đệm hành lang ven sông suối, hồ, đất ngập nước như sau:

+ Không khai thác gỗ, không vận xuất;

+ Được phép làm đường tiếp cận trong thời gian thi công cầu;

+Phải dọn tất cả các cây bị đổ xuống lòng sông suối;

+ Trồng cây bổ sung ngay nếu có cây bị gẫy, đổ do khai thác, mở đường;

+ Trong trường hợp cây đổ bất ngờ vào dòng sông hoặc suối, thì phải chuyển cây đổ đó đi.

+ Các lô rừng đã trồng rừng đến sát mép sông, suối, hồ chứa nước bằng cây trồng kinh tế, tuổi thọ ngắn, dễ bị đổ gãy như Keo lai, Keo tai tượng... thì hộ gia đình trồng rừng phải thay thế bằng các cây bản địa (…,....) hoặc các loài cây có tác dụng phòng hộ khác như tre, luồng…

	
Không tuân thủ	Tuân thủ

QT14. QUY TRÌNH MỞ ĐƯỜNG KHAI THÁC GỖ RỪNG TRỒNG

I. MỤC TIÊU

- Hướng dẫn mở đường và duy tu bảo dưỡng đường vận xuất, vận chuyển gỗ áp dụng cho rừng trồng sản xuất quy mô nhỏ nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường và xã hội;
- Đảm bảo an toàn trong quá trình vận xuất, vận chuyển gỗ từ rừng ra bãi gỗ;
- Giảm thiểu những rủi ro, mất mát tiềm ẩn cũng như thiệt hại tài sản trong quá trình vận xuất, vận chuyển gỗ.

II. HƯỚNG DẪN MỞ ĐƯỜNG VẬN XUẤT, VẬN CHUYỂN

2.1. Quy định chung

- Chỉ mở đường vận xuất, vận chuyển khi thực sự cần thiết. Không mở quá nhiều đường vận xuất trên một lô rừng.
- Chỉ được mở đường vận xuất vào mùa khô. Tuyệt đối không mở đường hoặc tu sửa đường vào mùa mưa.
- Không được mở đường vận xuất chạy thẳng lên đỉnh đồi mà phải lợi dụng địa hình tự nhiên và mở đường theo đường đồng mức hoặc hình zic zắc.
- Đường vận xuất, vận chuyển chỉ cần xây dựng đơn giản, một làn xe chạy với mặt đường tối đa 03m, không nên có khối lượng đào đắp lớn, chủ yếu lợi dụng những chỗ có địa hình cho phép và phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật như dọn sạch gốc cây, nếu gặp đá phải sửa cho phẳng, tại các vị trí đường vòng bán kính phải đủ rộng để xe vận xuất gỗ an toàn không bị vướng, chỗ lầy phải được lát đá chống lầy...

2.2. Yêu cầu kỹ thuật

- Mặt cắt ngang: đủ cho 1 làn xe chạy, bề rộng mặt đường không được vượt quá 03m, trừ trường hợp điểm chờ tránh xe hoặc điểm đường cong cần phải mở rộng hơn cho phù hợp để đảm bảo an toàn khi mở cua cho xe vận xuất. Những chỗ đường tránh xe
- Đảm bảo tầm nhìn tối thiểu khi lái xe là 20m.
- Độ dốc ngang lề không được vượt quá 6% ($<4^o$).
- Nền đường:
    - Phải đảm bảo ổn định, duy trì được kích thước hình học, có đủ cường độ để chịu đơcj các tác động của tải trọng xe và của các yếu tố tự nhiên trong suốt quá trình khai thác sử dụng.
    - Phải đảm bảo việc xây dựng nền đường ít phá hoại sự cân bằng tự nhiên vốn có và không tác động xấu đến môi trường, xã hội.
    - Nên đường chủ yếu được hình thành trên cơ sở san gạt địa hình tự nhiên. Trường hợp phải đắp thì lấy đất tự nhiên ở khu vực lân cận. Không được đắp hỗn độn mà phải đắp thành từng lớp. Trước khi đắp phải xử lý hết lớp đất phong hóa để

lớp đất mới có thể dính chặt vào nền đường. Nền đường phải chặt, không bị lún khi xe có tải trọng chạy qua.

- Mái đường đắp có tà luy 1:1,75 ÷ 1:2,00.
- Mái đường đào có tà luy 1:1,5 ÷ 1:1,75.

- Công trình thoát nước:
  - Thoát nước dọc (rãnh biên): Đối với đường vận xuất, vận chuyển cố định: rãnh biên phải có tiết diện hình thang (rãnh đất) hoặc tam giác (rãnh đá), chiều sâu tính từ mặt nền tối thiểu 0,3m, độ dốc lòng rãnh ≥ 0,5%. Tận dụng địa hình để tìm cách tháo nước từ rãnh dọc ra chỗ trũng (sông, suối, khe cạn,…) gần đường. Đoạn có dốc dọc từ 8%-12% thì rãnh phải có giải pháp gia cố để chống xói mòn.
  - Rãnh đỉnh: Khi cần thiết thì phải làm rãnh đỉnh để cắt nước không cho đổ trực tiếp vào nền và rãnh biên.
- Công trình vượt qua dòng chảy: Ở những điểm mở đường phải vượt qua dòng chảy thì có thể áp dụng phương án cống, đường ngầm hoặc đường tràn để không gây ảnh hưởng đến dòng chảy và lòng chảy của khe, suối.

III. HƯỚNG DẪN DUY TU BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG KHAI THÁC

- Đối với những đường vận xuất tạm thời (chỉ sử dụng duy nhất vào thời điểm khai thác) thì sau khi hoàn thành việc khai thác có thể tiến hành trồng cây lên đường để hạn chế xói mòn, giúp bảo vệ đất. Những chỗ xuất hiện bị xói mòn hoặc đọng nước cần phải có biện pháp khắc phục như khơi rãnh ngang, đắp đất hoặc trồng cây keo dậu, cốt khí lên đường để giảm thiểu xói mòn. Đến thời kỳ khai thác rừng, tiến hành khai thác cây trên đường và duy tu, sửa chữa đường để sử dụng lại.
- Đối với các đường vận xuất, vận chuyển cố định (là đường sử dụng chung của nhiều chủ rừng, trục đường chính,… thì hằng năm cần phải có giải pháp duy tu bảo dưỡng đường. Các yêu cầu kỹ thuật của việc duy tu bảo dưỡng đường vận xuất như sau:
  - Công tác duy tu và bảo dưỡng đường phải được tiến hành thường xuyên để đảm bảo cho đường luôn ở trạng thái phục vụ cao nhất.
  - Sau khi mùa mưa kết thúc công tác bảo dưỡng đường phải được tiến hành kịp thời. Tiến hành nạo vét và di chuyển các lớp bùn nhão trên bề mặt, di chuyển đất đá trượt từ trên sườn núi và mái taluy xuống, dung cành lá cây che lên bề mặt taluy để hạn chế xói mòn đất.
  - Xẻ rãnh chéo thoát nước ngang đường khi có các hố nước đọng trên đường, khoảnh cách các rãnh là 15-30m tùy thuộc vào độ dốc của đường. Khai thác vận chuyển gỗ, trồng rừng xong đóng cửa đường không sử dụng tới chu kỳ khai thác sau (đối với đường vận xuất tạm thời).
  - Tất cả hệ thống thoát nước mặt, nước ngầm như rãnh biên, cống ngầm, cầu, đường tràn, đường thấm phải luôn được sửa chữa, bảo dưỡng và ở trạng thái làm việc

bình thường nhất là thời kỳ mưa lũ.

- Đường lâm nghiệp thường là đường có chất lượng thấp và thường không xây dựng áo đường vì vậy công tác chăm sóc, bảo dưỡng phải được tiến hành thường xuyên để hạn chế nước chảy trên bề mặt và tạo vệt bánh xe, đảm bảo ổn định cho đường. Luôn luôn sửa sang nền, lề đường cho bằng phẳng, đắp phụ những chỗ trũng, vết hằn bánh xe gạt bỏ những chỗ cao luôn luôn đảm bảo độ dốc ngang mặt đường thoát nước.
- Bảo vệ mái dốc: Bảo vệ chăm sóc các lớp gia cố đã có của mái dốc, bổ sung, sửa chữa kịp thời những chỗ hư hỏng nhỏ (trồng thêm cỏ, lát cỏ...)
- Sửa chữa mái taluy nền đắp bị trượt, sạt: Có thể do nước xói mòn, do gió thổi hoặc do đá lăn, súc vật đi qua gây sạt, trượt mái taluy nền đắp. Đánh cấp chỗ trượt, sạt từ dưới lên. Dùng đất cùng loại để đắp - đắp thành lớp một từ dưới lên, đắp lớp nào đầm chặt lớp ấy.
- Sửa chữa mái taluy đào bị sạt, trượt do nước chảy và tác nhân ngoài gây ra bằng cách: gia cố lớp mặt, che phủ lớp bề mặt Taluy bằng các cánh nhánh, lá cây Keo , nạo vét hệ thống thoát nước dọc, ngang để hạn chế tối đa xói mòn đất.
- Đối với một số tuyến đường cấp thấp về mùa mưa phải thực hiện việc cấm đường để bảo vệ đường và đảm bảo việc thoát nước.

QT15. QUY TRÌNH SỬ DỤNG NHÃN MÁC FSC THEO TIÊU CHUẨN FSC-STD-500-01-V2-1

1. Yêu cầu đối với thiết kế và sử dụng nhãn FSC

Căn cứ vào yêu cầu nhãn mác của sản phẩm từ bộ phận kinh doanh của Nhóm hộ/Công ty hoặc từ phía khách hàng, nhân viên thiết kế tem nhãn sẽ lập ra hồ sơ kỹ thuật cho các loại nhãn mác khác nhau. Hồ sơ về tem nhãn phải mô tả được:

- Hình dạng thực tế với đầy đủ thông tin diễn giải kích thước tem nhãn, màu sắc, loại Font chữ, mã số chứng chỉ FSC;
- Chủng loại tem nhãn (nhãn in, nhãn đề can, nhãn khắc laser…);
- Mô tả vị trí đính nhãn trên sản phẩm;
- Hình chụp mô tả;
- Hoặc mẫu minh họa.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, nhân viên thiết kế trình Trưởng Nhóm xem xét, thẩm tra để xác định xem nó có phù hợp theo yêu cầu tiêu chuẩn FSC hay không.

Nếu hồ sơ thiết kế là của khách hàng, thì vẫn phải tuân thủ theo quy trình và trình tự xem xét, phê duyệt của Nhóm CCR Phát triển bền vững. Nếu các thiết kế này không phù hợp với tiêu chuẩn thì Tổ FSC sẽ báo cáo với Trưởng nhóm để liên hệ và yêu cầu khách hàng chỉnh sửa lại cho đúng với yêu cầu tiêu chuẩn.

Nếu kết quả thẩm tra nội bộ của Nhóm CCR Phát triển bền vững là "Đạt" thì toàn bộ hồ sơ kỹ thuật cùng với các minh họa sẽ phải được gửi tới tổ chức chứng nhận để xin phê duyệt cho sử dụng.

Sau khi nhận được phê duyệt chính thức bằng văn bản (Email, văn bản) từ tổ chức chứng nhận thì Nhóm CCR Phát triển bền vững mới được tiến hành in ấn đại trà và đưa vào sử dụng.

Nếu hai tổ chức được chứng nhận FSC tham gia vào một thỏa thuận theo đó nhà cung cấp dán nhãn sản phẩm bằng mã giấy phép nhãn hiệu FSC của người mua, thì các điều kiện sau đây phải được đáp ứng:

a) Sản phẩm được dán nhãn phải nằm trong phạm vi chứng nhận của cả hai tổ chức.

b) Cả hai bên phải thông báo cho các tổ chức chứng nhận của mình bằng văn bản về thỏa thuận. Thông tin này phải bao gồm định nghĩa về tổ chức chứng nhận hoặc chủ sở hữu chứng nhận có hệ thống quản lý sử dụng nhãn hiệu đã được phê duyệt, chịu trách nhiệm phê duyệt nhãn trên sản phẩm.

c) Nhà cung cấp có trách nhiệm đảm bảo rằng mã của người mua chỉ được sử dụng trên các sản phẩm đủ điều kiện được cung cấp cho người mua đó.

d) Nếu nhà cung cấp sử dụng nhà thầu, thì nhà cung cấp có trách nhiệm đảm bảo rằng nhà thầu chỉ sử dụng mã đó cho các sản phẩm đủ điều kiện được cung cấp cho người mua.

e) Cả hai tổ chức phải giữ thỏa thuận dễ dàng để các tổ chức chứng đánh giá.

Trong tất cả các trường hợp khác, tất cả các hình thức sử dụng tem nhãn mà không có sự phê duyệt của tổ chức chứng nhận, hoặc không có văn bản chấp thuận chính thức thì được xem là vi phạm yêu cầu của tiêu chuẩn FSC. Nếu bị phát hiện thì chứng chỉ CoC có thể bị thu hồi.

Lưu ý đặc biệt:

Trường hợp sử dụng	Mã số chứng chỉ FSC	Số chứng nhận CoC
Trên sản phẩm	X	
Bảng quảng cáo	X	
Vật phẩm quảng cáo	X	
Phần chữ/câu, khẩu hiệu mô tả chứng nhận CoC của Công ty	X	
Trên hóa đơn cho mục đích quảng bá (trang trí)	X	
Trên hóa đơn cho mục đích nhận diện đến sản phẩm FSC ghi trong hóa đơn		X
Trên các chứng từ bán hàng và xuất hàng		X

2. Yêu cầu đối với nhân viên thiết kế nhãn FSC

- Nhân viên thiết kế nhãn FSC phải nắm rõ các yêu cầu của tiêu chuẩn FSC-STD-500-001 V2-1 và phải luôn cập nhật các yêu cầu về sự thay đổi của tiêu chuẩn này hàng năm;

- Nhân viên thiết kế phải tuân thủ hoàn toàn các họa tiết và yêu cầu kỹ thuật khi thiết kế nhãn mác FSC tại Nhóm CCR Phát triển bền vững Ngoài ra cũng phải tuân thủ theo tiêu chuẩn FSC-STD-500-001 V2-1 về mã màu, font chữ, kích thước, nội dung và cách sắp đặt trên tem nhãn;

- Việc Nhóm CCR Phát triển bền vững sử dụng nhãn mác và mã số chứng chỉ FSC cùng với nhãn mác và mã số chứng chỉ FSC của khách hàng bị coi là không hợp lệ;

- Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, mẫu thiết kế các nhãn sản phẩm, vật phẩm quảng cáo, xác nhận phê duyệt sử dụng tem nhãn FSC phải được lưu giữ ít nhất 5 năm và phải luôn sẵn có để chứng minh phù hợp khi được yêu cầu kiểm tra từ các bên liên quan.

3. Yêu cầu khi thiết kế tem nhãn FSC

1. Hình cây:  : chữ ® dạng Superscript

2. Chữ:  : chữ ® dạng Superscript

3. Chữ: Forest Stewardship Council®: chữ ® dạng Superscript.

4. Yêu cầu cụ thể về sử dụng logo FSC

4.1 Yêu cầu chung

Các logo FSC do Forest Stewardship Council A.C sở hữu:

- Forest Stewardship Council
- Biểu tượng logo FSC

**** Lưu ý:***

- Luôn sử dụng chữ ® đi kèm với 03 nhãn hiệu thương mại này trên nhãn mác sản phẩm và các vật phẩm, tài liệu quảng bá;
- Không dịch 03 nhãn hiệu thương mại trên sang tiếng Việt.

-Nhóm CCR Phát triển bền vững chỉ được sử dụng các nhãn thương mại của FSC® trên sản phẩm và tài liệu, vật phẩm quảng bá khi thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Đã ký kết thỏa thuận cấp phép thương hiệu với FSC;

+ Có chứng nhận FSC FM/CoC (sở hữu mã bản quyền FSC: FSC-**CXXXXXX** và FM/CoC mã xác nhận **BV-FM/CoC-YYYY);**

+ Sở hữu và sản xuất nguyên liệu có chứng nhận FSC (FSC 100%).

**** Lưu ý:***

Khi thỏa mãn điều kiện trên, Nhóm CCR Phát triển bền vững có quyền quyết định sử dụng hoặc không sử dụng nhãn mác FSC trên sản phẩm và tài liệu quảng bá.

Sau khi có chứng nhận, Nhóm CCR Phát triển bền vững sẽ được FSC cung cấp tên truy cập (username) và mật khẩu (password) truy cập vào phần mềm Label generator trên http://chportal.fsc.org/CHLogin để tạo ra nhãn mác theo quy định của FSC với mã bản quyền FSC® của Nhóm CCR Phát triển bền vững. Truy cập vào phần mềm này để tạo nhãn mác. Thiết kế nhãn mác, biểu tượng trên vật phẩm quảng cáo phải được xây dựng dựa trên những nhãn mác tạo ra từ phần mềm Label generator của FSC

Không được sử dụng các nhãn thương mại FSC® trong tên nhãn sản phẩm, tên Công ty hoặc tên trang web.

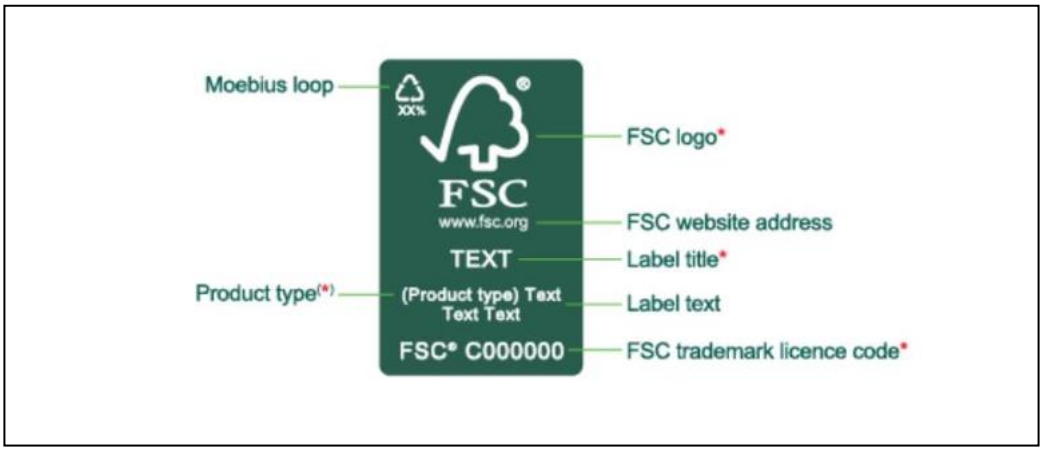
Ví dụ về đặt tên cho sản phẩm

"Golden FSC Timber" = NOT OK

"FSC™ certified Golden Timber" = OK

Hoặc "Golden Timber – FSC™ certified" = OK

Khi quảng bá bằng logo FSC, các yếu tố phải bao gồm như hình dưới



(*): Yếu tố bắt buộc

4.2 Sử dụng Nhãn FSC trên sản phẩm và logo FSC

a) Tại Nhóm Chứng chỉ nhãn mác FSC trên hóa đơn sẽ là nhãn **100%** cho sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu có chứng nhận FSC 100% → Trên nhãn mác sẽ ghi **"Wood from well-managed forests",** dạng chuẩn.

b) Các thành phần của nhãn mác dạng chuẩn bao gồm:

- Biểu tượng FSC: Logo FSC (biểu tượng cây);

- Trang web FSC (www.fsc.org);

- Tiêu đề nhãn: Label title (**100%**);

- Dòng chữ diễn giải (**Wood from well-managed forests);**

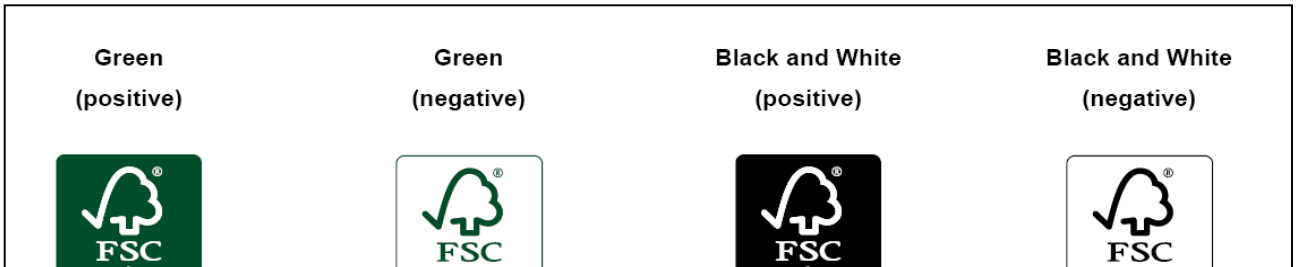
- Mã bản quyền FSC: FSC license code (FSC **C000000**).

**** Lưu ý:*** *Như vậy nhân viên chịu trách nhiệm về nhãn mác* FSC *khi dán nhãn* FSC *trên sản phẩm phải:*

- Chỉ cho in ấn và cấp phát đủ số lượng nhãn mác FSC *theo số lượng mà Giám đốc duyệt;*

- Nội dung tiêu đề nhãn FSC *(100% và dòng chữ diễn giải đi kèm) trên nhãn mác phải dựa trên yêu cầu về tình trạng môi trường sản phẩm và nguyên liệu đề cập trên lệnh sản xuất (FSC100%);*

- Nếu khách hàng của Nhóm hộ thiết kế nhãn mác, phải kiểm tra thiết kế này có đảm bảo các yêu cầu của tiêu chuẩn FSC-STD 50 001 V2-1.



Phông chữ: Arial Unicode MS.

Màu:Pantone 626C



4.3 . Kích thước nhãn FSC trên sản phẩm.

a) Tại Nhóm CCR Phát triển bền vững, nhãn mác FSC trên sản phẩm sẽ là nhãn **100%** cho sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu có chứng nhận FSC 100%, dạng mini.

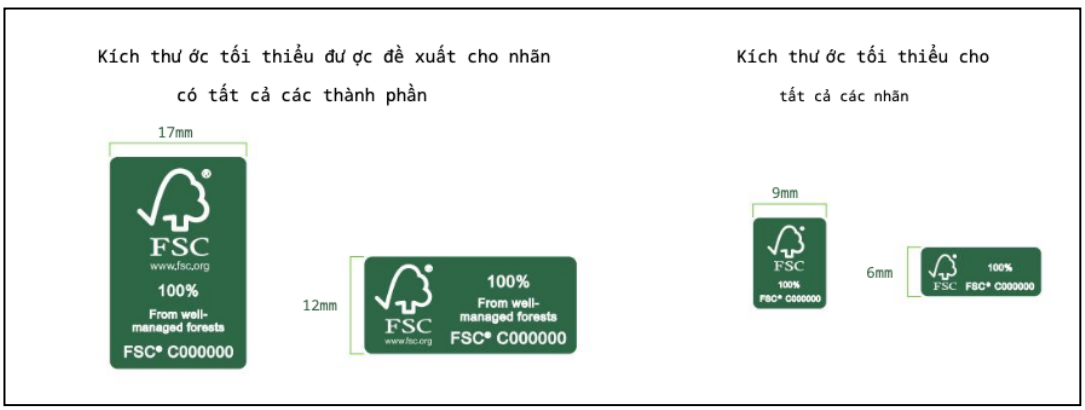
b) Các thành phần của nhãn mác dạng mini gồm:

- Biểu tượng FSC: Logo FSC (biểu tượng cây);

- Tiêu đề nhãn: Label title (**100%**);

- Mã bản quyền FSC: FSC license code (FSC® **C000000**).

Kích thước nhỏ nhãn được chọn theo 02 kích cỡ dưới đây



4.4 . Sử dụng FSC trên vật phẩm quảng cáo.

Cập nhật khi Nhóm CCR Phát triển bền vững có nhu cầu sử dụng

MẪU SỬ DỤNG NHÃN FSC TRÊN SẢN PHẨM

(Dùng búa đóng dấu chìm trên sản phẩm)



Quy trình này được phổ biến đến toàn bộ các thành viên Nhóm và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan để khai thác sử dụng./.